CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC GIAI ĐOẠN 2

---o0o---

ĐÀO THỊ THU THỦY

HƯỚNG DẪN HUY ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên trung học cơ sở)

Hà Nội, 2021

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU *1*
MỤC TIÊU *3*
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ **5**
1.1. Học sinh khuyết tật ở trường trung học cơ sở **5**
1.1.1. Khái niệm học sinh khuyết tật 5
1.1.2. Phân loại học sinh khuyết tật 5
1.1.3. Nhận diện học sinh trung học cơ sở khuyết tật 6
1.2. Giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở **10**
1.2.1. Định nghĩa giáo dục hòa nhập 10
1.2.2. Đặc trưng cơ bản của giáo dục hòa nhập 10
1.2.3. Quy trình giáo dục hòa nhập 10
1.3. Cơ sở pháp lý và các chính sách thực hiện giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở **11**
1.3.1. Cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế 11
1.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam 11
CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN HUY ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ **21**
2.1. Ý nghĩa hoạt động huy động học sinh khuyết tật tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở **21**
2.2. Đối tượng huy động tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở **21**
2.3. Nguyên tắc huy động học sinh khuyết tật tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở **22**
2.4. Giải pháp huy động học sinh khuyết tật đến trường hòa nhập **22**
2.4.1. Phát hiện và tư vấn cho gia đình (người giám hộ) để xác định dạng, mức độ khuyết tật cho học sinh 24
2.4.2. Vận động gia đình cho học sinh tiếp cận chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở 25
2.4.3. Chuẩn bị tâm thế để học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở 27
2.4.4. Truyền thông thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng 29

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ..... 32

3.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên về giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông 2018..... 32

3.1.1. Đối tượng..... 32

3.1.2. Mục tiêu..... 32

3.1.3. Nội dung..... 32

3.1.4. Phương pháp và cách thức tiến hành..... 32

3.2. Phát triển năng lực tổ chức thực hiện giáo dục học sinh khuyết tật theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho giáo viên trung học cơ sở..... 34

3.2.1. Đối tượng..... 34

3.2.2. Mục tiêu..... 34

3.2.3. Nội dung..... 35

3.2.4. Phương pháp và cách thức tiến hành..... 35

3.3. Quản lý giáo dục hòa nhập theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong trường trung học cơ sở..... 38

3.3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập của trường trung học cơ sở..... 38

3.3.2. Tiếp nhận học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp trung học cơ sở 40

3.3.3. Quản lý hồ sơ học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp trung học cơ sở..... 41

3.3.4. Đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp trung học cơ sở..... 45

3.3.5. Xây dựng vòng bạn bè của học sinh khuyết tật..... 46

3.3.6. Phối hợp với gia đình học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập..... 48

3.3.7. Phối hợp các lực lượng cộng đồng tham gia giáo dục hòa nhập 50

3.3.8. Cải tạo cơ sở vật chất và tăng cường học liệu dành cho học sinh khuyết tật..... 52

CHƯƠNG 4. DẠY HỌC HÒA NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018..... 59
4.1. Tìm hiểu khả năng, nhu cầu của học sinh khuyết tật..... 59
4.1.1. Mục tiêu..... 59
4.1.2. Nhân lực thực hiện..... 59
4.1.3. Thời điểm thực hiện..... 60
4.1.4. Công cụ thực hiện..... 60
4.1.5. Phương pháp thực hiện..... 60
4.2. Xây dựng mục tiêu, kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật..... 60
4.2.1. Đối tượng..... 61
4.2.2. Nhân lực thực hiện..... 61
4.2.3. Nội dung..... 61
4.2.4. Thực hiện kế hoạch..... 64
4.3. Giải pháp thiết kế và tiến hành dạy học hòa nhập có hiệu quả..... 65
4.3.1. Thiết kế bài học có hiệu quả theo hướng phát triển năng lực dành cho học sinh khuyết tật..... 65
4.3.2. Thực hiện bài học hòa nhập có hiệu quả theo hướng phát triển năng lực dành cho học sinh khuyết tật..... 69
4.3.3. Giải pháp về lựa chọn phương pháp dạy học hòa nhập..... 74
4.4. Giải pháp tiến hành dạy học hỗ trợ..... 90
4.4.1. Tiết học cá nhân..... 90
4.4.2. Tiết học nhóm..... 92
4.5. Đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở..... 94
4.5.1. Đổi mới mục tiêu và phương pháp đánh giá..... 94
4.5.2. Các quan điểm đánh giá..... 95
4.5.3. Quy trình đánh giá..... 96
4.5.4. Nội dung đánh giá..... 96
4.5.5. Phương pháp đánh giá..... 96
4.5.6. Quy trình thiết kế công cụ đánh giá..... 98
MINH HỌA..... 99
A. Huy động và giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở..... 99

A.1. Phát hiện và tư vấn gia đình cho học sinh xác nhận khuyết tật và mức độ khuyết tật..... 99
A.2. Vận động gia đình cho học sinh khuyết tật tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở..... 101
A.3. Huy động lực lượng cộng đồng hỗ trợ học sinh khuyết tật được đến trường trung học cơ sở..... 102
A.4. Giải pháp tổ chức dạy học nhóm cho học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở..... 103
A.5. Xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở..... 103
B. Điều chỉnh phương pháp dạy học bộ môn..... 105
B.1. Điều chỉnh phương pháp dạy học môn Ngữ văn..... 105
B.2. Điều chỉnh phương pháp dạy học môn Toán..... 109
C. Đánh giá kết quả học tập môt số môn học..... 116
C.1. Đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn..... 116
C.2. Đánh giá kết quả học tập môn Toán..... 119
TÀI LIỆU THAM KHẢO..... 121
PHỤ LỤC..... 124

LỜI MỞ ĐẦU

Luật Người khuyết tật (số 51/2010/QH12) của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quy định "Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chủ yếu đối với người khuyết tật". Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học và thực tiễn cho thấy tính hiệu quả và khả thi của phương thức giáo dục này bằng các chỉ số về số lượng học sinh khuyết tật đi học hòa nhập ngày càng tăng về số lượng và nâng cao về chất lượng.

Ngày 28/11/2014 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 88/2014/QH13 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Thực hiện Nghị quyết này, ngày 26/12/2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 32/2018/TT–BGDĐT về ban hành chương trình giáo dục phổ thông với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cùng với đó là tạo cơ hội bình đẳng về quyền được bảo vệ, chăm sóc, học tập và phát triển, quyền được lắng nghe, tôn trọng và được tham gia của học sinh; đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh.

Tài liệu ***"Hướng dẫn huy động và giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở"***

Tài liệu gồm 4 chương:

Chương 1. Một số vấn đề chung về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.

Nội dung cốt lõi của chương 1 là: *(i) Học sinh khuyết tật ở trường trung học cơ sở; (ii) Giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở; (iii) Cơ sở pháp lý và các chính sách thực hiện giáo dục hòa nhập học sinh cấp trung học cơ sở.*

Chương 2. Hướng dẫn huy động và giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.

Nội dung cốt lõi của chương 2 là: *(i) Ý nghĩa của hoạt động huy động học sinh khuyết tật tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở; (ii) Đối tượng huy động tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở; (iii) Nguyên tắc huy động học sinh khuyết tật tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở; (iv) Giải pháp huy động học sinh khuyết tật tiếp cận với giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.*

Chương 3. Giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở.

Nội dung cốt lõi của chương 3 là: *(i) Nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về giáo dục học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; (ii) Phát triển năng lực tổ chức thực hiện giáo dục học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; (iii) Quản lý giáo dục hòa nhập theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.*

Chương 4. Dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nội dung cốt lõi của chương 4 là: *(i) Tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; (ii) Xây dựng mục tiêu và kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; (iii) Giải pháp thiết kế và tiến hành dạy học hòa nhập có hiệu quả cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; (iv) Giải pháp tiến hành dạy học hỗ trợ cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; (v) Đánh giá kết quả học tập của học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.*

Tài liệu có thể được sử dụng làm hướng dẫn chính thức hoặc công cụ, nguồn tư liệu tham khảo cho cán bộ quản lý, giáo viên trong giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập trong trường trung học cơ sở. Bên cạnh đó, phụ huynh học sinh và những nhà chuyên môn quan tâm có thể sử dụng như một nguồn tài liệu định hướng trong dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật ở cấp trung học cơ sở.

Hy vọng cuốn tài liệu này sẽ giúp các nhà quản lý, giáo viên bước đầu tháo gỡ những khó khăn trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho học sinh khuyết tật học hòa nhập ở cấp trung học cơ sở.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng nội dung tài liệu không tránh khỏi những nội dung cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện. Rất mong được sự phản hồi góp ý của các quý cô, quý thầy.

Trân trọng cám ơn!

TÁC GIẢ

MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

– Sau khi đọc xong và thực hành các nội dung trong tài liệu này, cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên trung học cơ sở có khả năng tổ chức huy động học sinh khuyết tật và tiến hành các giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năng lực

Năng lực chung

– Nêu được khái niệm, tiêu chí nhận diện, phân loại học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở và cơ sở pháp lý giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở; trình bày được và vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo các giải pháp huy động và giúp học sinh khuyết tật tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở cấp trung học cơ sở.

Năng lực cụ thể

– Trình bày được khái niệm, tiêu chí nhận diện và phân loại học sinh khuyết tật nhìn; nghe – nói; khuyết tật trí tuệ; rối loạn phổ tự kỷ và khuyết tật học tập, từ đó vận dụng vào việc nhận diện học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở;

– Trình bày được các cơ sở pháp lý và các chính sách thực hiện giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở. Từ đó, vận dụng được những văn bản này trong quá trình tổ chức giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở;

– Trình bày và vận dụng các giải pháp huy động học sinh khuyết tật đến trường trung học cơ sở, bao gồm:

+ Phát hiện và tư vấn phụ huynh học sinh xác dịnh dạng tật và mức độ khuyết tật cho học sinh có nghi ngờ khuyết tật;

+ Chuẩn bị tâm thế để học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở;

+ Truyền thông giáo dục hòa nhập trên các phương tiện thông tin đại chúng;

– Trình bày và vận dụng các giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở, bao gồm:

+ Nâng cao nhận thức về giáo dục hòa nhập;

+ Phát triển năng lực về giáo dục hòa nhập;

+ Quản lý giáo dục hòa nhập trong trường trung học cơ sở;

+ Cải tạo cơ sở vật chất và tăng cường học liệu cho học sinh khuyết tật;

+ Dạy học hòa nhập trong trường trung học cơ sở;

+ Đánh giá kết quả học tập học sinh khuyết tật trong trường hòa nhập;

**** Phẩm chất***

– Tin tưởng vào sự tiến bộ của học sinh khuyết tật, tích cực chủ động và sáng tạo trong các hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.

b) Đối tượng sử dụng

– Tài liệu hướng dẫn dành cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên cấp trung học cơ sở. Bên cạnh đó, phụ huynh học sinh và những nhà chuyên môn quan tâm có thể sử dụng như một nguồn tài liệu định hướng trong dạy học hòa nhập cho học sinh khuyết tật học tập cấp trung học cơ sở.

c) Những lưu ý khi sử dụng tài liệu

– Tài liệu hướng dẫn huy động và giải pháp giúp học sinh khuyết tật tiếp cận chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở, là tài liệu thứ 3 trong bộ tài liệu in gồm 8 cuốn về huy động, quản lý học sinh di cư có hoàn cảnh khó khăn và tài liệu về huy động, giáo dục học sinh khuyết tật ở cấp trung học cơ sở. Để minh họa cho bộ tài liệu này, có 320 tài liệu băng hình kỹ thuật số có mối liên quan chặt chẽ và cụ thể hóa bằng các hướng dẫn. Do đó, trong quá trình nghiên cứu và sử dụng tài liệu cán bộ quản lý và giáo viên cần lưu ý một số điểm như sau:

+ Thông hiểu sâu sắc về chương trình tổng thể và chương trình môn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

+ Sử dụng đồng thời cả hai loại tài liệu: Tài liệu in và tài liệu băng hình kỹ thuật số để bổ sung cho nhau về thông tin và dễ dàng hơn trong cách tiếp cận với nội dung cần đọc;

+ Tài liệu biên soạn như một nguồn tài liệu tham khảo, do đó, tùy vào thực tế tại địa phương, cán bộ quản lý và giáo viên có thể vận dụng một cách sáng tạo kết hợp với các nguồn tài liệu khác để tiến hành giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật;

+ Toàn bộ tài liệu in được số hóa và đưa lên mạng, do đó, cán bộ quản lý và giáo viên có thể tham khảo trực tiếp trên website. Nhóm tác giả rất mong nhận được các ý kiến phản hồi để tiếp thu, bổ sung, chỉnh sửa cho tài liệu ngày càng hoàn thiện.

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1. HỌC SINH KHUYẾT TẬT Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.1.1. Khái niệm học sinh khuyết tật

Thông tư số 19/2017/TT – BGDĐT về hệ thống tiêu chí thống kê ngành giáo dục quy định: Học sinh trung học cơ sở là học sinh học tại các khối lớp từ lớp 6 đến lớp 9 đang học tập tại các trường trung học cơ sở và các trường phổ thông nhiều cấp học[1].

Luật Người khuyết tật (2010) định nghĩa: Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn.[2]

Tài liệu này tập trung vào đối tượng là những học sinh khuyết tật đang học tập từ lớp 6 đến lớp 9 tại các trường trung học cơ sở và các trường phổ thông nhiều cấp học.

1.1.2. Phân loại học sinh khuyết tật

Có nhiều cách phân chia và gọi tên các dạng khuyết tật. Trong tài liệu này sử dụng thống nhất cách phân loại, gọi tên 6 dạng khuyết tật được quy định của Luật người khuyết tật (2010) và Nghị định số: 28/2012/NĐ–CP Quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật[3].

– *Khuyết tật vận động:* Là tình trạng giảm hoặc mất chức năng cử động đầu, cổ, chân, tay, thân mình dẫn đến hạn chế trong vận động, di chuyển.

– *Khuyết tật nghe, nói:* Là tình trạng giảm hoặc mất chức năng nghe, nói hoặc cả nghe và nói, phát âm thành tiếng và câu rõ ràng dẫn đến hạn chế trong giao tiếp, trao đổi thông tin bằng lời nói.

---

[1] Thông tư 19/2017/TT – BGD ĐT về hệ thống tiêu chí thống kê ngành giáo dục của Bộ trưởng Bộ GD ĐT

[2] Luật Người khuyết tật 51/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010.

[3] Nghị định Số: 28/2012/NĐ–CP Quy đinh chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

– *Khuyết tật nhìn:* Là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhìn và cảm nhận ánh sáng, màu sắc, hình ảnh, sự vật trong điều kiện ánh sáng và môi trường bình thường.

– *Khuyết tật thần kinh, tâm thần:* Là tình trạng rối loạn tri giác, trí nhớ, cảm xúc, kiểm soát hành vi, suy nghĩ và có biểu hiện với những lời nói, hành động bất thường.

– *Khuyết tật trí tuệ:* Là tình trạng giảm hoặc mất khả năng nhận thức, tư duy biểu hiện bằng việc chậm hoặc không thể suy nghĩ, phân tích về sự vật, hiện tượng, giải quyết sự việc.

– *Khuyết tật khác:* Là tình trạng giảm hoặc mất những chức năng cơ thể khiến cho hoạt động lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn mà không thuộc các trường hợp nêu trên. Có nhiều trẻ thuộc nhóm khuyết tật khác. Có 02 loại khuyết tật thuộc nhóm các khuyết tật khác được đề cập cụ thể trong cuốn tài liệu này là: Rối loạn phổ tự kỷ và khuyết tật học tập (Suy giảm khả năng đọc, viết, tính toán)[4]. Đây là hai nhóm học sinh khuyết tật chiếm số lượng lớn tham gia học hòa nhập tập tại các trường trung học cơ sở.

1.1.3. Nhận diện học sinh trung học cơ sở khuyết tật

Cũng như các học sinh trung học cơ sở khác, mỗi học sinh khuyết tật là một nhân cách riêng, độc đáo, khác biệt cần được tôn trọng. Tuy nhiên, khi mắc một hay nhiều khuyết tật các học sinh này sẽ có những dấu hiệu đặc trưng của loại khuyết tật đó. Để nhận diện và phát hiện ra học sinh khuyết tật cần thực hiện theo các chỉ dẫn sau đây:

– Quan niệm nhận diện học sinh khuyết tật: Là bước sàng lọc các khó khăn trong sinh hoạt, học tập, lao động của học sinh ở trường trung học cơ sở nhằm phát hiện sớm những học sinh có nguy cơ khuyết tật.

– Mục tiêu nhận diện: Chỉ ra các dấu hiệu nghi ngờ khuyết tật của học sinh.

– Người chịu trách nhiệm: Giáo viên chủ nhiệm; giáo viên bộ môn; nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập.

– Phương pháp nhận diện:

➢ *Phương pháp quan sát:* Giáo viên quan sát, ghi chép thông tin về biểu hiện của học sinh trong các hoạt động học tập, giao tiếp, vui chơi… trong điều kiện tự nhiên và so sánh với các học sinh khác để nhận ra các nhu cầu giáo dục đặc biệt của học sinh;

[4] Thông tư số 01/2019/TT–BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật.

➢ *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động học tập của học sinh:* Giáo viên phân tích, so sánh các sản phẩm hoạt động học tập của học sinh với các bạn cùng lớp và với yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở về phẩm chất và năng lực để phát hiện sự khó khăn trong học tập của học sinh;

➢ *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục:* Xem xét học bạ, kế hoạch giáo dục cá nhân (nếu có) ở tiểu học và các lớp học trước đó; trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn năm học trước và người đại diện hợp pháp để thu thập thêm thông tin về các khó khăn trong học tập; sinh hoạt của học sinh.

a. Nhận diện học sinh khuyết tật vận động

– Học sinh gặp khó khăn khi đi bộ, chạy, nhảy;

– Học sinh gặp khó khăn khi viết bài: tư thế ngồi viết, cử động tay;

– Học sinh gặp khó khăn khi tự chăm sóc bản thân như tự ăn hay tự mặc quần áo không khác nhiều như các bạn cùng lớp;

– Học sinh dễ bị mệt mỏi, không thể thực hiện hoạt động học tập liên tục trong suốt tiết học hoặc cả buổi học.

b. Nhận diện học sinh khuyết tật nhìn

– Học sinh có hình dạng và cấu tạo của mắt không bình thường (Cầu mắt lồi hoặc xẹp; thường xuyên chảy nước mắt; mắt luôn có rỉ; mắt chớp liên tục);

– Học sinh luôn dí sát mắt vào vật để nhìn;

– Học sinh hay phàn nàn vì đau đầu, buồn nôn, hoa mắt, mắt bị nóng và ngứa; nhìn mọi thứ thấy bị mờ, không rõ;

– Học sinh không ghi chép hoặc ghi thiếu, sai thông tin, nội dung bài học.

c. Nhận diện học sinh khuyết tật nghe – nói

** Học sinh khuyết tật nghe*

– Học sinh không hoặc ít phản ứng với âm thanh;

– Học sinh thường xuyên phản hồi thiếu chính xác với các yêu cầu bằng lời của giáo viên và các bạn;

– Học sinh có vốn từ hạn chế; phát âm sai;

– Học sinh không nói hoặc diễn đạt khó, nói ngọng, nói không rõ ràng.

** Học sinh khuyết tật nói*

– Học sinh phát âm sai, khó khăn trong khi nói, nói lắp, mất ngôn ngữ, không có ngôn ngữ;

– Học sinh rối loạn về giọng điệu hoặc vốn từ vựng nghèo nàn;

– Học sinh nói không rõ nghĩa khiến độ dễ hiểu lời nói suy giảm, nói sai trật tự ngữ pháp;

– Học sinh sử dụng ngôn ngữ không đúng ngữ cảnh giao tiếp...

d. Nhận diện học sinh khuyết tật trí tuệ

– Học sinh đồng thời có cả hai biểu hiện sau đây:

(i) Học kém hơn hẳn các bạn cùng lớp. Không theo kịp chương trình ngay cả khi giáo viên đã tìm mọi cách để điều chỉnh và hỗ trợ;

(ii) Hạn chế hơn hẳn các bạn về kỹ năng sống: giao tiếp; xã hội (thiết lập và duy trì các mối quan hệ); tự phục vụ, vui chơi….

e. Nhận diện học sinh khuyết tật tâm thần kinh

– Học sinh thường ngồi một mình, chơi một mình không quan tâm tới bất kỳ ai;

– Học sinh có những hành vi bất thường như kích động, cáu giận hoặc sợ hãi vô cớ gây ảnh hưởng đến sức khỏe, sự an toàn của bản thân và người khác;

– Bất ngờ dừng mọi hoạt động, mắt mở trừng trừng không chớp, co giật chân tay, môi, mặt hoặc bất thình lình ngã xuống, co giật, sùi bọt mép, hỏi không biết;

– Học sinh không nhớ người thân, thầy cô, bạn bè;

– Học sinh bỏ đi lang thang.

f. Nhận diện học sinh rối loạn phổ tự kỷ

Học sinh xuất hiện đồng thời cả ba biểu hiện sau đây:

– Học sinh không thể hoặc có biểu hiện rất bất thường trong cách bắt chuyện, nhập chuyện và đối đáp với giáo viên và các bạn;

– Học sinh không có hứng thú sinh hoạt chung theo nhóm;

– Hành vi, sở thích, và hoạt động rập khuôn, cứng nhắc, không muốn sự thay đổi.

g. Nhận diện học sinh khuyết tật học tập

– Học sinh xuất hiện đồng thời cả hai biểu hiện sau đây:

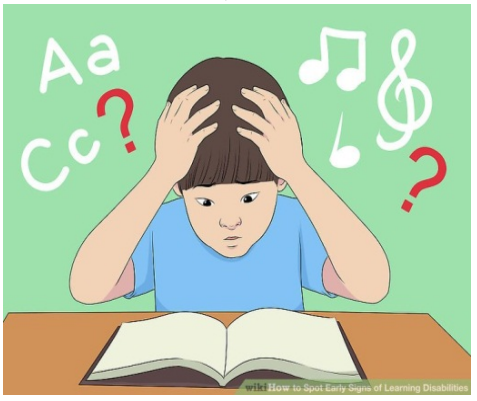

– Học sinh có trí tuệ trung bình hoặc trên trung bình nhưng lại gặp khó khăn trong học tập;

– Học sinh học kém một hoặc cả hai môn toán và ngữ văn hơn hẳn so với các bạn cùng lớp ít nhất 2 năm (lớp 6 trình độ lớp 4; lớp 9 trình độ lớp 5) mặc dù giáo viên đã hỗ trợ và học sinh hợp tác;

– Học sinh có thể rụt rè, ngại tiếp xúc, ít giao lưu hoặc bướng bỉnh nhưng không trẻ con hoặc ngây ngô hơn các bạn cùng lớp.

1.2. GIÁO DỤC HÒA NHẬP CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.2.1. Định nghĩa giáo dục hòa nhập

Luật người khuyết tật 2010 chỉ rõ: Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục.

Giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở là phương thức giáo dục chung học sinh khuyết tật học cùng với các bạn không khuyết tật trong trường trung học cơ sở tại địa phương nơi học sinh và gia đình sinh sống.

1.2.2. Đặc trưng cơ bản của giáo dục hòa nhập

Giáo dục cho mọi đối tượng học sinh, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, điều kiện kinh tế, thành phần xã hội;

Học sinh khuyết tật đi học tại trường trung học cơ sở nơi học sinh và gia đình đang sinh sống;

Giáo dục hòa nhập không có nghĩa là đánh đồng mọi học sinh trẻ, đối xử cào bằng, mà tôn trọng mọi khả năng, nhu cầu riêng biệt của mỗi học sinh;

Nhà giáo dục tiến hành điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá kết quả giáo dục cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh.

1.2.3. Quy trình giáo dục hòa nhập

Giáo dục hòa nhập được tiến hành theo quy trình gồm bốn bước:

1) Hiểu khả năng, nhu cầu và môi trường phát triển của học sinh khuyết tật;

2) Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục cá nhân;

3) Thực hiện kế hoạch;

4) Đánh giá kết quả giáo dục.

Quy trình giáo dục này mang tính tuần hoàn, sau mỗi giai đoạn thực hiện giáo dục, cần thiết phải đánh giá lại kết quả giáo dục và xây dựng mục tiêu, kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

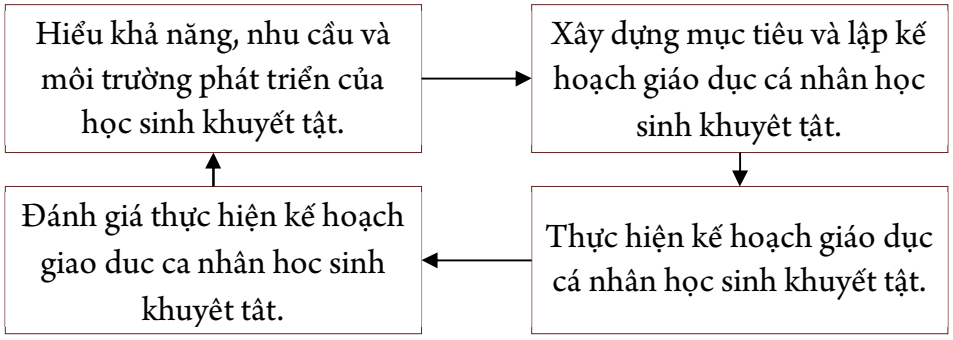

Sơ đồ 1.1. Quy trình thực hiện giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật

1.3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN GIÁO DỤC HÒA NHẬP HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1.3.1. Cam kết của Chính phủ Việt Nam với cộng đồng quốc tế

– Chăm sóc, giáo dục cho trẻ khuyết tật luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Vì thế, bên cạnh việc ban hành các văn bản luật pháp, chính sách trong nước, Việt Nam đã và đang tích cực thực hiện các cam kết quốc tế liên quan đến vấn đề này. Các văn bản Việt Nam đã tham gia ký và cam kết cụ thể như sau:

– Công ước liên hiệp quốc tế về quyền của Người khuyết tật (Quốc hội phê chuẩn ngày 28/11/2014).

– Chiến lược Incheon nhằm "Hiện thực hóa quyền" cho người khuyết tật khu vực châu Á – Thái Bình Dương (2012).

– Chính phủ Việt Nam tập trung ưu tiên chăm sóc và giáo dục cho nhóm các đối tượng có nhu cầu giáo dục đặc biệt như sau: Nhóm trẻ em khuyết tật; Nhóm các dân tộc thiểu số; Nhóm dân cư nghèo, đặc biệt là nhóm trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em lang thang đường phố; Nhóm trẻ em gái.

1.3.2. Văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam

Hiến pháp các năm 1946, 1959, 1992, 2013 của Việt Nam đều quy định về quyền học tập của công dân. Cụ thể, Hiến pháp năm 2013, Điều 61 quy định: Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hoá và học nghề.

Luật người khuyết tật (2010) dành một chương (từ Điều 27 đến Điều 31) quy định về giáo dục đối với người khuyết tật, nhấn mạnh trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm hòa nhập của người khuyết tật trong giáo dục. Luật này đã quy định cụ thể về phương thức giáo dục người khuyết tật, chính sách hỗ trợ với nhà giáo và nhân viên hỗ trợ người khuyết tật học tập, trách

nhiệm của cơ sở giáo dục và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Luật người khuyết tật nêu rõ: Người khuyết tật Việt Nam được quyền tham gia ba phương thức giáo dục là: Giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt và giáo dục bán hòa nhập (giáo dục hội nhập).

Nghị định số 28/2012/NĐ–CP ngày 10/4/2012, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật, triển khai hiệu quả chính sách về người khuyết tật; ngày 05 tháng 8 năm 2012 Thủ tướng chính phủ ban hành Quyết định số: 1019/QĐ–TTg, Quyết định phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 – 2020. Trong đó đề cập đến các hoạt động nhằm đảm bảo mục tiêu 60% trẻ khuyết tật có khả năng học tập tiếp cận với giáo dục.

Ngày 3 tháng 6 năm 2020 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 753/QĐ–TTg Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39–CT/TW ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ động, tích cực phối hợp với các bộ ngành trong việc ban hành hệ thống văn bản chính sách về giáo dục với người khuyết tật khá đầy đủ, như:

1) Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH quy định về điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập;

2) Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH–BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bao gồm: ưu tiên nhập học và tuyển sinh; miễn, giảm một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục; đánh giá kết quả giáo dục; chính sách về học phí, về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập, áp dụng đối với người khuyết tật học tập trong các cơ sở giáo dục có dạy người khuyết tật, các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan;

3) Thông tư liên tịch 19/2016/TTLT–BGDĐT–BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016, quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập;

Trong những năm gần đây để tạo điều kiện thực hiện công bằng giáo dục cho học sinh khuyết tật, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các thông tư và quyết định sau:

1) Thông tư số 03/2018/TT–BGDĐT, ngày 29 tháng 1 năm 2018, quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; các tổ chức, cá nhân thực hiện giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật. Thông tư cũng khẳng định: đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng và phù hợp với đặc điểm, khả năng của người khuyết tật;

2) Quyết định số 338/QĐ–BGDĐT, ngày 30 tháng 01 năm 2018, ban hành kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018 – 2020 của ngành giáo dục. Mục tiêu chung đến năm 2020 nêu rõ: Tăng cường khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng giáo dục người khuyết tật, đảm bảo người khuyết tật được tiếp cận giáo dục chất lượng, bình đẳng và thân thiện. Nhờ vậy, đã tạo điều kiện để người khuyết tật được học tập bình đẳng trong các cơ sở giáo dục;

3) Thông tư số: 15/2019/TT–BGDĐT ban hành ngày 30 tháng 8 năm 2019 ban hành quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật;

4) Thông tư số: 17/2020/TT–BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 Ban hành Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật.

Ngày 02/01/2019, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 01/2019/TT–BLĐTBXH Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện. Tại Thông tư này có một số điểm mới căn bản so với Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT/BLĐTBXH–BYT–BTC–BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Y tế – Bộ Tài chính – Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện, cụ thể: "Chủ tịch Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã có trách nhiệm gửi văn bản tham khảo ý kiến cơ sở giáo dục về tình trạng khó khăn trong học tập, sinh hoạt, giao tiếp và kiến nghị về dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật của người được xác định mức độ khuyết tật đang đi học" giúp nhiều học sinh được xác định khuyết tật được quyền thụ hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước về giáo dục cho học sinh khuyết tật.

Bảng số 1.1. Văn bản chính sách dành cho giáo dục hòa nhập người khuyết tật

Văn bản	Thời gian ban hành	Nội dung liên quan
Luật người khuyết tật	2010	Dành một chương nhấn mạnh trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm hòa nhập của người khuyết tật trong giáo dục. Luật cũng quy định cụ thể về phương thức giáo dục người khuyết tật, chính sách hỗ trợ với nhà giáo và nhân viên hỗ trợ người khuyết tật học tập, trách nhiệm của cơ sở giáo dục và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Luật người khuyết tật nêu rõ: Người khuyết tật Việt Nam được quyền tham gia ba phương thức giáo dục là: Giáo dục hòa nhập, giáo dục chuyên biệt và giáo dục bán hòa nhập (giáo dục hội nhập).
Nghị định số 28/2012/NĐ–CP	10/4/2012	Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật người khuyết tật về dạng tật, mức độ khuyết tật và xác định mức độ khuyết tật; chính sách xã hội hóa trợ giúp người khuyết tật; nghiên cứu khoa học, đào tạo chuyên gia, kỹ thuật viên, sản xuất trang thiết bị dành cho người khuyết tật; chế độ phụ cấp và chính sách ưu đãi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật; việc làm cho người khuyết tật; giảm giá vé, giá dịch vụ; thực hiện lộ trình cải tạo công trình công cộng; phương tiện giao thông tiếp cận; bảo trợ xã hội; thành lập, hoạt động, giải thể cơ sở chăm sóc người khuyết tật.

Quyết định số: 19/QĐ–TTg; Quyết định Phê duyệt Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012 – 2020	5/8/2012	Quyết định đề ra mục tiêu chung là: Hỗ trợ người khuyết tật phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân; tạo điều kiện để người khuyết tật vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế – xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội. Mục tiêu cụ thể là đến năm 2020 có 70% trẻ khuyết tật có khả năng học tập tiếp cận với giáo dục và các hoạt động chủ yếu của đề án bao gồm: 1. Phát hiện sớm, can thiệp sớm, phẫu thuật chỉnh hình và cung cấp dụng cụ trợ giúp cho người khuyết tật. 2. Trợ giúp tiếp cận giáo dục: a. Hỗ trợ triển khai giáo dục hòa nhập ở các cấp học thông qua việc xây dựng chương trình, tài liệu; bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý tham gia giáo dục trẻ khuyết tật; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên trực tiếp dạy trẻ khuyết tật trí tuệ, khuyết tật nghe, nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật ngôn ngữ, tự kỷ; b. Nghiên cứu biên soạn, sản xuất, cung ứng các tài liệu học tập hỗ trợ cho học sinh khiếm thính, sách chữ nổi cho học sinh khiếm thị, học sinh khuyết tật; c. Nghiên cứu xây dựng và phổ biến hệ thống ký hiệu ngôn ngữ phổ thông sử dụng thống nhất trong toàn quốc; xây dựng tài liệu ký hiệu ngôn ngữ cho các cấp học.

Quyết định số 753/QĐ–TTg Ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39–CT/TW	3/6/2020	Quyết định đề cấp đến các biện pháp, giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật cụ thể như: 1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về người khuyết tật 2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách, pháp luật về người khuyết tật 3. Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động trợ giúp người khuyết tật 4. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị – xã hội và các tổ chức xã hội đối với các tổ chức của người khuyết tật 5. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức của người khuyết tật 6. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, khen thưởng 7. Một số nội dung, giải pháp khác giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì các hoạt động cụ thể sau: – Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan hoàn thiện việc ban hành quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật; phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu xây dựng các chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật, chính sách ưu đãi đối với giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật tham gia giáo dục người

		khuyết tật. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập trường, lớp dành cho người khuyết tật. – Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng phê duyệt quy hoạch hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; xây dựng hệ thống thông tin và cơ chế quản lý thông tin về học sinh khuyết tật trên toàn quốc. – Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.
Thông tư liên tịch số 58/2012/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH	28/12/2012	Quy định về điều kiện và thủ tục thành lập, hoạt động, đình chỉ hoạt động, tổ chức lại, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập
Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH–BTC	31/12/2013	Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật, bao gồm: ưu tiên nhập học và tuyển sinh; miễn, giảm một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục; đánh giá kết quả giáo dục; chính sách về học phí, về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập, áp dụng đối với người khuyết tật học tập trong các cơ sở giáo dục có dạy người khuyết tật, các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Thông tư liên tịch 19/2016/TTLT–BGDĐT–BNV	22/6/2016	1. Thông tư liên tịch này quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập. 2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật làm việc trong các cơ sở giáo dục công lập có dạy người khuyết tật, gồm: cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên biệt và Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập có người khuyết tật tham gia học tập.
Thông tư số: 16/2017/TT–BGDĐT	12/7/2017	Điều 4, chương 2. Danh mục khung vị trí việc làm trong trường trung học cơ sở; trường Phổ thông Dân tộc bán trú cấp trung học cơ sở; trường dành cho người khuyết tật (sau đây gọi chung là trường phổ thông cấp trung học cơ sở) 3. Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ (09 vị trí): h) Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật;
Thông tư số: 03/2018/TT–BGDĐT	29/1/2018	Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật: Áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, trường trung cấp sư phạm, trường cao đẳng sư phạm, cơ sở giáo dục đại học trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; các tổ chức, cá nhân thực hiện giáo dục hòa nhập đối với người khuyết

		tật. Thông tư cũng khẳng định: đảm bảo quyền học tập bình đẳng, chất lượng và phù hợp với đặc điểm, khả năng của người khuyết tật.
Quyết định số: 338/QĐ–BGDĐT	30/1/2018	Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018 – 2020 của ngành GD. Mục tiêu chung đến năm 2020 đề ra mục tiêu như sau: 1. Mục tiêu chung đến năm 2020 Tăng cường khả năng tiếp cận và nâng cao chất lượng giáo dục người khuyết tật, đảm bảo người khuyết tật được tiếp cận giáo dục chất lượng, bình đẳng và thân thiện. 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 – Có ít nhất 70% người khuyết tật trong độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục hòa nhập chất lượng, bình đẳng và thân thiện. – Có ít nhất 50% cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục người khuyết tật. – Có ít nhất 40% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. – 100% tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ sở giáo dục được phổ biến và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.
Thông tư số: 15/2019/TT–BGDĐT	30/8/2019	Ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật quy định tại Thông tư này áp dụng đối với các

		cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động giáo dục và các hoạt động khác liên quan đến người khuyết tật.
Thông tư số: 17/2020/TT–BGDĐT	29/6/2020	Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ kí hiệu cho người khuyết tật quy định tại Thông tư này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động giáo dục liên quan đến người khuyết tật.
Thông tư số: 32/2020/TT–BGDĐT	15/9/2020	Thông tư Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Khoản 3, Điều 17, chương 2. Chương trình giáo dục và kế hoạch giáo dục. 3. Học sinh khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch giáo dục linh hoạt, phù hợp với khả năng của từng cá nhân và quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người khuyết tật. Khoản 4, Điều 20, chương 2. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở và giáo dục hòa nhập. 4. Nhà trường thực hiện giáo dục hòa nhập cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt, học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở theo quy định của Luật người khuyết tật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật người khuyết tật, các quy định của Điều lệ này và quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người khuyết tật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

CHƯƠNG 2. HƯỚNG DẪN HUY ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

2.1. Ý NGHĨA HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

Trong giai đoạn 2016 – 2020, số lượng học sinh khuyết tật tham gia giáo dục tăng lên ở các cấp học phổ thông[5]. Tuy nhiên cơ hội tiếp cận giáo dục của học sinh khuyết tật thấp hơn nhiều so với học sinh không khuyết tật, đặc biệt chệnh lệch ở các cấp học cao. Mục tiêu của chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030 nêu rõ: Đến năm 2025, 80% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục và năm 2030 có 90% trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục. Để đạt được mục tiêu này chương trình đưa ra kế hoạch hoạt động để bảo đảm phổ cập giáo dục trung học cơ sở đối với người khuyết tật[6]. Vì thế, huy động học sinh khuyết tật tiếp cận giáo dục luôn là một nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục đối với công tác giáo dục người khuyết tật.

2.2. ĐỐI TƯỢNG HUY ĐỘNG TIẾP CẬN VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

– Học sinh khuyết tật đã tham gia chương trình lớp 5 ở trường tiểu học;

– Học sinh khuyết tật hiện không tới trường sau khi đã tham gia chương trình lớp 5 hoặc cấp trung học cơ sở.

[5] Báo cáo Ủy ban quốc gia người khuyết tật Việt Nam, tổng kết 8 năm thực hiện đề án 1019 (23/10/2020)

[6] Quyết định số: 1190/QĐ–TTg phê duyệt ngày 05 tháng 8 năm 2020 về chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021 – 2030

2.3. NGUYÊN TẮC HUY ĐỘNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

– Đảm bảo quyền được tiếp cận giáo dục và tham gia giáo dục có chất lượng cho mọi học sinh khuyết tật;

– Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ sở giáo dục trong công tác giáo dục học sinh khuyết tật được quy định tại Luật người khuyết tật (2010) và Thông tư quy định về giáo dục hòa nhập (2018);

– Đảm bảo mục tiêu về số lượng học sinh khuyết tật được tiếp cận giáo dục trong chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020[7] và Kế hoạch hành động giáo dục người khuyết giai đoạn 2018 – 2020[8] và các giai đoạn kế tiếp;

– Tôn trọng nguyện vọng của gia đình và đặc điểm thể chất tinh thần của học sinh khuyết tật. Một số học sinh khuyết tật tuổi trung học cơ sở nhưng do tình trạng sức khỏe thể chất và tinh thần mà phụ huynh mong muốn tiếp cận chương trình trung học cơ sở tại gia đình, chưa đến trường nhà trường cần tôn trọng quyết định này và tạo mọi điều kiện để hỗ trợ.

2.4. GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG HỌC SINH KHUYẾT TẬT ĐẾN TRƯỜNG HÒA NHẬP

Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục[9]. Giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở cần được thực hiện theo quy trình sau:

---

[7] Chiến lượng phát triển giáo dục 2011 – 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ–TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ

[8] Quyết định số 338/2018/QĐ–BGDĐT, ngày 30 tháng 01 năm 2018, ban hành kế hoạch GD NKhuyết tật giai đoạn 2018 – 2020 của ngành GD

[9] Thông tư 03/2018/TT– BGDĐT, ngày 28 tháng 1 năm 2018, Quy định về giáo dục hòa nhập.

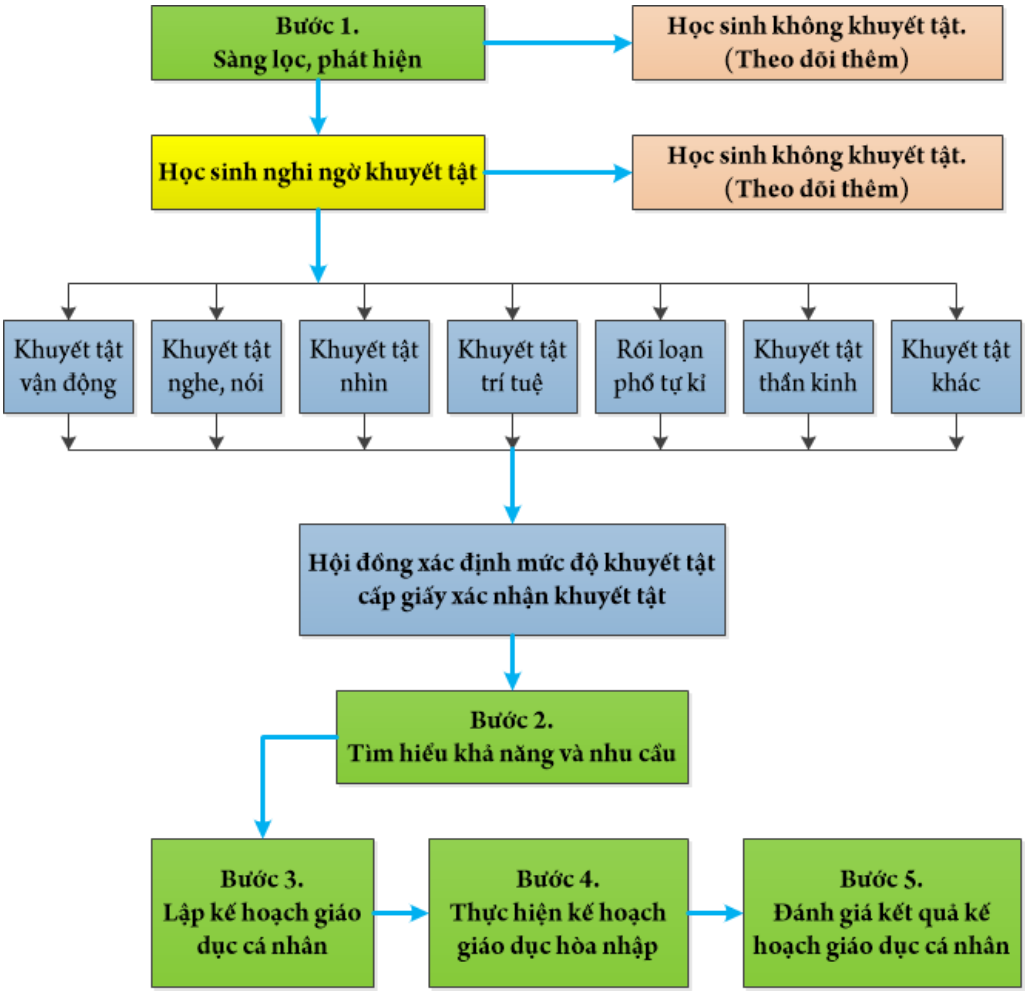

Sơ đồ 2.1. Quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở

- *Bước 1.* Sàng lọc, phát hiện học sinh khuyết tật;
- *Bước 2.* Tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh;
- *Bước 3.* Lập kế hoạch giáo dục cá nhân;
- *Bước 4.* Thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân;
- *Bước 5.* Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập.

Để huy động học sinh khuyết tật đến trường cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trong suốt quá trình triển khai giáo dục hòa nhập.

2.4.1. Phát hiện và tư vấn cho gia đình (người giám hộ) để xác định dạng, mức độ khuyết tật cho học sinh

Khác với cấp học mầm non và cấp tiểu học, phần lớn các học sinh khuyết tật khi tham gia học cấp trung học cơ sở đã được phát hiện, nhận diện từ nhiều năm học trước. Một số rất ít học sinh cấp trung học cơ sở thuộc diện khuyết tật tiềm ẩn (Khuyết tật tâm thần kinh, khuyết tật học tập, khuyết tật trí tuệ, rối loạn phổ tự kỷ) vì nhiều lí do khác nhau như: 1) Gia đình chưa muốn thừa nhận con/em mình khuyết tật; 2) Thủ tục xác định khuyết tật và mức độ khuyết tật phức tạp (cần hội đồng giám định y khoa xác nhận); 3) Thiếu thông tin về quyền của người khuyết tật… nên học sinh chưa xác nhận khuyết tật. Với những trường hợp nêu trên nhà trường cần hỗ trợ cha mẹ phát hiện và hoàn tất các thủ tục xin được xác nhận khuyết tật.

– *Mục tiêu:* Nhận dạng những học sinh nghi ngờ có khuyết tật trong thời gian sớm nhất để có biện pháp giáo dục phù hợp, góp phần giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ khuyết tật tới khả năng hòa nhập của mọi học sinh khuyết tật.

– *Đối tượng sàng lọc:* Trẻ em tuổi từ 12 – 18 trong cộng đồng.

– *Nhân lực thực hiện:*

+ *Gia đình*: Cha mẹ, người thân, người chăm sóc chính của trẻ;

+ *Cộng đồng:* Nhận viên y tế xã/ phường; nhân viên công tác xã hội; tình nguyện viên;

+ *Nhà trường:* Giáo viên chủ nhiệm; giáo viên bộ môn; nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập;

– *Công cụ sàng lọc:*

+ Trong quá trình tham gia các hoạt động học tập, lao động và vui chơi một số học sinh sẽ bộc lộ ngày càng rõ những khó khăn của mình. Công cụ sàng lọc dành cho học sinh trung học cơ sở (*Phụ lục số 1 – 6)* sẽ giúp cha mẹ, các lực lượng cộng đồng nhanh chóng phát hiện những học sinh có biểu hiện nghi ngờ khuyết tật.

+ Bộ công cụ được cấu trúc thành 3 phần:

- *Phần 1:* Thông tin về học sinh
- *Phần 2:* Các dấu hiệu nghi ngờ học sinh có khuyết tật;
- *Phần 3:* Đề xuất nghi ngờ khuyết tật dạng. Có 6 dạng khuyết tật được thể hiện trong phiếu sàng lọc, đó là: 1*) Khuyết tật vận động; 2) Khuyết tật nghe nói; 3) Khuyết tật nhìn; 4) Khuyết tật trí tuệ; 5) Rối loạn phổ tự kỷ và 6) Khuyết tật học tập*. Với mỗi dạng có liệt kê ba biểu hiện điển hình nhất của khuyết tật đó.

Ban giám hiệu nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm tuyên truyền, hướng dẫn gia đình các học sinh nâng cao hiểu biết về khả năng, nhu cầu và quyền được giáo dục của người khuyết tật. Trong đó hướng dẫn các thành viên trong gia đình học sinh và các lực lượng cộng đồng sử dụng công cụ nhận dạng người khuyết tật. Trong trường hợp phát hiện học sinh các dấu hiệu nghi ngờ có khuyết tật cần tiếp tục vận động, thuyết phục gia đình học sinh đó chuẩn bị hồ sơ và viết đơn đề nghị Hội đồng cấp xã xác nhận con/em mình là người khuyết tật.

2.4.2. Vận động gia đình cho học sinh tiếp cận chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở

– Mọi học sinh khuyết tật khi tham gia hòa nhập đều gặp khó khăn nhất định. Tùy theo đặc điểm của học sinh và hoàn cảnh của gia đình mà mức độ khó khăn này là nhiều hay ít. Một số học sinh khuyết tật sau khi học hết cấp tiểu học ở trong các tình huống như sau:

+ Không muốn đi học do lớn tuổi (mỗi lớp ở cấp tiểu học phải học nhiều năm);

+ Không tiến bộ về kỹ năng học đường (chỉ biết đọc, biết viết ở mức đơn giản);

+ Sợ bạn bè không yêu thương, hỗ trợ;

+ Không nhìn thấy lợi ích của việc đi học hòa nhập

+ Không có người đưa đón đi học.

– Vì thế, một trong những lý do trên mà nhiều gia đình lựa chọn cho trẻ khuyết tật nghỉ học ở nhà sau khi kết thúc tiểu học. Với các trường hợp nêu trên, nhà trường cần có các biện pháp phù hợp để giúp trẻ tiếp cận được với chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở như sau:

+ *Mục tiêu:* Động viên cùng gia đình tìm biện pháp giúp học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ *Đối tượng:* Gia đình trẻ khuyết tật đã học hết tiểu học hiện từ chối cho trẻ tham gia giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở.

+ *Nhân lực thực hiện:*

- Nhà trường: Ban giám hiệu nhà trường;
- Chính quyền xã: Cán bộ phụ trách văn hóa xã/phường;
- Cộng đồng: Nhân viên y tế xã/ phường; nhân viên công tác xã hội; tình nguyện viên.

– Cách thức tiến hành:

+ *Bước 1.* Nhà trường phối hợp cùng với chính quyền lập danh sách các trường hợp học sinh khuyết tật bỏ học ở cấp trung học cơ sở;

+ *Bước 2.* Tổ chức buổi đến thăm hỏi gia đình học sinh khuyết tật nhằm thu thập thông tin về điều kiện hoàn cảnh sống, tâm tư, nguyện vọng của gia đình và học sinh khuyết tật;

+ *Bước 3.* Tổ chức cuộc họp giữa đại diện Ban giám hiệu nhà trường, chính quyền xã và các thành viên có tiếng nói đối với gia đình học sinh khuyết tật để tìm ra biện pháp hỗ trợ học sinh tiếp cận chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở; Dựa trên các thông tin thu thập được về học sinh khuyết tật và gia đình học sinh khuyết tật có thể đi đến quyết định chọn một trong hai hướng tiếp cận giáo dục sau:

• Hướng thứ nhất: Học sinh khuyết tật học hòa nhập tại trường trung học cơ sở;

• Hướng thứ hai: Học sinh khuyết tật tiếp cận chương trình trung học cơ sở tại gia đình trong những trường hợp học sinh không đủ điều kiện sức khỏe thể chất (quá yếu ốm), tinh thần (khó kiểm soát hành vi của bản thân: có nguy cơ gây nguy hiểm đến tính mạng của bản thân và người khác…).

+ *Bước 4.* Lập và thực hiện kế hoạch vận động gia đình học sinh khuyết tật:

• Trong kế hoạch cần thể hiện rõ các hoạt động cần tiến hành, người phụ trách chính, người phối hợp và các hỗ trợ cần thiết. Với học sinh khuyết tật tiếp cận chương trình giáo dục tại gia đình nhà trường cần phối hợp chặt chẽ với lực lượng cộng đồng trong quá trình đưa gia các hỗ trợ cho học sinh khuyết tật và gia đình học sinh khuyết tật. Cần giúp gia đình học sinh khuyết tật hiểu rõ trách nhiệm hợp tác với nhà trường, cộng động đảm bảo quyền được giáo dục học sinh khuyết tật và cách hỗ trợ học sinh khuyết tật tiếp cận chương trình giáo dục tại gia đình.

+ *Bước 5.* Đánh giá quá trình vận động

Cũng như tất cả các hoạt động khác, sau khi lập và thực hiện kế hoạch cần được đánh giá để thấy các mặt tích cực, tồn tại, kết quả thực hiện nhiệm cụ của từng cá nhân và tác dụng của các biệt pháp đã đề xuất. Từ đó rút ra các bài học kinh nghiệm về công tác vận động gia đình học sinh khuyết tật tiếp cận chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở.

2.4.3. Chuẩn bị tâm thế để học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở

– Mọi học sinh khi chuyển từ cấp tiểu học lên trung học cơ sở đều có nhiều bỡ ngỡ: Trường mới, thầy/cô mới, bạn mới và đặc biệt là cách học mới.

Đây thực sự là những thách thức lớn đối với tất cả học sinh khuyết tật. Vì thế việc chuẩn bị tâm thế giúp học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở đi học hòa nhập là việc làm có ý nghĩa vô cùng quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng công tác giáo dục hòa nhập.

+ Mục tiêu:

• Học sinh khuyết tật, gia đình học sinh khuyết tật và trường trung học cơ sở tiếp nhận học sinh khuyết tật có đầy đủ thông tin về quyền lợi, trách nhiệm và hình dung được những thách thức, thuận lợi khi học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập;

• Học sinh khuyết tật có thông tin về trường, lớp, môn học và một số điểm cơ bản trong nội quy học tập trước khi tham gia giáo dục hòa nhập trong trường trung học cơ sở;

• Giáo viên hòa nhập, học sinh trong lớp có học sinh khuyết tật theo học có khả năng sử dụng một số kỹ năng cơ bản, nền tảng làm việc và tương tác với học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở.

+ Đối tượng:

• Học sinh khuyết tật và gia đình học sinh khuyết tật;

• Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn; nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập;

• Học sinh lớp có học sinh khuyết tật sẽ tham gia học hòa nhập.

+ Nhân lực:

• Ban giám hiệu nhà trường chủ trì tổ chức các hoạt động nhằm chuẩn bị tâm thế để học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở đi học hòa nhập.

- Cách thức tiến hành:

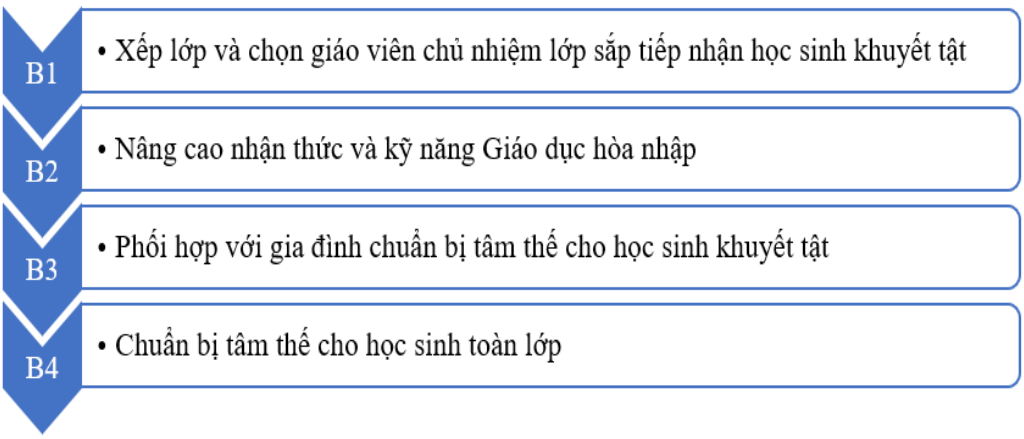

+ *Bước 1.* Ban giám hiệu cùng giáo viên/nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập (nếu có) thực hiện:

• Nghiên cứu hồ sơ học sinh khuyết tật sắp tiếp nhận để phân tích thuận lợi, khó khăn khi tiến hành giáo dục hòa nhập;

• Xếp lớp phù hợp với tuổi học sinh khuyết tật; nguyện vọng của gia đình và điều kiện thực tiễn của trường học;

• Đề xuất giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn;

• Trao đổi và thống nhất với giáo viên sẽ chủ nhiệm lớp có học sinh khuyết tật về quyền lợi và trách nhiệm tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

+ *Bước 2.* Nâng cao nhận thức, hình thành kỹ năng cho giáo viên, nhân viên trong trường về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật, cụ thể như:

• Quyền được giáo dục của học sinh khuyết tật;

• Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của giáo viên/nhân viên khi tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật;

• Quy trình tiến hành giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở;

• Phương pháp dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật.

+ *Bước 3.* Phối hợp với gia đình học sinh khuyết tật để chuẩn bị tâm thế cho học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở:

• Trao đổi, giải thích về đặc điểm hoạt động của trường trung học cơ sở;

• Trao đổi về quy định giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở;

• Trao đổi về điều kiện và nguyện vọng của gia đình với nhà trường;

• Giải đáp thắc mắc của cha mẹ về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật;

• Trao đổi về điều kiện thực tiễn của nhà trường: thuận lợi và khó khăn khi tiếp nhận học sinh khuyết tật;

• Thống nhất nội dung và cách phối hợp trong giai đoạn đầu tiếp nhận học sinh khuyết tật;

• Hướng dẫn các thông tin về trường, lớp, môn học và một số điểm cơ bản trong nội quy học tập… để học sinh khuyết tật có thể hình dung trước môi trường học tập mà mình sẽ tham gia.

+ Bước 4. Chuẩn bị tâm thế sẵn sàng chào đón học sinh khuyết tật cho tất cả học sinh:

Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh cả lớp sắp tiếp nhận học sinh khuyết tật các nội dung sau đây:

- Quyền được giáo dục hòa nhập của học sinh khuyết tật;
- Trách nhiệm của nhà trường, giáo viên và các học sinh trong giáo dục hòa nhập;
- Ý nghĩa của giáo dục hòa nhập đối với việc hình thành và phát triển những phẩm chất nhân cách tốt ở người học sinh cấp trung học cơ sở;
- Giải đáp thắc mắc của học sinh về giáo dục hòa nhập;
- Khuyến khích các học sinh tham gia tích cực vào giáo dục hòa nhập.

2.4.4. Truyền thông thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng

Truyền thông là quá trình chia sẻ thông tin, làm thay đổi nhận thức xã hội và tạo ảnh hưởng đến suy nghĩ và hành vi của công chúng. Để huy động học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập bên cạnh các giải pháp về phát hiện sớm khuyết tật, chuẩn bị tâm thế tiếp nhận học sinh khuyết tật thì truyền thông có vai trò quan trọng. Để làm tốt công tác truyền thông trường trung học cơ sở cần lưu ý các điểm sau đây:

+ Mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền được giáo dục hòa nhập của người khuyết tật;
- Huy động tối đa sự tham gia (nhân lực, vật lực) của các tổ chức/cá nhân và các lực lượng cộng đồng vào giáo dục hòa nhập của người khuyết tật;
- Phát hiện sớm khuyết tật ở người khuyết tật trong cộng đồng.

+ Đối tượng:

- Gia đình người khuyết tật;
- Giáo viên và học sinh toàn trường;
- Các thành viên trong cộng đồng có người khuyết tật đang sinh sống;
- Các tổ chức/cá nhân đang công tác tại địa phương.

+ Nhân lực:

- Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội dân sự của và vì người khuyết tật.

+ Cách tiến hành:

Ban giám hiệu nhà trường chủ động phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội dân sự của và vì người khuyết tật lập kế hoạch truyền thông về giáo dục hòa nhập người khuyết tật. Sau đây là một số lưu ý tiền hành công tác truyền thông về giáo dục hòa nhập người khuyết tật:

• Nội dung truyền thông: Quyền và các chính sách về giáo dục người khuyết tật; hình ảnh đẹp về người khuyết tật: Có kiến thức, kỹ năng, đóng góp cho sự phát triển của gia đình, cộng đồng và xã hội; các thông tin về các dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật và kế hoạch triển khai giáo dục hòa nhập tại địa phương;

• Từ ngữ, hình ảnh truyền thông: Hình ảnh và thông điệp có thể giúp hình thành nhận thức, thái độ và hành vi. Việc lựa chọn này còn có thể khiến người ta xác định điều gì là quan trọng hoặc không mang ý nghĩa gì đối với cá nhân hoặc với thế giới xung quanh. Vì thế khi nói về học sinh khuyết tật cần tránh sử dụng từ ngữ, hình ảnh khiến người nghe/xem liên tưởng đến sự yếu kém về thân phận, sự yếu thế, hạ thấp nhân phẩm. Nếu có thể tránh dùng những thuật ngữ mang hàm ý tiêu cực như "bị, phải..."[10]

Sau đây là một số gợi ý

Bảng số 2.1. Gợi ý sử dụng thuật ngữ trong truyền thông giáo dục hòa nhập

Cần tránh	Nên dùng
Tàn tật, tật nguyền	Khuyết tật
Chột	Mất một mắt
Què, cụt	Khuyết tật vận động
Ngu đần, thiểu năng trí tuệ	Khuyết tật trí tuệ
Học sinh bình thường	Học sinh không khuyết tật
Chính sách cho người khuyết tật	Chính sách về người khuyết tật
Học sinh bị khuyết tật	Học sinh khuyết tật/có khuyết tật

[10] Tổ chức lao động thế giới (2010), Hướng dẫn truyền thông về người khuyết tật, ISBN: 978 – 92–2–824073 – 3 (print); 978 – 92–2–824074 – 0 (web pdf)

** Phương thức truyền thông*

Kết hợp nhiều hình thức truyền thông tùy theo điều kiện thực tiễn của địa phương:

+ Phát chương trình, bài viết về giáo dục học sinh khuyết tật trên hệ thống loa phường/xã theo định kỳ hoặc những dịp kỷ niệm liên quan đến người khuyết tật;

+ Lồng ghép nội dung giáo dục học sinh khuyết tật vào các cuộc họp ban ngành, đoàn thể tại địa phương;

+ Tổ chức ngày hội đến trường dành cho học sinh khuyết tật;

+ Tổ chức tuyên dương cá nhân/tổ chức đã có những những đóng góp cho sự nâng cao chất lượng giáo dục người khuyết tật tại địa phương…

+ Tổ chức tập huấn, tọa đàm nâng cao nhận thức giáo dục người khuyết tật cho tổ chức/cá nhân trong cộng đồng.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.1. NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC VÀ GIÁO VIÊN VỀ GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VÀ PHẨM CHẤT CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO ĐỊNH HƯỚNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

3.1.1. Đối tượng

Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, học sinh và các thành viên trong cộng đồng.

3.1.2. Mục tiêu

Thông qua các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, hội thảo và giao lưu với người khuyết tật, gia đình người khuyết tật và các cơ sở giáo dục khác nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng cộng đồng về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

3.1.3. Nội dung

Một số nội dung cần thực hiện khi tiến hành nâng cao nhận thức cho các đối tượng về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật

– Quyền được giáo dục của học sinh khuyết tật;

– Chính sách hỗ trợ học sinh và gia đình học sinh khuyết tật học hòa nhập;

– Quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở;

– Trách nhiệm và nghĩa vụ của các thành viên tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở;

– Ý nghĩa, vai trò của sự phối hợp các lực lượng cộng đồng trong giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.

3.1.4. Phương pháp và cách thức tiến hành

– Ban giám hiệu trường trung học cơ sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã/phường tuyên truyền các thông tin về Quyền tham gia giáo dục hòa nhập, các chính sách dành cho gia đình và học sinh khuyết tật bằng cách lồng ghép

vào nội dung các cuộc họp định kỳ của các hội/tổ/nhóm trên địa bàn xã. Đặc biệt chú trọng đến việc tuyên truyền, cung cấp thông tin cho các hội, đoàn như: Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân và Đoàn thanh niên… Đây là lực lượng tiềm năng nếu huy động được sẽ có sự đóng góp lớn và mang lại nhiều hiệu quả cho công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

– Ban giám hiệu nhà trường trung học cơ sở cần chủ động xây dựng kế hoạch nâng cao nhận thức về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật, xin ý kiến với lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã/phường phối hợp tổ chức các ngày kỷ niệm dành cho người khuyết tật như: Ngày 18/4 (ngày người khuyết tật Việt Nam); ngày 27/7 Thương binh liệt sỹ; ngày 4/12 quốc tế người khuyết tật… Việc chủ động phối hợp này một mặt giúp tiết kiệm tài lực, mặt khác gia tăng sự ảnh hưởng của các thông diệp cần gửi đến các thành viên trong cộng đồng về công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

– Ban giám hiệu nhà trường cần tích cực phối hợp với các cá nhân tổ chức quan tâm đến giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật tổ chức các buổi hội thảo, giao lưu về công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật, khuyến khích các thành viên trong cộng đồng tham gia để họ hiểu hơn về khả năng nhu cầu học sinh khuyết tật, quyền và nghĩa vụ của học sinh khuyết tật, của các thành viên khi tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

– Khi tổ chức các buổi hội thảo, giao lưu cần lưu ý các điểm sau:

+ Khách mời của các buổi đối thoại không nhất thiết phải là các nhà hoạch định chính sách hay chuyên gia giáo dục mà đơn giản chỉ là một người khuyết tật trưởng thành có cuộc sống ổn định tại địa phương, đại diện gia đình học sinh khuyết tật đang học hòa nhập, một học sinh khuyết tật đang học cấp trung học cơ sở hoặc các cấp học cao hơn…;

+ Nội dung các buổi nói chuyện giao lưu phải đa dạng, tập trung vào các vấn đề người tham dự quan tâm, các thông tin cung cấp trung thực và cập nhật;

+ Hình thức tổ chức: giản dị, thân mật, ấm cúng và tiết kiệm;

+ Thời gian các buổi nói chuyện từ 2 tiếng đến 3 tiếng/buổi;

+ Tần xuất tổ chức: khoảng 3 – 4 lần/năm;

+ Thời điểm tổ chức: Trước thời điểm vận động học sinh khuyết tật đến trường (tháng 7 hàng năm); kỷ niệm này người khuyết tật thế giới (4/12) và ngày người khuyết tật Việt Nam (18/4);

+ Khuyến khích các thành viên tham dự đặt câu hỏi để giao lưu với khách mời.

3.2. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIÁO DỤC HỌC SINH KHUYẾT TẬT THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CHO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ

Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục cho mọi trẻ em trong đó có học sinh khuyết tật. Giáo dục hòa nhập ưu việt hơn hẳn các phương thức giáo dục khác ở chỗ: Bên cạnh sự nỗ lực của cá nhân trẻ và gia đình luôn có được sự tham gia, hợp tác chặt chẽ của tất cả thành viên trong cộng đồng góp phần thay đổi, điều chỉnh môi trường cho phù hợp hơn với nhu cầu đặc biệt của người khuyết tật. Để làm được điều này việc nâng cao năng lực đội ngũ cần được tiến hành thường xuyên và liên tục. Trong khuôn khổ trường trung học cơ sở, Ban giám hiệu cần lưu ý các điểm sau:

3.2.1. Đối tượng

Cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên và học sinh tại trường trung học cơ sở.

3.2.2. Mục tiêu

Thông qua các hoạt động tập huấn, thăm lớp dự giờ và thăm quan học hỏi để phát triển năng lực tổ chức giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cho cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên công tác tại trường trung học cơ sở. Sau khi tham gia các hoạt động này, cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên công tác tại trường trung học cơ sở có khả năng:

– Quản lý công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở;

– Tiến hành giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở;

– Tiến hành dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở;

– Tổ chức vòng bạn bè hỗ trợ học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở;

– Phối hợp với cha mẹ học sinh khuyết tật và các lực lượng cộng đồng tham gia hỗ trợ học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở;

– Ủng hộ và tham gia tích cực các hoạt động giáo dục hòa nhập khuyết tật trong cộng đồng.

3.2.3. Nội dung

Để phát triển nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên công tác tại trường trung học cơ sở về giáo dục hòa nhập trang bị cho họ các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các nội dung sau:

– Quản lý công tác giáo dục hòa nhập (dành cho cán bộ quản lý);

– Dạy học hòa nhập (dành cho cán bộ quản lý và giáo viên trong trường trung học cơ sở);

– Hỗ trợ giáo dục hòa nhập (dành cho nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập hhọc sinh khuyết tật và các cán bộ trong trường);

– Tổ chức vòng bạn bè (dành cho giáo viên và học sinh trung học cơ sở);

– Phối hợp với cha mẹ và các lực lượng cộng đồng trong trong quá trình giáo dục hòa nhập (dành cho giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật).

3.2.4. Phương pháp và cách thức tiến hành

**** Tập huấn kiến thức, kỹ năng về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật***

– Tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên chủ chốt và giáo viên tham gia các hoạt động tập huấn do ngành tổ chức. Hàng năm, vào dịp hè Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Giáo dục và Đào tạo đều tổ chức các lớp tập huấn về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật từ cơ bản đến nâng cao. Ban giám hiệu nhà trường cần chủ động chọn đúng đối tượng tham dự các lớp tập huấn nêu trên. Người được chọn tham dự lớp tập huấn không chỉ có trách nhiệm tham gia đầy đủ, lĩnh hội tri thức cho riêng mình mà cần truyền đạt lại các nội dung đã học được từ lớp tập huấn cho toàn thể cán bộ giáo viên trong trường. Vì thế người được cử đi cần có năng lực chuyên môn, năng lực truyền đạt, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao vào mong muốn đóng góp cho công tác giáo dục hòa nhập người khuyết tật.

– Khuyến khích các thành viên đã tham gia tập huấn giáo dục hòa nhập của ngành tập huấn lại: Ngay sau lớp tập huấn về giáo dục hòa nhập của ngành tổ chức, Ban giám hiệu cần triệu tập các giáo viên được tham gia tập huấn đến họp, chuẩn bị kế hoạch và nội dung tập huấn lại cho cán bộ giáo viên toàn trường. Linh hoạt lồng ghép, tổ chức buổi trao đổi tập huấn lại các nội dung giáo dục hòa nhập trong các buổi sinh hoạt chuyên môn của nhà trường.

– Chủ động mời các chuyên gia giáo dục đặc biệt đến trường tập huấn. Để hoạt động này đáp ứng đúng nhu cầu của cán bộ giáo viên, Ban giám hiệu cần thực hiện các bước sau đây:

+ ***Bước 1.*** Tìm hiểu thuận lợi, khó khăn và nhu cầu của các giáo viên dạy học sinh khuyết tật;

+ ***Bước 2.*** Đề xuất và thống nhất với các thành viên các chủ đề cần tập huấn;

+ ***Bước 3.*** Trao đổi với các trường trung học cơ sở khác, để quyết định các chủ đề ưu tiên;

+ ***Bước 4.*** Lên kế hoạch tổ chức tập huấn;

+ ***Bước 5.*** Xin ý kiến chỉ đạo và nhờ giúp đỡ của cơ quan cấp trên (phòng Giáo dục và Đào tạo);

+ ***Bước 6.*** Chủ động phối hợp với các chuyên gia (quen biết) và các mạnh thường quân quan tâm đến giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật để thống nhất kế hoạch tập huấn;

+ ***Bước 7.*** Tổ chức và giám sát quá trình tập huấn;

+ ***Bước 8.*** Đánh giá kết quả tập huấn.

**** Thăm lớp dự giờ***

– Thăm lớp, dự giờ là hoạt động thường xuyên của các trường trung học cơ sở. Để nâng cao kiến thức, kỹ năng dạy học hòa nhập cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật việc thăm lớp dự giờ càng có giá trị hơn bởi các ý nghĩa sau:

+ Giáo viên thực hiện tiết dạy được áp dụng những kiến thức đã học trong các lớp tập huấn, được góp ý trực tiếp sẽ hoàn thiện kỹ năng dạy học nhanh hơn;

+ Giáo viên dự giờ trải nghiệm trực tiếp các tình huống có vấn đề liên quan đến học sinh khuyết tật; quan sát cách đồng nghiệp sử dụng các phương pháp, kỹ thuật đặc thù để tổ chức dạy học hòa nhập sẽ nhanh rút kinh nghiệm và chủ động áp dụng vào điều kiện thực tiễn của lớp mình phụ trách;

+ Cán bộ quản lý và giáo viên trao đổi từng tình huống có vấn đề và hiệu quả sử dụng các phương pháp dạy học hòa nhập từ đó rút ra các bài học hay để áp dụng vào thực tiễn.

– Để tổ chức hoạt động thăm lớp dự giờ hiệu quả Ban giám hiệu cần lưu ý các điểm sau:

+ Lên kế hoạch cẩn thận cho hoạt động dự giờ;

+ Hỗ trợ giáo viên thực hiện giờ dạy cả tinh thần và vật chất. Chia sẻ tâm tư nguyện vọng và giải đáp các thắc mắc về chuyên môn (nếu có);

+ Phê duyệt kế hoạch dạy học trước khi tiến hành buổi dự giờ;

+ Cung cấp thông tin về học sinh khuyết tật, đặc điểm tình hình lớp học và kế hoạch dạy học đã duyệt cho toàn thể cán bộ quản lý và giáo viên tham gia dự giờ;

+ Thống nhất nguyên tắc trao đổi, góp ý giờ dạy với tinh thần đánh giá cao những điểm tích cực và đề xuất, đưa ra các gợi ý nhằm điều chỉnh để bài dạy đạt hiệu quả cao hơn. Tránh thái độ phê phán, phản ứng gay gắt, phủ nhận, tranh cãi trong quá trình nhận xét giờ dạy.

**** Tham quan trao đổi kinh nghiệm với các trường trung học cơ sở thực hiện giáo dục hòa nhập***

– Tham quan, học tập kinh nghiệm từ các đơn vị có bề dày thực hiện công tác giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật là một phương pháp hiệu quả giúp nâng cao năng lực của cán bộ quản lý và giáo viên. Được trao đổi, quan sát cách tổ chức giáo dục hòa nhập và phân tích khó khăn thuận lợi trong quá trình thực hiện giáo dục hòa nhập từng học sinh trung học cơ sở là cơ hội tốt để các cán bộ quản lý và giáo viên học hỏi, trải nghiệm về giáo dục hòa nhập. Những kinh nghiệm quý báu, những bài học đắt giá trong nhiều năm được tổng kết đúc rút trao cho các đồng nghiệp từ nơi khác đến chỉ trong vòng vài giờ. Hình ảnh những giáo viên tâm huyết, yêu thương, hết lòng vì học sinh nói chung và học sinh khuyết tật nói riêng có sức truyền cảm hứng mãnh liệt, trở thành tấm gương sáng để các giáo viên khác noi theo.

– Trong bối cảnh các trường trung học cơ sở đều eo hẹp về điều kiện kinh tế, việc tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm cần tổ chức một cách linh hoạt và tiết kiệm. cán bộ quản lý và giáo viên có thể tự túc phương tiện để đến các cơ sở gần. Bên cạnh đó thăm quan, giao lưu qua hình thức online để cán bộ quản lý, giáo viên hai trường trung học cơ sở ở địa điểm rất xa nhau cũng là một sự lựa chọn kinh tế và an toàn.

Bảng số 3.1. Gợi ý một số nội dung và hình thức hỗ trợ phát triển nguồn lực giáo dục hòa nhập

Nội dung	Hình thức	Nguồn phối hợp
Nhận diện học sinh khuyết tật	Tập huấn/thực hành	Hàng năm Bộ Giáo dục Đào tạo đều tổ chức tập huấn cho cốt cán 63 tỉnh thành. Sau đó các địa phương tiến hành tập huấn lại cho toàn bộ giáo viên của. Sau một thời gian thực hiện các trường cần tổ chức tọa đàm, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm giữa các giáo viên.
Dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật	Tập huấn; tọa đàm; chuyên đề	
Giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật	Tập huấn; tọa đàm; chuyên đề	
Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật	Tập huấn	
Phương pháp dạy học đặc thù dành cho học sinh từng dạng khuyết tật	Tập huấn/tọa đàm	Ban giám hiệu nhà trường một mặt đề xuất lên cơ quan cấp trên nhu cầu được tập huấn các nội dung chuyên sâu đồng thời chủ động phối hợp, kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức/cá nhân trong/ngoài địa bàn ủng hộ giáo dục hòa nhập để có nguồn lực phát triển chuyên môn cho giáo viên và nhân viên giáo dục hòa nhập.
Tổ chức hỗ trợ cá nhân/nhóm cho học sinh khuyết tật trong trường hòa nhập	Tập huấn/thăm quan	
Phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật.	Tập huấn/thăm quan	

3.3. QUẢN LÝ GIÁO DỤC HÒA NHẬP THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

3.3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập của trường trung học cơ sở

Điều 5, Chương 2, Quyết định số 03/2018/QĐ– BGDĐT chỉ rõ cơ sở giáo dục có trách nhiệm: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động can thiệp sớm, giáo dục hòa nhập; tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp nhu cầu và khả năng của người khuyết tật. Vì vậy khi tiếp nhận học sinh khuyết tật, trường trung học cơ sở cần tiến hành lập kế hoạch giáo dục hòa nhập theo các hướng dẫn sau đây.

– Kế hoạch giáo dục hòa nhập là văn bản được thiết kế để định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, người chịu trách nhiệm và tài chính để tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trong trường trung học cơ sở;

– Dựa trên bản kế hoạch Ban giám hiệu nhà trường quản lý được các hoạt động giáo dục hòa nhập, chủ động báo cáo cấp trên đồng thời phối hợp với các lực lượng tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục hòa nhập;

– Bản kế hoạch là cơ sở để giáo viên/nhân viên hỗ trợ chủ động thực hiện các hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật;

– Bản Kế hoạch cần được xây dựng và phê duyệt trước mỗi năm học. Trong quá trình tổ chức thực hiện bản kế hoạch đó có thể được điều chỉnh ít nhất 3 lần/năm học: Giữa học kỳ 1, cuối học kỳ 1 và giữa học kỳ 2.

** Quy trình lập kế hoạch giáo dục hòa nhập:*

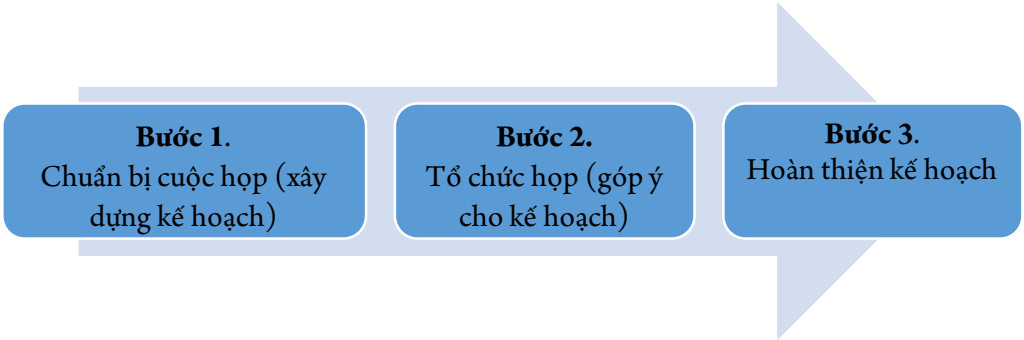

Sơ đồ số 3.1. Quy trình lập kế hoạch giáo dục hòa nhập

Bước 1. Chuẩn bị cuộc họp

– Nhà trường:

+ Chuẩn bị báo cáo về tình hình chung của nhà trường, khó khăn, thuận lợi và các nhiệm vụ về giáo dục hòa nhập cần được thực hiện trong năm học mới theo chỉ đạo của ngành.

+ Xác định thành phần, thời gian, địa điểm, nội dung cuộc họp. Gửi giấy mời hoặc thông báo tới tất cả thành viên dự kiến về cuộc họp ít nhất một tuần trước ngày họp. Thành phần tham dự cuộc họp: Đại diện Ban giám hiệu nhà trường; nhân viên/giáo viên hỗ trợ; giáo viên dạy hòa nhập; đại diện người khuyết tật địa phương và đại diện cha mẹ trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt; đại diện chính quyền và tổ chức đoàn thể địa phương.

– Giáo viên/ Nhân viên hỗ trợ:

+ Thu thập, tổng hợp thông tin và viết báo cáo, bao gồm: Số lượng trẻ; Các nhu cầu cần hỗ trợ.

+ Đề xuất kế hoạch hỗ trợ trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt: Hình thức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, yêu cầu về nhân sự, cơ sở vật chất, học liệu và kinh phí…

Bước 2: Tổ chức cuộc họp

– Tiến trình cuộc họp được thực hiện như sau:

+ Đại diện ban giám hiệu nhà trường giới thiệu đại biểu, mục đích và tiến trình cuộc họp; báo cáo công tác thực hiện giáo dục hòa nhập.

+ Giáo viên/nhân viên hỗ trợ thông báo các thông tin về số lượng trẻ và nhu cầu cần hỗ trợ giáo dục đặc biệt đồng thời đề xuất kế hoạch sẽ triển khai trong năm học mới;

+ Các thành viên góp ý cho các báo cáo và kế hoạch thực hiện;

+ Các thành viên trao đổi, thảo luận tìm biện pháp để thực hiện kế hoạch; Đại điện ban giám hiệu nhà trường tổng hợp ý kiến và đưa ra kết luận cuộc họp;

Bước 3: Hoàn thiện kế hoạch

+ Nhân viên/giáo viên hỗ trợ hoàn thiện kế hoạch sau khi đã nhận được những đóng góp của các thành viên và kết luận của đại diện ban giám hiệu trường;

+ Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt kế hoạch hoạt động của phòng Hỗ trợ giáo dục hòa nhập;

+ Dựa trên kế hoạch, giáo viên/nhân viên hỗ trợ xây dựng kế hoạch thực hiện theo tháng.

3.3.2. Tiếp nhận học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Điều 5, Chương 2, Quyết định số 03/2018/QĐ- BGDĐT nêu rõ nhiệm vụ của cơ sở giáo dục thực hiện giáo dục hòa nhập là phát hiện, huy động và tiếp nhận người khuyết tật học tập tại cơ sở giáo dục. Việc tiếp nhận học sinh khuyết tật vào trường trung học cơ sở cần thực hiện theo quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông được ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ–BGDĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo[11]. Quy định này nêu rõ về thủ tục chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông từ trường cũ sang trường mới. Ngoài ra học sinh khuyết tật cấp trung

[11] Quyết định số 51/2002/QĐ–BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

học cơ sở còn được hưởng những chính sách ưu đãi mà nhà trường và bộ phận tuyển sinh cần lưu ý khi tiếp nhận học sinh khuyết tật:

– Yêu cầu gia đình học sinh khuyết tật nộp đầy đủ hồ sơ như mọi học sinh không khuyết tật;

– Yêu cầu gia đình học sinh khuyết tật nộp thêm các hồ sơ liên quan đến khuyết tật và các bệnh lý đi kèm để có biện pháp phù hợp đáp ứng nhu cầu đặc biệt của học sinh (bản phô tô: Giấy xác nhận khuyết tật; giấy khám bệnh cơ quan ý tế có thẩm quyền cấp; sổ y bạ hiện tại; kế hoạch giáo dục cá nhân những năm học trước; giấy chứng nhận hộ nghèo …);

– Giải thích cho gia đình học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở những chính sách ưu tiên mà học sinh đó được nhận như: Được học chậm 3 tuổi; Sắp xếp, bố trí các lớp học phù hợp với người khuyết tật; đảm bảo mỗi lớp học hòa nhập có không quá 02 (hai) học sinh khuyết tật[12]; được điều chỉnh nội dung học tập; được miễn học phí; cấp kinh phí mua học liệu và học bổng hàng năm với gia đình thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo[13] …

– Trao đổi với gia đình học sinh khuyết tật về điều kiện hiện tại của nhà trường: Cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, chương trình giáo dục… những điểm thuận lợi và khó khăn khi học sinh khuyết tật tham gia học tập để cùng nhau tìm ra giải pháp hỗ trợ học sinh khuyết tật tốt nhất;

3.3.3. Quản lý hồ sơ học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp trung học cơ sở

– *Mục đích:* Việc lưu trữ và quản lý hồ sơ học sinh khuyết tật có ý nghĩa quan trọng. Ở tầm vi mô, nó giúp cho nhà trường biết được đặc điểm, những tác động, hỗ trợ học sinh, quá trình phát triển, tiến bộ của từng học sinh,… Ở tầm vĩ mô, nó cho thấy được các hoạt động hỗ trợ, các lực lượng hỗ trợ, quá trình hỗ trợ, hiệu quả hỗ trợ; đồng thời còn cho thấy công tác giáo dục cho mọi học sinh nhằm thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của các văn bản, hướng dẫn của ngành, liên ngành và Chính phủ.

– *Nội dung:* Những hồ sơ cần quản lý là:

1) Hồ sơ cá nhân của học sinh: giấy khai sinh, giấy khám sức khỏe, giấy xác định mức độ khuyết tật, hồ sơ y tế (nếu có); Kế hoạch giáo dục cá nhân

[12] Quyết định 03/2018/QĐ – BGD – ĐT, ngày 28 tháng 1 năm 2018 về giáo dục hòa nhập người khuyết tật

[13] Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH–BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2013 về Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật

và học bạ những năm học trước; kết quả sàng lọc, tìm hiểu khả năng nhu cầu của học sinh; …

2) Kế hoạch giáo dục hòa nhập của học sinh khuyết tật (hiện tại);

3) Kế hoạch giáo dục hòa nhập của nhà trường;

4) Các kế hoạch nhập học và chuyển tiếp học sinh lên các lớp trên và chuyển cấp;

5) Các kế hoạch chuyển tuyến, kết nối dịch vụ cho người khuyết tật…

– *Nhân lực*

+ Trong trường hợp trường trung học cơ sở có giáo viên/nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập và phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập, hồ sơ học sinh khuyết tật được giáo viên/nhân viên hỗ trợ lưu giữ. Riêng bản Kế hoạch giáo dục cá nhân được sao chép hàng tháng gửi cho các thành viên tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

+ Trong trường hợp trường trung học cơ sở không có giáo viên/nhân viên hỗ trợ hồ sơ học sinh khuyết tật được lưu trữ cùng hồ sơ của các học sinh khác. Riêng bản Kế hoạch giáo dục cá nhân được sao chép hàng tháng gửi cho các thành viên tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

– *Thực hiện chương trình giáo dục chuyển tiếp*

+ Chuyển tiếp trong giáo dục hòa nhập là khi học sinh khuyết tật lên lớp, chuyển cấp hoặc chuyển trường. Đây là giai đoạn rất khó khăn đối với học sinh, gia đình và giáo viên của các em. Nhiều học sinh bỏ học trong hoặc ngay sau giai đoạn chuyển tiếp, nhất là đối với những học sinh có nhu cầu đặc biệt mà nhu cầu của các em không được đáp ứng trong quá trình chuyển tiếp[14].

+ Những thách thức và giải pháp giúp học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở gặp khi vượt qua giai đoạn chuyển tiếp:

[14] www.eenet.org.uk, Tổ chức Nhịp cầu hy vọng Armenia và step by step và Key stone Moldva thực hiện dưới sự hỗ trợ của chương trình giáo dục đầu đoeì, Tổ chức xã hội mở

Bảng số 3.2. Giải pháp tăng tính hòa nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở

TT	Thách thức của học sinh khuyết tật khi đối mặt với giai đoạn chuyển tiếp	Giải pháp tăng tính hòa nhập, hỗ trợ học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở vượt qua giai đoạn chuyển tiếp
1	Lo sợ không biết cách tiếp cận với các tiện ích và trang thiết bị học tập trong môi trường mới	Giúp học sinh đến thăm trường/lớp mới và làm quen với bạn bè, môi trường xung quanh và các nội quy trước khi bắt đầu đi học.
2	Bối rối và lo sợ khi mọi người nghĩ mình "đã lớn" và có khả năng đương đầu với môi trường học mới.	Tư vấn học sinh hiểu về khả năng của bản thân Có giáo viên có nhiều kinh nghiệm về giáo dục hòa nhập hoặc giáo viên phụ trách giáo dục hòa nhập hỗ trợ học sinh trong giai đoạn chuyển tiếp.
3	Gặp rắc rối trong việc ứng xử với giáo viên mới vì không hiểu giáo viên muốn em làm gì?	Giáo viên năm học trước/trường cũ với giáo viên mới/trường mới phải trao đổi với nhau để hỗ trợ học sinh trước, trong và sau khi chuyển tiếp.
4	Ở trường/lớp cũ, giáo viên lập kế hoạch giúp em học từng môn cụ thể. Ở trường mới, thầy cô không biết làm như vậy. Tất cả kế hoạch hỗ trợ phải bắt đầu lại từ đầu. Em ước gì các thầy cô cũ vẫn có thể tiếp tục hỗ trợ em.	Đảm bảo Kế hoạch giáo dục cũ, học bạ được chuyển đến trường/lớp mới để Ban giám hiệu, giáo viên nghiên cứu, thảo luận trước khi tiếp nhận học sinh khuyết tật.
5	Em lo sẽ không tìm được bạn mới hoặc không thể tích cực tham gia vào các hoạt động của trường.	Giáo viên; Giáo viên/nhân viên hỗ trợ có kế hoạch hỗ trợ học sinh khuyết tật xây dựng và phát triển các mối quan hệ bạn bè (vòng bạn bè).

6	Em vẫn muốn cha mẹ trao đổi với nhà trường mỗi khi em gặp vấn đề khó khăn.	Ban giám hiệu, giáo viên được phân công có buổi tiếp xúc với cha mẹ học sinh khuyết tật để trao đổi tư vấn trước khi nhận học sinh . Mời phụ huynh/người bảo trợ trao đổi và lên kế hoạch cùng với nhà trường hỗ trợ học sinh trong giai đoạn chuyển tiếp.
7	Thời khóa biểu mới làm em bối rối. Em phải đi đâu? Lúc nào? Em có bị la nếu đi học trễ. Trường mới ở xa nhà, em thấy sợ.	Cung cấp thông tin hướng dẫn để phụ huynh nắm rõ các hoạt động mà nhà trường và gia đình có thể làm để giúp học sinh dễ dàng hòa nhập khi chuyển trường. Tạo điều kiện cho giáo viên đến thăm gia đình của học sinh để nắm rõ nhu cầu của các em, cũng như tìm hiểu việc hỗ trợ người khuyết tật tại gia đình và trong cộng đồng.
8	Em nghĩ khó có thể thi đậu lên lớp cao hơn. Vì bài thi không điều chỉnh theo những nhu cầu của em.	Xem xét và điều chỉnh các đề thi đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân và các thủ tục nhập học sao cho phù hợp và dễ tiếp cận với những học sinh khuyết tật.
9	Em không quen với cách làm việc của các giáo viên ở trường mới.	Tập huấn toàn bộ nhân viên về cách hỗ trợ nhu cầu về học tập, thể chất, tinh thần của học sinh khi có các em chuyển trường hoặc vào trường, và cung cấp cho nhân viên các tài liệu hướng dẫn.
10	Em sợ mình không đáp ứng không thể đáp ứng mong đợi của thầy cô.	Đảm bảo các trường trung học cơ sở có đầy đủ thông tin để học sinh có thể lựa chọn học hòa nhập ở cấp học cao hơn đảm bảo các trường trung học phổ thông cung cấp thông tin, tư vấn phù hợp tạo động lực cho học sinh khuyết tật.

3.3.4. Đánh giá kết quả giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập cấp trung học cơ sở

Đánh giá học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở được pháp luật quy định tại Thông tư số: 26/2020/TT–BGDĐT[15] ngày ngày 26 tháng 8 năm 2020 sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo thông tư số 58/2011/TT–BGDĐT[16] ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

"**Điều 14. Đánh giá học sinh khuyết tật**

1. Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

2. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

3. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.".

Bổ sung khoản 3 vào Điều 15 như sau:

"3. Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật

Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp.".

---

[15] Thông tư số: 26/2020/TT–BGDĐT15 ngày ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

[16] Thông tư 58/2011/TT–BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

Giáo viên và cán bộ quản lý khi tham gia giáo dục hòa nhập cần thực hiện nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh khuyết tật, đảm bảo cơ hội được tham gia của các em trong lớp học hòa nhập. Ngoài ra, cũng có thể căn cứ vào quy định trong thông tư để xác định các học sinh khuyết tật có khả năng học tập nhiều môn hoặc một số môn học được đánh giá như các bạn hoặc có thể điều chỉnh mục tiêu và đánh giá dựa trên nỗ lực, tiến bộ cá nhân, không xếp loại.

3.3.5. Xây dựng vòng bạn bè của học sinh khuyết tật

**** Thế nào là vòng bạn bè?***

Vòng bạn bè là một trong những phương pháp nhằm tăng cường khả năng xã hội hóa và hòa nhập của học sinh khuyết tật với các bạn cùng trang lứa. Một vòng bạn bè bao gồm: Một học sinh khuyết tật, nhóm từ 6 – 8 bạn cùng lớp và một giáo viên phụ trách. Các thành viên của nhóm sẽ gặp nhau để tổ chức các hoạt động nhằm đạt được mục tiêu cụ thể. Các học sinh tham gia vòng bạn bè thường học cùng lớp với học sinh khuyết tật và có đặc điểm phát triển khác nhau.

**** Các bước xây dựng vòng bạn bè?***

Theo Taylor, 1997[17], Vòng bạn bè cho học sinh khuyết tật được xây dựng theo các bước sau đây:

- Bước 1. Thiết lập môi trường và kế hoạch hoạt động phù hợp

+ Tổ chức cuộc họp giữa Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên điều phối và cha mẹ học sinh để thống nhất các điều kiện tiến hành xây dựng vòng bạn bè.

+ Thảo luận giữa giáo viên hỗ trợ và học sinh toàn lớp

• Giáo viên hỗ trợ trao đổi với học sinh cả lớp điểm mạnh, điểm yếu những khó khăn thách thức mà học sinh khuyết tật phải đối mặt khi tham gia giáo dục hòa nhập.

---

[17] Taylor, G. (1997). Community building in schools: Developing a 'circle of friends.' Educational and Child Psychology, 14, 45–50.

• Các thành viên trong lớp chia sẻ suy nghĩ của mình về bạn và về cách thức hỗ trợ bạn học sinh khuyết tật.

• Giáo viên điều phối chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ học sinh khuyết tật của cá nhóm bạn đã có trước đó đồng thời khuyến khích các học sinh trong lớp thiết lập tình bạn với học sinh khuyết tật.

• Cuối cùng, giáo viên hỗ trợ lựa chọn và lập danh sách các học sinh tình nguyện tham gia vòng bạn bè. Giáo viên lựa chọn các bạn trong vòng bạn bè dựa trên các tiêu chí: *(i) Là những người trách nhiệm; (ii) Có thái độ tốt với người khuyết tật nói chung bạn học sinh khuyết tật cùng lớp nói riêng và (iii) Tự nguyện, mong muốn được tham gia các hoạt động của vòng bạn bè.*

- Bước 2. Xây dựng vòng bạn bè

+ Các thành viên trong nhóm gặp mặt, hợp tác, điều chỉnh các hoạt động trong thực tiễn cho phù hợp với sự tiến bộ của học sinh khuyết tật.

- Bước 3. Tổ chức gặp mặt hàng tuần

+ Các thành viên của nhóm và giáo viên điều phối sẽ gặp nhau hàng tuần theo kế hoạch để nhìn nhận lại sự tiến bộ, xác định những khó khăn và đề xuất các giải pháp.

**** Nội dung xây dựng vòng bạn bè***

– Hướng dẫn học sinh xây dựng vòng bạn bè của bản thân (học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật).

– Hướng dẫn kĩ năng kết bạn cho học sinh khuyết tật:

+ Kĩ năng làm quen, tự giới thiệu;

+ Kĩ năng đề nghị cùng chơi;

+ Kĩ năng duy trì cuộc nói chuyện trong nhóm bạn;

+ Kĩ năng chia sẻ (cho mượn, hỏi mượn đồ dùng đồ chơi, chia sẻ niềm vui, sở thích với bạn).

– Hướng dẫn kĩ năng trợ giúp bạn trong các hoạt động ở trường cho trẻ bình thường:

+ Kĩ năng quan sát để xác định việc cần giúp bạn là gì?

+ Kĩ năng trợ giúp phù hợp để giúp bạn được hiệu quả (làm mẫu và hướng dẫn cách làm cho bạn, cầm tay bạn cùng làm, làm giúp bạn, nhắc bạn bằng cử chỉ/ hành động, nhắc bạn bằng lời nói/ chữ viết.

– Tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi có chủ đích (đôi bạn cùng tiến/ kèm bạn học 1–1, hoạt động thể thao/ trò chơi tại phòng hỗ trợ, sinh hoạt nhóm tại lớp học) có sự tham gia của học sinh khuyết tật và học sinh không khuyết tật để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, kĩ năng trợ giúp bạn trong nhóm bạn bè và trong bối cảnh toàn thể lớp học.

– Tuyên truyền gương điển hình bạn giúp bạn.

– Các kĩ thuật cần được thực hành luyện tập hàng ngày, nên có khen thưởng động viên khích lệ học sinh thường xuyên và kịp thời. Có thể mở rộng bối cảnh ứng dụng các kĩ năng cần thiết cho học sinh.

**** Các biện pháp nâng cao mức độ tham gia của học sinh khuyết tật***

– Sự tham gia của các bạn vào vòng bè bạn cho học sinh khuyết tật được phát triển theo các mức độ sau:

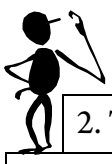

7. Nhận trách nhiệm về mình
6. Chủ động đề xuất và thực hiện một cách sáng tạo
5. Hoàn thành phần việc được phân công, có thức quan tâm đến hoạt động chung
4. Hoàn thành phần việc được phân công với trách nhiệm cao
3. Tham gia theo sự hướng dẫn, phân công
2. Tham gia khi có lời mời
1. Đứng ngoài cuộc

Sơ đồ 3.2. Các mức độ tham gia của học sinh trong vòng bạn bè

**** Các biện pháp nâng cao tính hiệu quả vòng bạn bè***

– Tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để tăng sự hiểu biết và tạo cơ hội cho học sinh thể hiện;

– Động viên, khuyến khích kịp thời những hành vi, biểu hiện tốt;

– Tuyên truyền phổ biến rộng các điển hình tốt.

3.3.6. Phối hợp với gia đình học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập

**** Vai trò của gia đình***

– Gia đình luôn giữ vai trò hàng đầu, là yếu tố quyết định đối với việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung và trẻ em khuyết tật nói riêng. Vậy gia đình có vai trò cụ thể nào trong quá trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.

– Các thành viên trong gia đình thường là người phát hiện sớm những khó khăn của học sinh khi tham gia sinh hoạt và học tập.

– Các thành viên trong gia đình thường hiểu đúng và rõ những đặc điểm về thể chất, tinh thần, nhu cầu, khả năng của học sinh.

– Gia đình đóng vai trò là đối tác quan trọng với nhà trường trong việc hỗ trợ học sinh có môi trường hòa nhập tốt nhất tại cấp trung học cơ sở.

– Thông qua các hoạt động chung hàng ngày diễn ra một cách tự nhiên hoặc có chủ định mà các thành viên trong gia đình tiến hành các hoạt động giáo dục ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của học sinh khuyết tật.

– Gia đình có điều kiện chủ động kết nối các nguồn lực trong chăm sóc giáo dục học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.

Nhiệm vụ của gia đình trong giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật

– Hoàn thiện hồ sơ của học sinh khuyết tật. Cung cấp cho nhà trường đầy đủ các hồ sơ học sinh khuyết tật theo quy định: Giấy chứng nhận khuyết tật và mức độ khuyết tật; giấy khám sức khỏe, phác đồ điều trị (nếu có); học bạ cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục cá nhân các lớp trước.

– Tham gia xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân.

– Mỗi học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở đều có một bản Kế hoạch giáo dục cá nhân. Kế hoạch giáo dục cá nhân được xây dựng dựa trên các thông tin về học sinh được thu thập ở trường và ở nhà. Để Kế hoạch giáo dục cá nhân được thực hiện hiệu quả cần sự tham gia phối hợp của gia đình. Các hoạt động cụ thể gia đình cần tham gia trong quá trình này là:

+ Cung cấp thông tin về khả năng, nhu cầu, điểm mạnh, điểm yếu của học sinh khuyết tật, điều kiện chăm sóc giáo dục của gia đình dành cho học sinh khuyết tật (hộ nghèo, cận nghèo, hộ neo đơn hay có điều kiện chăm sóc học sinh…); và mong muốn của gia đình về tương lai của học sinh khuyết tật;

+ Tham gia các buổi họp xây dựng mục tiêu, kế hoạch, đánh giá học sinh khuyết tật theo yêu cầu của Ban giám hiệu nhà trường và giáo viên;

+ Chủ động thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch giáo dục cá nhân đã thống nhất; nếu có thắc mắc hoặc đề xuất ý kiến cần liên hệ với giáo viên phụ trách để giải đáp;

– Tích cực tham gia các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật.

**** Biện pháp phối hợp với gia đình học sinh khuyết tật***

– Thành lập nhóm cha mẹ học sinh khuyết tật để các gia đình có điều kiện chia sẻ thông tin, khó khăn, thuận lợi hỗ trợ lẫn nhau;

– Tìm hiểu thông tin về hoàn cảnh, điều kiện kinh tế và chăm sóc học sinh khuyết tật của từng gia đình;

– Truyền thông tới các gia đình những thông tin cập nhật khoa học, hữu ích cho giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật;

– Tổ chức họp định kỳ để lắng nghe ý kiến nguyện vọng phản hồi của cha mẹ trong quá trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật;

– Phối hợp chặt chẽ với từng gia đình trong quá trình xây dựng và thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.

3.3.7. Phối hợp các lực lượng cộng đồng tham gia giáo dục hòa nhập

**** Thế nào là nhóm hỗ trợ cộng đồng***

– Nhóm hỗ trợ cộng đồng là nhóm gồm những thành viên trong cộng đồng dân cư ở thôn/tổ dân phố hoặc xã/phường tự nguyện góp công sức, vật chất và tinh thần, hợp tác với nhau thành một nhóm để hỗ trợ giúp đỡ một hoặc nhiều người khuyết tật (không đòi hỏi sự đãi ngộ) vượt khó khăn để hoà nhập xã hội.

**** Vai trò, chức năng của nhóm hỗ trợ cộng đồng***

– Chia sẻ tâm tư tình cảm với gia đình học sinh khuyết tật về những thuận lời và khó khăn trong quá trình chăm sóc, giáo dục học sinh khuyết tật;

– Phát hiện sớm các nhu cầu của học sinh khuyết tật và gia đình học sinh khuyết tật tại cộng đồng;

– Tham gia hỗ trợ học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập;

– Nâng cao nhận thức các thành viên khác trong cộng đồng về quyền được giáo dục của người khuyết tật;

– Phối với với chính quyền địa phương, gia đình học sinh khuyết tật tìm ra những biện pháp giúp đỡ học sinh khuyết tật và gia đình học sinh khuyết tật.

**** Một số hoạt động phối hợp với các lực lượng cộng đồng***

– Ban giám hiệu nhà trường cần tổ chức các hoạt động nhằm tăng cường sự phối hợp với các lực lượng cộng đồng như sau:

Bảng số 3.3. Gợi ý một số hoạt động tăng cường công tác xã hội hóa

Hoạt động	Số lượng/ năm	Thời gian	Hình thức
1. Vận động gây quỹ giáo dục hòa nhập từ phụ huynh của trường	3	Đầu năm, kết thúc học kỳ I, cuối học kỳ II	Kết hợp trong buổi họp phụ huynh.
2. Vận động quỹ từ các nhà tài trợ	1	18/4 ngày người khuyết tật Việt Nam	Kết hợp cùng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội của người khuyết tật tại địa phương tham gia các hoạt động lễ kỷ niệm.
3. Tổ chức hoạt động văn hóa/nghệ thuật gây quỹ	1	1/6	Kết hợp cùng đoàn thành niên phường/xã tổ chức hoạt động văn nghệ gây quỹ hỗ trợ trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt.
4. Hòm yêu thương	Quanh năm	Cả năm học	Luôn để Hòm yêu thương ở vị trí thuận tiện chỗ giáo viên, học sinh qua lại. Mọi thành viên trong trường, khách đến tham quan có thể bỏ vào đó những đồng tiền tiết kiệm của mình để ủng hộ các bạn có nhu cầu giáo dục đặc biệt trong bất cứ thời điểm nào trong năm học.
5. Khuyến khích tiếp nhận tình nguyện viên tham gia các hoạt động của phòng hỗ trợ	Quanh năm	Cả năm học	Tình nguyện viên có thể là: phụ huynh trẻ khuyết tật, các thành viên cộng đồng có thời gian và điều kiện; sinh viên tình nguyện, người nước ngoài tình nguyện…

3.3.8. Cải tạo cơ sở vật chất và tăng cường học liệu dành cho học sinh khuyết tật

Quá trình giáo dục theo được cấu thành bởi nhiều thành tố có liên quan chặt chẽ và tương tác với nhau. Các thành tố đó là: Mục tiêu, nội dung, phương pháp, giáo viên, học sinh và phương tiện (cơ sở vật chất– học liệu). Các yếu tố cơ bản này giúp thực hiện quá trình giáo dục và dạy học. Cơ sở vật chất – học liệu có mặt trong quá trình nêu trên có vai trò và vị trí như các thành tố khác và không thể thiếu một thành tố nào. Như vậy, cơ sở vật chất – kỹ thuật là một bộ phận, một thành tố không thể thiếu được trong quá trình giáo dục và dạy học.

Cơ sở vật chất – học liệu của nhà trường, đó là các khối công trình, nhà cửa, sân chơi, thư viện, thiết bị giáo dục và các trang thiết bị khác… được trang bị riêng cho nhà trường, và chia ra làm 3 bộ phận: trường sở, thiết bị giáo dục và thư viện.

Điều 10, Chương 2 Thông tư số 03/2018 TT/BGDĐT quyết định về giáo dục hòa nhập nêu rõ về cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học, đồ chơi của cơ sở giáo dục để thực hiện giáo dục hòa nhập.

– Cơ sở giáo dục đảm bảo các điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

– Khuyến khích cơ sở giáo dục phối hợp với tổ chức, cá nhân thiết kế và sản xuất thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học, đồ chơi cho người khuyết tật.

Kết quả khảo sát quốc gia về người khuyết tật Việt Nam có thấy: Cứ 100 trường học, chỉ có 3 trường có thiết kế phù hợp (2,9%), 8 trường có lối đi dành cho người khuyết tật (8,1%) và 10 trường có công trình vệ sinh phù hợp với người khuyết tật (9,9%)[18]. Việc cơ sở vật chất thiếu, không có các thiết kế phù hợp với nhu cầu căn bản của người khuyết tật là rào cản lớn cho phép học sinh tiếp cận với giáo dục phổ thông. Để giúp học sinh khuyết tật tham gia giáo dục hòa nhập hiệu quả các trường trung học cơ sở cần cải tạo cơ sở vất và tăng cường bổ sung học liệu dành cho học sinh khuyết tật theo hướng như sau:

[18] Tổng cục thống kê (2017), Khảo sát quốc gia về NKhuyết tật Việt Nam 2016.

**** Các giải pháp cải tạo cở sở vật chất đảm bảo tiếp cận cho học sinh khuyết tật***

(i) Lối vào, lối đi bộ, vỉa hè trước cổng trường học

– Giải pháp cải tạo xây dựng tạm thời, chi phí thấp: Có thể sử dụng các tấm tạm thời (tấm gỗ hoặc tấm kim loại đảm bảo đủ chắc chắn để che những lỗ hoặc các vết nứt trên lối đi, làm cho lối đi bằng phẳng hơn. Có thể sử dụng các đường dốc, vệt dốc di động có độ dốc đảm bảo theo quy chuẩn để giải quyết nhu cầu tiếp cận trước mắt ở những chỗ gờ, rìa hoặc từ lòng đường lên lối đi bộ.

– Giải pháp xây dựng kiên cố: Đổ bê tông hoặc lát gạch những bề mặt lối đi, sân, trường… đảm bảo bề mặt bằng phẳng chống trơn trượt, xây dựng đường dốc tiếp cận cố định đảm bảo tuân thủ đúng theo QCVN 10:2014/BXD.

(ii) Hành lang

– Giải pháp tạm thời, giúp người khiếm thị có thể nhận biết vật cản trên hành lang, lối đi: Đặt các trụ an toàn giao thông hình nón màu da cam hoặc các vật thể khác mà có thể phát hiện được bằng gậy, như các chậu trồng cây hoặc hàng rào di động, ở đằng trước hoặc ở dưới các vật thể nhô ra. Bằng cách đó, gậy có thể phát hiện ra các mối nguy và rào cản trong hành lang, và những người mù có thể di chuyển xung quanh các vật thể nhô ra đó. Một cách khác là dành một tuyến đường riêng cho người đi bộ mà không bao gồm các vật thể lồi ra.

– Đối với các trường hợp thiết kế xây dựng mới thì cần lưu tâm để ý thiết kế bố trí các không gian chỗ để các tủ giày, cây nước, mắc quần áo… đảm bảo không có các vật thể nhô ra khỏi mặt tường trên hành lang, lối đi.

(iii) Cửa ra vào

– Giải pháp cải tạo tạm thời: Có thể sử dụng các đường dốc tạm thời làm bằng vật liệu đảm bảo chắc chắn để giúp người sử dụng xe lăn đi qua các bậc thềm hoặc các ngưỡng cửa cao. Nếu khu vực phía trước cửa ra vào không bằng phẳng hoặc không có đủ không gian di chuyển thích hợp thì có thể dùng một cái gì đó giữ cho cửa mở để người sử dụng xe lăn có thể tiếp cận vào một cách thuận tiện mà không phải cố gắng tìm cách mở cửa. Nếu mở một cánh cửa rồi mà lối vào vẫn không đủ rộng thì có thể mở cả 2 cánh và cố định 2 cánh cửa

mở để đảm bảo lối vào có đủ không gian cho người sử dụng xe lăn đi qua. Trong một số trường hợp, có thể lắp đặt các đòn bẩy tạm thời hoặc các dụng cụ khác mà không đòi hỏi phải nắm chặt, ép chặt hoặc xoắn mạnh các bộ phận cứng của cửa ra vào để giúp người khuyết tật tự ra vào được. Ngoài ra, có thể sử dụng hệ thống chuông cửa hoặc còi tạm thời để báo cho nhân viên nhà trường ra mở các cửa ra vào.

– Giải pháp cải tạo kiên cố, sử dụng lâu dài: Thay mới hệ thống cửa (nếu có đủ điều kiện) đảm bảo về chiều rộng thông thủy cho người đi xe lăn qua lại, không làm ngưỡng cửa, cửa có thể mở ra đóng vào một cách nhẹ nhàng, lắp đặt khóa cửa dạng tay nắm gạt với chiều cao phù hợp cho người khuyết tật có thể đóng mở cửa dễ dàng.

– Khi thiết kế xây dựng mới cần lưu ý thiết kế đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận từ những chi tiết đơn giản nhất tuân thủ theo QCVN 10:2014/BXD.

(iv) Phòng học

– Sắp xếp lại bàn bàn học một cách hợp lý, lưu ý khoảng không gian sao cho học sinh sử dụng xe lăn có thể di chuyển từ bàn của mình tới lối ra cửa ra vào, tới bàn của giáo viên và bất kỳ các vị trí nào khác trong phòng học mà tất cả các học sinh khác có thể đi. Các bàn trong phòng cần đảm bảo cung cấp các không gian thông thoáng trên sàn nhà để cho phép một học sinh sử dụng xe lăn hoặc các thiết bị di động khác có thể di chuyển chân ở dưới bàn và điều chỉnh xe lăn sang trái hoặc sang phải ở dưới bàn một cách thuận tiện (có nghĩa là phải đảm bảo mặt bàn và 2 bên cạnh bàn tạo một khoảng không đủ rộng để học sinh dùng xe lăn có thể di chuyển chân và xe lăn thuận tiện dưới bàn).

– Đảm bảo những cuốn sách và các đồ dùng học tập khác nằm trong tầm với của những người dùng xe lăn hoặc những người có tầm vóc thấp. Phải đảm bảo rằng những người sử dụng xe lăn có thể tiếp cận các bảng trắng hoặc bảng đen.

(v) Các khu vệ sinh

– Các khu vệ sinh tiếp cận cho phép học sinh khuyết tật sử dụng một cách thuận tiện và chủ động, giúp tăng cường sức khỏe và đảm bảo học sinh khuyết tật có thể tiếp cận các tiện ích vệ sinh một cách bình đẳng với các học sinh khác. Một khu vệ sinh hoàn toàn tiếp cận sẽ có thể sử dụng được bởi các học sinh sử dụng xe lăn và học sinh khuyết tật đi bộ có hoặc không có các thiết bị trợ giúp như nạng hoặc gậy chống.

– Có một số giải pháp tạm thời để biến các khu nhà vệ sinh hiện có trở nên dễ tiếp cận hơn. Tuy nhiên, để cải thiện tình trạng tiếp cận của các khu nhà vệ sinh thì hoặc là phải xây dựng lại hoặc phải cải tạo thêm.

– Các biện pháp cải thiện tình trạng tiếp cận của các khu vệ sinh:

+ Cần có bảng chỉ dẫn nổi bật để chỉ dẫn mọi người tới các khu vệ sinh, cho dù các nhà vệ sinh được xây trong cùng các tòa nhà hay được xây ở các khu vệ sinh riêng.

+ Lối đi dẫn tới các khu vệ sinh riêng cần phải được kết nối tới các tòa nhà lớp học bằng một con đường đủ rộng cho hai người đi ngược chiều có thể tránh nhau, có bề mặt đường đều nhau và hệ thống thoát nước để tránh nước, bùn bẩn đọng lại trên mặt đường. Một con đường/lối đi rộng hơn cũng sẽ cho phép một người đi cùng để dẫn đường cho học sinh khuyết tật (ví dụ: học sinh mù/khiếm thị) đi lại một cách thuận tiện hơn.

+ Tại những vị trí có chênh cốt cao độ cần có đường dốc với độ đốc đảm bảo cho người khuyết tật có thể tự di chuyển tuân thủ QCVN 10:2014/BXD.

+ Đảm bảo có hệ thống tay vịn chắc chắn cho người khuyết tật bám vào để đi lại dễ dàng hơn tại các vị trí: Dọc hai bên hành lang, lối đi, đường dẫn, đường dốc, trong buồng vệ sinh. Quy cách lắp đặt tay vịn phải tuân thủ QCVN 10:2014/BXD.

+ Phải có buồng vệ sinh dành cho người khuyết tật với quy cách xây dựng đảm bảo theo quy chuẩn như: Kích thước thông thủy trong buồng vệ sinh, chiều rộng thông thủy cửa ra vào, quy cách lắp đặt thiết bị vệ sinh, hệ thống vòi, chậu rửa, gương soi… phải phù hợp và tiện dùng đối với người khuyết tật (chi tiết quy định trong QCVN 10:2014/BXD).

**** Các giải pháp điều chỉnh, bổ sung trang thiết bị và học liệu dạy học***

– Trang thiết bị và học liệu có vai trò quan trọng trong quá trình dạy học nói chung và dạy học hòa nhập nói riêng:

+ Cung cấp kiến thức cho học sinh một cách chắc chắn, chính xác và trực quan; do đó thu hút được sự hứng thú học tập của học sinh.

+ Rút ngắn thời gian giảng dạy mà vẫn bảo đảm học sinh lĩnh hội đủ nội dung học tập.

+ Gia tăng cường độ lao động của cả giáo viên và học sinh; do đó nâng cao hiệu quả dạy học.

+ Thể hiện được những yếu tố trong thực tế khó hoặc không quan sát, tiếp cận được.

+ Thúc đẩy sự giao tiếp, trao đổi thông tin, do đó giúp học sinh học tập có hiệu quả.

+ Giúp học sinh tăng cường trí nhớ, làm cho việc học tập được lâu bền.

+ Cung cấp thêm kiến thức, kinh nghiệm trực tiếp liên quan đến thực tiễn xã hội và môi trường sống.

+ Giúp khắc phục những hạn chế của lớp học bằng cách biến cái không thể tiếp cận được thành cái có thể tiếp cận được. Điều này thực sự đúng khi thực hiện phim ảnh mô phỏng và các phương tiện tương tự.

+ Cung cấp kiến thức chung, qua đó học sinh có thể phát triển các hoạt động học tập khác nhau.

+ Giúp phát triển mối quan tâm về các lĩnh vực học tập và khuyến khích học sinh tham gia chủ động vào quá trình học tập.

– Báo cáo của Ban chỉ đạo giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn từ năm 2015 đến 2019 chỉ rõ: Về sách giáo khoa và học liệu dành cho học sinh khuyết tật học hòa nhập, 100% các cơ sở giáo dục hòa nhập công lập có sự tham gia học tập của người khuyết tật thiếu trang thiết bị và đồ dùng dạy học[19]. 100% học sinh khuyết tật các nhóm khác như: Khuyết tật nghe – nói; khuyết tật vận động; khuyết tật trí tuệ… hiện dùng sách và học liệu như tất cả các học sinh không khuyết tật. Việc không có học liệu đặc thù khiến học sinh khuyết tật và giáo viên gặp rất nhiều khó khăn trong dạy học hòa nhập. Vì thế, cần có các giải pháp để điều chỉnh bổ sung trang thiết bị và học liệu dạy học dành cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở.

(i) Điều chỉnh các thiết bị học liệu có sẵn sao cho phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh khuyết tật

– Khi tiến hành điều chỉnh các thiết bị học liệu dành cho học sinh không khuyết tật (gọi tắt là học thiết bị và học liệu phổ thông), giáo viên cần thực hiện các bước sau đây:

+ ***Bước* 1.** Nghiên cứu mục tiêu và hướng dẫn sử dụng thiết bị và học liệu phổ thông;

19 Báo cáo giám sát công tác GDNKhuyết tật của ban chỉ đạo giáo dục TEKhuyết tật và TE có hoàn cảnh khó khăn bộ GD ĐT, 2016, 2017, 2018, 2019.

+ **Bước 2.** Xác định những khó khăn và thuận lợi của học sinh khuyết tật khi sử dụng các thiết bị đó thông qua: Quan sát học sinh khuyết tật sử dụng học liệu phổ thông; Trao đổi với học sinh khuyết tật về khó khăn và mong muốn điều chỉnh học liệu đó;

+ **Bước 3.** Điều chỉnh các đặc điểm, cấu trúc của học liệu dựa trên các thông tin thu thập được như: Màu sắc, độ tương phản, kích thước, thêm bớt các chi tiết, bổ sung thêm các bộ phận hỗ trợ…;

+ **Bước 4.** Hướng dẫn học sinh dừng thử học liệu sau điều chỉnh lần 1 và đánh giá mức độ phù hợp, tính hiệu quả và khả thi trong quá trình sử dụng;

+ **Bước 5.** Chỉnh sửa sau thử nghiệm nhằm giúp thiết bị và học liệu phù hợp hơn với khả năng và nhu cầu sử dụng của học sinh khuyết tật.

(ii) Cấp mới hoặc sáng tạo mới các thiết bị và học liệu dành cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở

– Không giống như cấp Tiểu học, các kỹ năng nghe, nói, đọc viết, tính toán có vai trò là nội dung học tập, ở cấp trung học cơ sở các kỹ năng này trở thành công cụ để học tập các môn học khác. Dựa trên kỹ năng nghe nói, đọc viết mà học sinh có thể ghi chép, lưu giữa các thông tin nội dung học tập môn Lịch sử, Địa lý… Nhờ biết tính toán mà học sinh có thể giải các bài tập Vật lý, Hóa học, Sinh học…

– Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung giáo dục cấp trung học cơ sở bao gồm 12 môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, bao gồm: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lí; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục của địa phương) và 2 môn học tự chọn (Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 2). Thời lượng giáo dục 1 buổi/ngày, mỗi buổi không bố trí quá 5 tiết học; mỗi tiết học 45 phút.

– Hết tiết học với giáo viên này học sinh sẽ tham gia tiết học khác với giáo viên khác. Vì thế, trong một khoảng thời gian ngắn 45 phút như mọi học sinh khác, học sinh khuyết tật cần thực hiện rất nhiều hoạt động học tập liên tiếp như: Nghe giảng, thực hiện các nhiệm vụ học tập, ghi chép thông tin, phản hồi… Nếu học sinh khuyết tật không được hỗ trợ các thiết bị, học liệu đặc thù thì không thể tham gia giáo dục hòa nhập thành công. Ví dụ:

+ Học sinh khuyết tật nhìn dạng mù hoàn toàn cần có sách giáo khoa nói và sách chữ nổi bảng, dùi viết. Học sinh nhìn kém cần sách giáo khoa và tài liệu phóng to hoặc kính trợ thị… ;

+ Học sinh khuyết tật nghe – nói cần có từ điển ngôn ngữ kí hiệu ; Phương tiện hỗ trợ giao tiếp… ;

+ Học sinh khuyết tật trí tuệ và rối loạn phổ tự kỉ cần được cấp công cụ giao tiếp hỗ trợ và thay thế, đồ dùng dạy học trực quan.

– Trong bối cảnh hiện tại, học sinh khuyết tật khi tham gia giáo dục hòa nhập cấp trung học cơ sở:

+ Học chung chương trình và sách giáo khoa với học sinh không khuyết tật;

+ Thiếu trang thiết bị hỗ trợ;

+ Thiếu hoặc không có phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập;

+ Thời gian học tập trên lớp hạn chế.

– Vì vậy, việc cung cấp cho các học sinh khuyết tật bộ bài học tương tác trên nền web là cần thiết. Các bài học được chọn và xây dựng phải dựa trên chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, nhắm tới những nội dung học sinh khuyết tật gặp khó khăn. Từ đó, xây dựng các dạng bài học cụ thể như: trang bị kiến thức mới; mô phỏng các thí nghiệm ảo; cung cấp một hệ thống bài luyện tập, củng cố giúp học sinh khuyết tật có thể linh hoạt sử dụng thời gian ngoài giờ lên lớp để tự học, tự nghiên cứu hoặc nhờ người khác (giáo viên, cha mẹ, bạn bè…) hỗ trợ.

– Khi thiết kế các thiết bị học liệu đặc thù dành cho học sinh khuyết tật cần lưu ý các điểm sau đây:

+ Đảm bảo tính chính xác: Thiết bị dạy học phải giúp học sinh tiếp thu tri thức khoa học, đúng, đủ phù hợp nội dung, chương trình và phương pháp bộ môn.

+ Dễ sử dụng: Giáo viên và học sinh khuyết tật đều có thể sử dụng được.

+ Đảm bảo yếu tố thẩm mỹ: Có kích thước, màu sắc, hình dạng thích hợp gây hứng thú cho học sinh.

+ Phù hợp với đặc điểm nhận thức của học sinh khuyết tật: Đối với học sinh khuyết tật nhìn cần lược bỏ những chi tiết không trọng tâm; làm nổi bật những chi tiết chính để học sinh có thể tri giác dễ dàng bằng xúc giác. Đối với học sinh khuyết tật trí tuệ cần sinh động, đơn giản, trong tâm tránh lạm dụng màu sắc…

– Xem thêm phần *Phụ lục số 7: Một số mẫu thiết bị, học liệu dạy học dành cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở*

CHƯƠNG 4. DẠY HỌC HÒA NHẬP CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

4.1. TÌM HIỂU KHẢ NĂNG, NHU CẦU CỦA HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Mọi học sinh có giấy xác nhận khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật cấp xã cấp khi tham gia học hòa nhập đều được nhà trường tiến hành tìm hiểu khả năng và nhu cầu.

4.1.1. Mục tiêu

– Xác định đặc điểm chức năng hiện tại của học sinh khuyết tật nhằm:

+ Làm cơ sở để Hội đồng nhà trước quyết định có cần xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân không? (sẽ giải thích rõ trong mục 4.2. Xây dựng mục tiêu, kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật).

+ Làm cơ sở để xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật;

+ Làm cơ sở đánh giá sự tiến bộ của học sinh khuyết tật sau quá trình học hoà nhập.

4.1.2. Nhân lực thực hiện

+ *Giáo viên; giáo viên/Nhân viên hỗ trợ:* Giữ vai trò chủ chốt trong việc thu thập thông tin và thực hiện các bài tập để tìm hiểu khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật;

+ *Giáo viên bộ môn*: Cung cấp thông tin về kết quả học tập, đặc điểm nhận thức, biểu hiện hành vi và hứng thú học tập của học sinh khuyết tật;

+ *Phụ huynh*: Cung cấp thông tin về các biểu hiện của học sinh khuyết tật trong môi trường gia đình; Cung cấp các thông tin về môi trường, điều kiện hoàn cảnh gia đình cũng như các thông tin liên quan đến hồ sơ y tế của trẻ (nếu có).

+ *Các thành viên khác*: cung cấp thêm thông tin biểu hiện của học sinh khuyết tật trong các hoạt động và môi trường khác nhau.

4.1.3. Thời điểm thực hiện

Hoạt động tìm hiểu khả năng và nhu cầu học sinh khuyết tật tiến hành càng sớm càng tốt. Ngay khi tiếp nhận học sinh khuyết tật vào trường, Ban giám hiệu cần phân công giáo viên phụ trách hoạt động này. Thông tin về khả năng và nhu cầu cần có trước tuần thứ 4 của năm học (tính từ thời điểm nhập học).

4.1.4. Công cụ thực hiện

– Mỗi một nhóm học sinh khuyết tật đều có công cụ riêng để tìm hiểu khả năng và nhu cầu *Phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu* (Phụ lục số 1 đến 5). Các phiếu này có cấu trúc chung gồm 3 phần: A. Thông tin chung; B. Nội dung tìm hiểu và C. Kết luận.

+ *A. Thông tin chung*: Ngoài các thông tin về tên, tuổi, giới tính địa chỉ gia đình còn tìm hiểu về điều kiện sống, tình trạng y tế, can thiệp và giáo dục. Đây là những thông tin hữu ích cho việc lựa chọn nhân lực và hình thức hỗ trợ phù hợp với học sinh khuyết tật.

+ *B. Nội dung tìm tìm hiểu:* Mỗi nhóm học sinh kkhuyết tật sẽ có những nội dung tìm hiệu riêng, đặc trưng cho dạng khuyết tật đó, tuy nhiên có những nội dung cần phải tìm hiểu chung cho mọi học sinh khuyết tật.

+ *C. Kết luận:* Trên cơ sở các đặc điểm tìm hiểu được sẽ chỉ ra những khả năng, nhu cầu cần hỗ trợ của học sinh khuyết tật.

4.1.5. Phương pháp thực hiện

Các thành viên tham gia xác định khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật cần tiến hành phối hợp nhiều phương pháp sau đây: Quan sát học sinh trong các hoạt động ở lớp, nhà, cộng đồng; kiểm tra trực tiếp học sinh thông qua các nhiệm vụ học tập; phỏng vấn cha/mẹ/thành viên trong gia đình; nghiên cứu hồ sơ (y tế, học tập, Kế hoạch giáo dục cá nhân trước đó...).

4.2. XÂY DỰNG MỤC TIÊU, KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT

Kế hoạch giáo dục cá nhân là văn bản được thiết kế riêng cho mỗi học sinh giúp người tham gia giáo dục (giáo viên, Ban giám hiệu, cha mẹ...) và có thể định hướng được nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật trong môi trường hoà nhập tại gia đình, cộng đồng và nhà trường nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể [20].

[20] Phạm Minh Mục, Vương Hồng Tâm, Nguyễn Thị Kim Hoa, 2012, Cẩm nang xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt, Nhà xuất bản giáo dục.

Người khuyết tật là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn[21]. Một số học sinh khuyết tật có gặp khó khăn về lao động nhưng không gặp khó khăn về học tập. Những học sinh này không có nhu cầu giáo dục đặc biệt, nên không cần xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân. Vì thế, khi tiếp nhận học sinh vào học, Hội đồng nhà trường cần xem xét, đánh giá khả năng, nhu cầu giáo dục của học sinh khuyết tật để quyết định có cần lập Kế hoạch giáo dục cá nhân hay không?

4.2.1. Đối tượng

Những học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở được hội đồng nhà trường quyết định cần được xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân.

4.2.2. Nhân lực thực hiện

+ *Nhân viên/giáo viên hỗ trợ và giáo viên chủ nhiệm*: Phối hợp chặt chẽ cùng giữ vai trò chủ chốt trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt tại trường hòa nhập. Sau khi thu thập đầy đủ thông tin về khả năng nhu cầu của trẻ, điều kiện hoàn cảnh giáo dục và mong muốn của phụ huynh và giáo viên: Đề xuất bản dự thảo; Xin ý kiến Ban giám hiệu nhà trường về cuộc họp thống nhất; tổ chức cuộc họp và tiếp thu các ý kiến đóng góp; hoàn thiện bản Kế hoạch sau khi thu nhận các ý kiến của các thành viên và thông qua;

+ *Đại diện ban giám hiệu nhà trường*: Tạo điều kiện về thủ tục hành chính cho bước xây dựng kế hoạch: Mời phụ huynh, tham gia góp ý bản dự thảo và thông qua Kế hoạch giáo dục;

+ *Phụ huynh*: Tham gia góp ý bản dự thảo, cam kết thực hiện và thông qua bản kế hoạch giáo dục cá nhân;

+ *Các thành viên khác*: Trong từng trường hợp học sinh khuyết tật có giáo viên đi kèm (gia đình thuê riêng), cùng hỗ trợ trẻ tại trường, chuyên gia can thiệp và trị liệu (nếu có)... sẽ cùng tham gia góp ý bản dự thảo, nhận trách nhiệm và thông qua bản kế hoạch giáo dục cá nhân

4.2.3. Nội dung

– Một bản kế hoạch giáo dục cá nhân thường bao gồm 8 nội dung sau:

+ *Nội dung thứ 1:* Thông tin chung về học sinh khuyết tật (thu thập trong phần A – phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu)

[21] Luật người khuyết tật, 2010

+ Nội dung thứ 2: Khả năng và nhu cầu hiện tại của học sinh khuyết tật (thu thập trong phần B – phiếu tìm hiểu khả năng và nhu cầu)

+ Nội dung thứ 3: Mục tiêu dài hạn

• Mục tiêu dài hạn thường là mục tiêu năm. Mục tiêu năm là những gì học sinh khuyết tật có thể làm được trong vòng một năm, trong mỗi lĩnh vực nhất định. Nó là kì vọng của phụ huynh, giáo viên và các nhà chuyên môn về những điều mà trẻ có thể thực hiện được trong một năm. Mục tiêu năm được đặt ra để giải quyết những lĩnh vực còn yếu hoặc tăng cường những điểm mạnh đã được xác định trong tình trạng ban đầu của trẻ. Mục tiêu dài hạn là các mục tiêu được lựa chọn trên thông tin thu được từ bước 2.

• Các mục tiêu bao trùm các lĩnh vực: *Nhận thức, vận động, giao tiếp và ngôn ngữ, xã hội và tình cảm, tự phục vụ và thích ứng...* Không có số lượng chuẩn cho mục tiêu dài hạn. Sau quá trình đánh giá, cần lựa chọn những hành vi và kĩ năng làm phần cốt cõi cho Kế hoạch giáo dục cá nhân. Cần xác định các ưu tiên dựa trên những khả năng thể chất và trí tuệ của trẻ, tuổi đứa trẻ, thời gian can thiệp, và những hy vọng trong tương lai.

+ Nội dung thứ 4: Mục tiêu ngắn hạn

• Mục tiêu ngắn hạn là những mô tả về các bước cần thực hiện nhằm đạt được mục tiêu năm. Thông thường các kĩ năng được hình thành bởi một chuỗi các hành vi và kĩ năng nhỏ. Mỗi bước nhỏ để đi đến việc hoàn thành mục tiêu năm có thể là một mục tiêu ngắn hạn. Những mục tiêu ngắn hạn được xây dựng dựa trên phân tích nhiệm vụ. Việc phân tích nhiệm vụ là một bản mô tả về mỗi hành vi cần phải có để thực hiện một hành vi phức tạp.

• Số lượng các mục tiêu ngắn hạn cho mỗi mục tiêu năm liên quan tới dạng và mức độ khuyết tật, ảnh hưởng của nó tới việc học của học sinh khuyết tật cũng như mức độ phức tạp của mục tiêu năm. Một số học sinh khuyết tật chỉ cần vài mục tiêu ngắn hạn, một số học sinh khuyết tật khác lại cần nhiều mục tiêu ngắn hạn cho mỗi mục tiêu năm.

• Các mục tiêu năm và các mục tiêu ngắn hạn cần được mô tả kỹ, bao gồm ba phần sau: Mô tả một kĩ năng hoặc một biểu hiện nào đó dự tính mà học sinh khuyết tật đạt được; Liệt kê các điều kiện đảm bảo cho các kĩ năng đó có thể xảy ra; Sử dụng phép đo và lựa chọn các tiêu chí để xác định được những biểu hiện hoặc kĩ năng đó được coi là chấp nhận được. Đôi khi những mục tiêu ngắn hạn của Kế hoạch giáo dục cá nhân cần phải được điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi trong điều kiện của học sinh khuyết tật.

+ Nội dung thứ 5: Thời gian thực hiện

• Mỗi kế hoạch giáo dục cá nhân cần phải chỉ rõ ngày bắt đầu chương trình và ngày đánh giá. Những ghi chép của giáo viên mỗi lần đến gia đình học sinh khuyết tật hoặc ở trường đều là những thông tin vô cùng bổ ích và quan trọng. Đặc biệt là ngày bắt đầu các dịch vụ và thời gian thực hiện các dịch vụ này.

+ Nội dung thứ 6: Các biện pháp thực hiện

• Kế hoạch giáo dục cá nhân cũng phải thể hiện đầy đủ các biện pháp thực hiện để đạt được những mục tiêu đề ra. Trong đó, cũng cần xác định rõ ai sẽ là người chịu trách nhiệm cho từng công việc

+ Nội dung thứ 7: Kế hoạch đánh giá

• Trong khi xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân thì cần phải xác định rõ cách thức và công cụ đo lường/đánh giá sự tiến triển của học sinh trong việc thực hiện các mục tiêu năm. Đối với mỗi mục tiêu, cần chỉ rõ những tiêu chí được dùng để đánh giá xem liệu trẻ có đạt được mục tiêu đề ra không. Các tiêu chí và quy trình đánh giá cũng phải được cá nhân hoá. Tuỳ theo yêu cầu đối với các mục tiêu giáo dục trẻ mà việc đánh giá sẽ được thực hiện.

+ Nội dung thứ 8: Chữ kí cam kết

• Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân không phải là một công việc riêng của nhà trường, nó đòi hỏi sự tham gia của nhiều người, nhiều nhà chuyên môn vì kế hoạch can thiệp và giáo dục cá nhân có liên quan đến mọi mặt cuộc sống của học sinh khuyết tật. Tối thiểu nhất, cha mẹ học sinh hhuyết tật, giáo viên, các nhà trị liệu, nhà tâm lí, hiệu trưởng nên cùng tham gia để quyết định các mục tiêu giáo dục trẻ. Sự nhất trí về nội dung và cách thức tiến hành của những người tham gia vào việc xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân thể hiện bằng chữ kí của họ. Vậy một Kế hoạch giáo dục cá nhân cần chữ kí của cha mẹ học sinh khuyết tật, giáo viên, giáo viên/nhân về hỗ trợ, Hiệu trưởng/Phó hiệu trưởng.

• Trong số các yếu tố của một bản Kế hoạch giáo dục cá nhân, có hai yếu tố rất cần quan tâm là: mục tiêu dài hạn và các mục tiêu ngắn hạn. Viết ra được những mục tiêu đúng là một công việc cực khó và là thách thức lớn với nhóm xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân. Kế hoạch can thiệp giáo dục cá nhân phải phản ánh được những gì dự định sẽ cung cấp cho học sinh khuyết tật.

**** Tổ chức cuộc họp thống nhất kế hoạch***

– Sau khi hoàn thành bản dự thảo, giáo viên/nhân viên hỗ trợ gửi bản đó cho Ban giám hiệu đồng thời đề xuất cuộc họp các thành viên tham gia để thống nhất kế hoạch. Ban giám hiệu nhà trường xem xét nội dung gửi giấy mới họp đến các thành viên tham gia. Bản dự thảo cần được gửi tới phụ huynh và các thành viên dự kiến sẽ tham gia cuộc họp trước một tuần so với ngày họp. Các thành viên tham gia cần nghiên cứu các nội dung đề cập trong bản dự thảo, chuẩn bị các ý kiến cần làm rõ, điều chỉnh, bổ sung trước ngày tiến hành họp.

– Cuộc họp thống nhất kế hoạch giáo dục cá nhân có thể được tiến hành như sau:

Bảng số 4.1. Gợi ý chương trình cuộc họp thống nhất Kế hoạch giáo dục cá nhân

Thời gian	Hoạt động	Người chịu trách nhiệm
5 phút	Nêu mục đích, tiến trình cuộc họp	Đại diện Ban giám hiệu
5 phút	Các thành viên tự giới thiệu về mình	Mọi thành viên
10 phút	Trình bày vắn tắt dự thảo	Giáo viên/nhân viên hỗ trợ
90 phút	Góp ý dự thảo	Mọi thành viên
5 phút	Thống nhất	Mọi thành viên
5 phút	Kết luận	Đại diện Ban giám hiệu

– Sau cuộc họp bản kế hoạch được thông qua với sự đồng thuận, nhất trí, cam kết tham gia thực hiện của tất cả các thành viên.

4.2.4. Thực hiện kế hoạch

– Đây là giai đoạn các thành viên tham gia xây dựng kế hoạch tiến hành thực hiện các hoạt động đã đề ra trong bản kế hoạch giáo dục cá nhân;

– Tổ chức thực hiện: Làm rõ từng người, từng tổ chức có trách nhiệm thế nào và nêu rõ kết quả đầu ra;

– Đề xuất những giải pháp cụ thể trong quá trình thực hiện mục tiêu;

– Tự đánh giá và điều chỉnh thường xuyên một cách có kế hoạch để đạt được các mục tiêu giáo dục;

– Tóm lại, một kế hoạch giáo dục cá nhân tốt phụ thuộc nhiều vào những mục đích và mục tiêu được đánh giá là hiệu quả và phù hợp, nó thể hiện được nhu cầu của học sinh khuyết tật. Kế hoạch giáo dục cá nhân không phải là một

cuốn tài liệu mang tính hình thức, nó là sự định hướng cho việc đáp ứng nhu cầu giáo dục đặc biệt cho học sinh khuyết tật. Kế hoạch giáo dục cá nhân là một phương tiện đảm bảo học sinh khuyết tật được giáo dục một cách hiệu quả.

4.3. GIẢI PHÁP THIẾT KẾ VÀ TIẾN HÀNH DẠY HỌC HÒA NHẬP CÓ HIỆU QUẢ

4.3.1. Thiết kế bài học có hiệu quả theo hướng phát triển năng lực dành cho học sinh khuyết tật

Để dạy học hoà nhập có hiệu quả, trước hết người giáo viên cần phải xây dựng kế hoạch bài dạy (hay giáo án) một cách chi tiết, cụ thể theo mẫu. Sau đây là hướng dẫn cơ bản để xây dựng kế hoạch bài dạy: Cách thiết kế bài học.

Bảng số 4.2. Gợi ý kế hoạch dạy học hòa nhập

Yếu tố	Chức năng
Tên bài dạy	Xác định mối quan hệ giữa bài học này với các bài khác của chủ đề.
Mục tiêu chung	Xác định mục tiêu chung cho học sinh cả lớp (hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực).
Mục tiêu riêng	Xác định mục tiêu dành cho học sinh khuyết tật.
Phương tiện và đồ dùng dạy học	Xác định những phương tiện, tài liệu cần thiết cho bài.
Nội dung	Xác định và sắp xếp những khái niệm/ kĩ năng chính của bài học.
Hoạt động học tập	Mô tả các hoạt động sẽ được sử dụng để học sinh đạt được mục tiêu bài học.
Đánh giá	Nêu rõ việc học của học sinh sẽ được đo lường như thế nào.

Trong quá trình thiết kế bài dạy hoà nhập cho học sinh khuyết tật, cần lưu ý một số nội dung sau đây:

a. Xác định mục tiêu bài học

– Như trong chương trên đã đề cập, học sinh khuyết tật gặp nhiều khó khăn trong học tập nên việc xây dựng một hệ thống mục tiêu có điều chỉnh là việc làm không thể thiếu. Điều chỉnh mục tiêu bài dạy là điều kiện tiên quyết để hoạt động dạy học trở nên có hiệu quả. Vì vậy, khi thiết kế bài dạy bên cạnh việc xác định mục tiêu chung cho cả lớp, giáo viên cần viết mục tiêu riêng dành cho học sinh khuyết tật.

– Trong dạy học, mục tiêu bài học là kim chỉ nam giúp giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, tiêu chuẩn kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động dạy học, tính chất và phong cách tác động qua lại giữa thầy và trò. Nếu giáo viên có thể hình dung, chỉ ra được một cách cụ thể, rõ nét các hoạt động học sinh cần thực hiện, cách đánh giá kết quả mong muốn trong tiết dạy, điều đó sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả dạy học. Do đó, trong các tiết học hoà nhập dành cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở giáo viên cần viết mục tiêu hướng vào việc hình thành phát triển phẩm chất và năng lực. Phẩm chất của người học được thể hiện ra bên ngoài thông qua hành vi; năng lực của người học thể hiện qua kết quả của hoạt động. Vì vậy mục tiêu viết cho học sinh khuyết tật trong lớp hòa nhập cần viết theo kiểu mục tiêu hành động. Nhờ đó giáo viên và những người tham gia quá trình giáo dục hòa nhập có thể quan sát và đánh giá được.

– Một mục tiêu hành động đầy đủ bao gồm các thành phần sau đây:

+ Thành phần thứ nhất là đối tượng cần phải giải quyết câu hỏi: Ai là người tiến hành hoạt động đó? Trong hoạt động dạy học ở nhà trường trung học cơ sở thường là tập thể học sinh, nhóm học sinh từ 2 – 6 học sinh hoặc cá nhân học sinh.

+ Thành phần thứ hai của mục tiêu là điều kiện để tiến hành hoạt động đó. Thường thì thành phần này đề cập đến một, hai nhiều các yếu tố sau đây: Địa điểm, tài liệu sử dụng, hoạt động hướng dẫn của giáo viên và có thể thêm sự hỗ học sinh trong điều kiện có thể như: Sự giúp đỡ của bạn bè hay sự hỗ của các trang thiết bị đặc biệt nếu có....

+ Thành phần quan trọng nhất của mục tiêu hành động, đó là "hành động có thể quan sát được". Đây là hành động mà đối tượng phải tiến hành và thể hiện nó một cách có kết quả. Nhưng một yêu cầu cho mục tiêu hành động là "hành động của đối tượng" phải được thể hiện rõ ràng, giáo viên khi tiến hành giảng dạy nhận biết và đánh giá được học sinh của mình đang ở mức độ nào.

+ Thành phần cuối cùng là "tiêu chí đánh giá". Thành phần này đảm bảo yếu tố định lượng và đo được của mục tiêu, thể hiện yêu cầu độ thuần thục và thành công trong hành động mà học sinh cần đạt tới. Tiêu chí này thường được xác định trước khi tiến hành hoạt động, nhưng điều đó không có nghĩa là người giáo viên nhất nhất tiến hành theo các tiêu chí đó mà không tính đến sự đa dạng và phong phú của hoàn cảnh thực trong dạy học và sự phát triển động của học sinh.

– Tuy nhiên, việc sử dụng các tiêu chí 1, 2, 4 của mục tiêu hành động các giáo viên thường làm một cách hình thức, ít có giá trị thực tiễn. Các hoạt động, điều kiện và tiêu chí đánh giá thường trùng lặp, mất nhiều thời gian và lãng phí giấy mực của giáo viên. Vì thế, nếu có điều kiện giáo viên nên sử dụng đầy đủ cả bốn tiêu chí trên khi viết mục tiêu bài dạy. Tuy nhiên tiêu chí hành động quan sát được lại có giá trị thực tiễn giúp giáo viên nắm bắt được kết quả hoạt động học tập của học sinh và nhanh chóng điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình theo hướng phù hợp với các học sinh. Vì thế, giáo viên dạy hoà nhập cho học sinh khuyết tật cấp trung học cơ sở bên cạnh việc tuân thủ quy định xây dựng mục tiêu tiết dạy theo hướng dẫn của ngành, cần cụ thể hoá những kết quả mong đợi của học sinh thành những hành động mà giáo viên dễ dàng quan sát bằng mắt thường.

+ Ví dụ: Môn Ngữ văn lớp 7:

Văn bản: Tức cảnh Pác Bó – Hồ Chí Minh

I. Mục tiêu

Các học sinh trong lớp:

1) Mục tiêu về năng lực:

- Đọc diễn cảm bài thơ
- Trình bày được ý nghĩa của bài thơ: Thấy được lòng yêu thiên nhiên trong những ngày gian khổ giữa núi rừng Pác Bó của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Phân tích, bình phẩm giá trị nghệ thuật sử dụng phép đối từ, đối nghĩa của thơ Đường luật.

2) Mục tiêu phẩm chất:

Học sinh yêu quê hương, đất nước và sống hòa hợp với thiên nhiên thông quá lời nói và hành động.

*Mục tiêu riêng của học sinh H.A:

a. Mục tiêu năng lực:

- Đọc đúng nhịp điệu bài thơ.
- Nêu được tên tác giả bài thơ.
- Giải nghĩa được một số từ khó trong bài như "cách mạng" "sang".
- Nhắc lại được ý nghĩa của bài thơ.

b. Mục tiêu phẩm chất

- Thể hiện tình cảm yêu quý Bác Hồ thông qua lời nói về người.

– Với cách viết như trên, giáo viên dễ dàng nhận ra được sự khác biệt trong mục tiêu bài học của cả lớp với một học sinh khuyết tật. Trong thời gian đầu, khi chưa quen các giáo viên có thể để phần mục tiêu thành 2 phần như ở trên. Nhưng khi đã quen rồi, các giáo viên nên thể hiện như sau: Mục tiêu bài học (viết cho học sinh cả lớp). Sử dụng kí hiệu riêng như: dấu *, viết bằng mực khác... ngầm hiểu đó mục tiêu riêng dành cho học sinh khuyết tật mà không cần phải viết cả tên của học sinh khuyết tật đó ra. Cách viết này khiến ngay bản thân giáo viên cũng cảm thấy ít sự khác biệt giữa các học sinh của mình hơn.

– Thực tế cho thấy, lúc đầu các giáo viên cảm thấy viết mục tiêu hành động là tốn thời gian nhưng đây là phương thức tiết kiệm sức lực và mang lại hiệu quả cho giáo viên nhất, bởi những lí do sau:

+ Giáo viên luôn chủ động khi tiến hành giờ giảng. Sự chuẩn bị chu đáo về mục tiêu giúp giáo viên lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp, giờ học trở nên có ý nghĩa và hiệu quả hơn với học sinh.

+ Giáo viên dễ giám sát sự tiến bộ của học sinh.

+ Mối quan hệ của giáo viên và học sinh tốt hơn, bởi học sinh có cơ hội để thành công trong từng bước nhỏ. Kinh nghiệm của sự thành công sẽ giúp chúng có được hứng thú trong học tập và giảm thiểu các hành vi thách thức.

+ Mọi thành viên tham gia đều biết rõ được trách nhiệm của mình.

– Việc viết mục tiêu hành động có sự phân tích rõ ràng các nhiệm vụ này có sự đan xen làm cho mục tiêu và nội dung dạy học gần gũi với nhau. Mục tiêu trở thành cơ sở của chương trình, giáo viên xác định được tuần tự nội dung cần hoàn thành để đạt được mục tiêu. Do vậy, các thành viên tham gia xác định mục tiêu đồng thời cũng đóng góp vào xây dựng nội dung dạy học cho nên nội dung bài học thực sự phù hợp, có giá trị với học sinh. Mặt khác, xác định mục tiêu hành động tạo ra tính linh hoạt trong hoạt động dạy học, vì giúp cho quá trình điều chỉnh mục tiêu thực hiện được dễ dàng.

b. Chuẩn bị phương tiện, đồ dùng dạy học

– Dựa vào mục tiêu, giáo viên cần dự tính và chuẩn bị đồ dùng dạy học phù hợp với nội dung kiến thức của bài học, đồ dùng cho cả lớp và đồ dùng cho học sinh khuyết tật.

– Hiện nay, chưa có một phương tiện dạy học nào được thiết kế dành riêng cho học sinh khuyết tật. Vì thế, học sinh khuyết tật phải dùng chung đồ dùng như các học sinh khác. Khảo sát thực tế cho thấy nhiều bộ đồ dùng

không đảm bảo chất lượng hoặc thiếu về số lượng. Mặt khác, tính minh hoạ thể hiện của những đồ dùng này thiếu tính chính xác; ví dụ ở bộ đồ dùng Vật lí lớp 7 khi thí nghiệm về nhiệt độ sôi nhiệt kế chỉ 98^0C..., với các học sinh không khuyết tật giáo viên chỉ cần bổ sung, giải thích thêm bằng lời các em có thể dễ dàng chấp nhận nhiệt độ sôi của nước là 100^oC. Nhưng với dụng cụ này khi sử dụng cho học sinh khuyết tật sẽ khiến cho học sinh đó bối rối, túng túng trong việc tiếp nhận tri thức. Hay như, trong giờ sinh vật, giáo viên giảng bài *"Cấu tạo trong của thằn lằn"*. Để học sinh quan sát và phân biệt các loại xương của thằn lằn, giáo viên có thể treo giữa lớp một bức tranh to và yêu cầu học sinh cả lớp quan sát, thảo luận, chỉ ra các loại xương khác nhau của con thằn lằn. Yêu cầu đó sẽ là phù hợp hơn nếu giáo viên cho học sinh khuyết tật tri giác một mô hình xương thằn lằn bằng gỗ. Học sinh có thể vừa nhìn vừa sờ vào từng loại xương.

– Học sinh khuyết tật sẽ học tập hiệu quả hơn nếu giáo viên sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp, giúp học sinh tri giác phát hiện vấn đề bằng đa giác quan. Vì thế, các giáo viên trong tổ bộ môn nên kết hợp với nhau và phối hợp với gia đình học sinh để kiếm, tự làm hoặc mua thêm... phương tiện, đồ dùng dạy học dành cho học sinh khuyết tật.

4.3.2. Thực hiện bài học hòa nhập có hiệu quả theo hướng phát triển năng lực dành cho học sinh khuyết tật

a. Mở bài

– Thời gian dành cho phần mở bài của một tiết dạy thường rất ngắn (2 – 3 phút) song lại có ý nghĩa rất quan trọng đối với học sinh trong việc tiếp thu nội dung kiến thức của cả bài học. Một mở bài sinh động, hấp dẫn sẽ lôi cuốn sự chú ý tập trung, tạo ra môi trường thuận lợi và kích thích ham muốn tìm hiểu, học tập của học sinh.

– Một mở bài thành công cần đạt được 3 tiêu chí sau:

+ Gây được hứng thú, lôi cuốn được sự chú ý và kích thích được học sinh tập trung vào việc học tập;

+ Thu hút học sinh tham gia;

+ Học sinh nhận thức được ý nghĩa/ mục tiêu của bài học.

– Để một mở bài đạt được 3 tiêu chí trên, giáo viên thường bắt đầu bằng những hoạt động, lời nói thu hút sự chú ý của học sinh. Ví dụ, *"Chúng ta bắt đầu bài học nào!"*. Tiếp sau đó giáo viên có thể sử dụng những đồ dùng, tranh ảnh

hay nêu những tình huống có vấn đề rồi đặt câu hỏi để kích thích học sinh suy nghĩ và trả lời. Một trong những cách hiệu quả nhất, làm nổi trọng tâm phần giới thiệu là cung cấp cho học sinh những đồ dùng trực quan để các em có thể nhìn, nghe, cảm nhận, ngửi, hoặc thậm chí là nếm khi bắt đầu bài học. Trong đó dạng tác nhân gây kích thích nhất là tác động vào thị giác. Tuy nhiên, trong thực tế giáo viên nên sử dụng một cách linh hoạt và hợp lí tất cả các hình thức khác, bởi lẽ những gì mà học sinh có thể quan sát được một cách rõ ràng minh bạch đều có thể là các điểm nhấn thích hợp. Khi sử dụng các điểm nhấn vào thị giác thì việc viết thông tin lên bảng hay trình bày qua máy chiếu thì sẽ có hiệu quả hơn so với cách chỉ đưa thông tin tới học sinh bằng miệng.

– Các nhà nghiên cứu còn nhận thấy rằng tính tò mò có thể là nguồn động lực mạnh mẽ bên trong thôi thúc người học khám phá. Nếu giáo viên sử dụng tốt những điểm nhấn ngay trong phần giới thiệu bài, điều đó sẽ kích thích tính tò mò của học sinh, thu hút và duy trì sự chú ý của các học sinh. Giáo viên có thể lợi dụng hiệu quả của tính tò mò của học sinh theo ít nhất ba cách sau đây:

+ Trình bày thông tin hoặc ý tưởng trái ngược với hiểu biết hoặc lòng tin hiện có của học sinh để gây sự ngạc nhiên và phi lí.

+ Trình bày ý tưởng dưới hình trực quan hình ảnh.

– Trên cơ sở đó, giáo viên liên hệ kiến thức của bài học cũ để tiến hành thực dạy kiến thức mới cho học sinh. Việc nhắc lại những gì học sinh đã học trong bài trước và liên hệ đến những mục tiêu của bài hiện tại là rất cần thiết. Nếu không đề cập đến những nội dung này, học sinh có thể hướng tập trung vào những nội dung không phải là trọng tâm của bài học. Để học sinh khuyết tật có thể chủ động tham gia và hứng thú với hoạt động học tập, ngay từ phần mở bài giáo viên cần thực hiện các thủ thuật sau:

+ Dành cho học sinh những câu hỏi vừa sức (câu hỏi dễ, câu hỏi đầu tiên trong lớp...).

+ Hỗ trợ thêm cho học sinh bằng những gợi ý (bằng lời, bằng đồ dùng).

– Ví dụ bài *"Đặc điểm bên ngoài của lá"*, giáo viên tổ chức các hoạt động mở bài như sau:

+ Chia lớp thành những nhóm nhỏ, mỗi nhóm 4– 5 thành viên. Yêu cầu các nhóm thảo luận các câu hỏi sau:

- *Tại sao buổi trưa nắng người ta thường phải trú dưới những tán cây to?*

• *Tạo sao buổi tối mội người thường mang những chậu cây cảnh ra ngoài sân mà không để trong nhà đóng kín cửa?*

• *Tập thể dục từ lúc tờ mờ sáng tại những nơi có rất nhiều cây xanh có tốt cho sức khoẻ không?*

+ Gợi ý giúp học sinh trả lời các câu hỏi trên, có thể học sinh đưa ra các câu trả lời sau:

• *Cây xanh sẽ cho bóng mát, tán lá có tác dụng cản bụi...*

• *Cây xanh làm không khí trong lành, dễ chịu lắm ạ.*

• *Vì cây xanh có thể sản sinh ra khí oxy, để con người có thể thở ạ.*

• *Thói quen tập thể dục buổi sáng đó rất tốt cho sức khoẻ.*

• *Nhiều người có thói quen tập thể dục như vậy nhưng em đọc một bài báo người ta lại khuyên không nên tập thể dục sớm quá ở trong môi trường nhiều cây xanh.*

+ Sau khi hướng dẫn gợi mở cho học sinh trả lời các câu hỏi, giáo viên giới thiệu bài: *"Quang hợp"*.

+ Riêng đối với học sinh khuyết tật, giáo viên gợi ý để học sinh có thể trả lời được ý nghĩa của việc trồng cây xanh.

b. Tổ chức chuỗi các hoạt động dạy học

– Giải quyết vấn đề là phần cần nhiều thời gian nhất của bài học đồng thời đây cũng là phần mà học sinh khuyết tật dễ bị xao nhãng nhất. Một tiết dạy hoà nhập có học sinh khuyết tật tham gia được coi là hiệu quả khi hội tụ đủ 5 yếu tố sau:

(i) Mọi học sinh trong lớp tham gia học tập tích cực và hợp tác.

(ii) Giáo viên duy trì được nhịp độ, sự linh hoạt của bài dạy.

(iii) Giáo viên giám sát được sự tập trung chú ý của cá nhân học sinh.

(iv) Giáo viên cung cấp những phản hồi và củng cố tích cực đối với thành công của học sinh.

(v) Giáo viên sửa lỗi ngay và sau khi học sinh mắc.

– Để có thể thực hiện được những điều trên giáo viên cần chú ý.:

+ Khi tiến hành các hoạt động trên lớp, cần căn cứ vào nội dung kiến thức bài học để xác định những hoạt động phù hợp với khả năng của học sinh.

+ Sử dụng các phương pháp khác nhau: Dựa vào những hoạt động đã xác định và khả năng của học sinh, giáo viên lựa chọn những phương pháp dạy học cho phù hợp, bao gồm:

• *Phương pháp hợp tác nhóm:* Cần xác định cách tổ chức nhóm cho linh hoạt và số lượng thành viên của mỗi nhóm. Nội dung hoạt động nhóm bao gồm những kiến thức và kĩ năng cần thiết cung cấp cho học sinh. Chú ý việc giao nhiệm vụ phù hợp cho học sinh khuyết tật.

• *Phương pháp điều chỉnh:* Căn cứ vào mục tiêu đã xác định và khả năng, nhu cầu của học sinh, giáo viên cần điều chỉnh nội dung, phương pháp, thời gian và hoạt động phù hợp với học sinh khuyết tật. Sử dụng mô hình nhận thức của Bloom để xác định mức độ kiến thức cho học sinh.

• *Sử dụng đồ dùng dạy học:* Cần căn cứ vào yêu cầu của nội dung bài học và hết sức chú ý đến cách sử dụng. Đồ dùng dạy học đối với học sinh khuyết tật có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc dạy và hình thành những kĩ năng cho học sinh. Nên dụng những đồ dùng gần gũi trong cuộc sống hằng ngày và phù hợp với sở thích của học sinh.

+ Sử dụng ngôn ngữ:

• *Chọn từ ngữ dễ hiểu, rõ ràng, ngắn gọn, âm lượng vừa phải.*

• *Chọn vị trí đứng đối diện, gần học sinh khuyết tật để các em có thể nhìn thấy rõ hình miệng của giáo viên.*

• *Tăng cường sử dụng các cử chỉ điệu bộ. nét mặt, sự chuyển động cơ thể... nhằm tăng tính biểu cảm và tạo cơ hội cho thông tin trong bài học đến với học sinh khuyết tật từ nhiều kênh hơn.*

+ Trình bày các ví dụ ngay sau phần mở bài. Việc phải lĩnh hội những thông tin lí thuyết, ít gắn với thực tiễn thường khiến học sinh khuyết tật khó hiểu, chán nản, xao nhãng, từ đó xuất hiện những hành vi có vấn đề. Vì vậy, ngay sau khi thực hiện mở bài, giáo viên nên bắt đầu việc giảng dạy bằng những ví dụ đầu tiên và tiến hành làm mẫu.

+ Việc dạy lí thuyết hoặc hướng dẫn học sinh thực hiện kĩ năng mới nên được thực hiện một cách ngắn gọn, rõ ràng nhưng phải chỉ ra được những khía cạnh cốt lõi nhất của việc áp dụng những kiến thức, kĩ năng đó vào thực tiễn.

+ Cho học sinh thực hành một số nhiệm vụ ngay tại lớp. Những hoạt động thực hành là hết sức cần thiết với các môn học ở cấp trung học cơ sở, giúp các học sinh hiểu kiến thức và thành thạo hơn trong các kĩ năng. Học sinh khuyết tật cần được thực hành nhiều so hơn các bạn khác cùng lớp. Sau đây là một số gợi ý cho giáo viên khi thiết kế các hoạt động thực hành trong lớp hoà nhập cho học sinh khuyết tật:

• Tránh đưa ra những nhiệm vụ bắt học sinh ghi nhớ quá nhiều.

• Khắc sâu kiến thức bằng việc cung cấp tóm tắt trong 1 ngày, các bài thực hành tổng hợp để tránh cho học sinh hiểu nhầm về các khái niệm và quy luật.

• Tránh sự giao thoa giữa các khái niệm, giữa việc áp dụng các quy luật và thủ thuật bằng cách đưa ra những bài luyện tập riêng biệt cho đến khi học sinh đã hoàn toàn phân biệt được sự khác nhau của chúng.

• Giúp học sinh hiểu được hết mọi ý nghĩa của nội dung bằng việc cho học sinh thực hành những kĩ năng nhỏ của một nhiệm vụ tổng thể, cho học sinh thấy được mối quan hệ giữa những gì học sinh đã học với những gì học sinh đang học và sẽ học.

• Giảm bớt khó khăn bằng cách dạy trước những thành phần kĩ năng của thuật toán, thủ thuật và dạy những kiến thức, kĩ năng dễ trước khi dạy cái khó.

• Yêu cầu rõ các tiêu chí của sự thành thạo.

• Đảm bảo rằng những kĩ năng được luyện tập có thể thực hiện được hoàn toàn độc lập với mức độ thành công cao.

• Giáo viên dành một chút thời gian làm việc với cá nhân học sinh khuyết tật để cùng nhau giải quyết vấn đề.

+ Tạo cơ hội cho học sinh đạt được thành công trong hoạt động học tập. Để làm được điều này ngoài việc giao những nhiệm vụ cần vừa sức, giáo viên cần khuyến khích học sinh khuyết tật phản hồi bằng mọi cách: Trả lời miệng, viết ra giấy hoặc thậm chí thể hiện thông qua cử chỉ, điệu bộ... Ngoài ra, giáo viên và các bạn trong lớp cần đưa ra những hỗ học sinh kịp thời cho đến khi các học sinh khuyết tật có thể hoàn toàn độc lập giải quyết công việc của mình. Nếu học sinh đang luyện tập thực hành những kĩ năng mới, chúng có thể cần đến những gợi ý sử dụng kiến thức và kĩ năng đã có. Việc học sinh chuyển từ bước giải quyết nhiệm vụ cần có sự hỗ học sinh đến bước giải quyết một cách độc lập đòi hỏi giáo viên cần tổ chức một cách có kế hoạch. Sau khi học sinh đã có thể giải quyết một cách độc lập và đạt kết quả một số nhiệm vụ cụ thể, giáo viên nên đưa ra những ví dụ phức tạp hơn. Nếu học sinh không cần hỗ học sinh mà vẫn hoàn thành được những bài tập đó, giáo viên có thể yên tâm đi đến phần kết thúc bài học.

c. Kết thúc bài học

– Nếu như mở đầu bài dạy đạt được hiệu quả bằng cách lôi kéo học sinh vào hoạt động và cung cấp một khung sườn cơ bản của tài liệu mới, thì việc kết thúc bài dạy có hiệu quả cần đạt được 3 tiêu chí sau:

(i) Để học sinh tự biểu đạt những phát hiện chính qua bài học.

(ii) Để học sinh tự tóm tắt những thông tin mới lĩnh hội.

(iii) Học sinh có khả năng vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn.

– Việc kết thúc bài là một hình thức ôn tập vào cuối bài dạy, khi đó chủ đề được tóm tắt lại cho học sinh dễ hiểu hơn. Việc kết thúc rất quan trọng, vì giáo viên cấu trúc thông tin theo hệ thống dễ hiểu hơn cho học sinh. Do vậy, giáo viên nên yêu cầu học sinh đưa thêm ví dụ về những gì học sinh đã học, một định nghĩa hoặc một tóm tắt đều có thể được sử dụng để kết nối nội dung bài học chặt chẽ hơn. Việc nghiên cứu đã chỉ ra rằng, mỗi kiểu kết thúc bài học như trên đều có tác dụng tăng hiệu quả học tập.

4.3.3. Giải pháp về lựa chọn phương pháp dạy học hòa nhập

a. Phương pháp dạy kĩ năng

Một nội dung học tập quan trọng trong chương trình giảng dạy của nhà trường là việc học các kĩ năng. Ví dụ, môn Toán học sinh học cách thực hiện các phép tính: nhân số có 3 chữ số với số có 2 chữ số, trừ có nhớ, cộng các phân số có mẫu số khác nhau, giải phương trình.... hay trong môn Ngữ văn, học sinh áp dụng các quy tắc ngữ pháp vào đặt câu.

a.1. Mục đích của việc giảng dạy kĩ năng

– Cần giảng dạy cho học sinh không chỉ biết cách thực hiện các kĩ năng mà còn phải hiểu được những lôgic đằng sau chúng.

– Học sinh có thể thực hiện có hiệu quả các kĩ năng mà không cần cố gắng, thậm chí thực hiện một cách vô thức. Chúng ta gọi đây là "mức độ thuần thục". Mức độ thuần thục có được khi các kĩ năng được rèn luyện tới mức được sử dụng chỉ với rất ít nỗ lực tinh thần. Ví dụ: Kĩ năng viết, kĩ năng sử dụng từ ngữ một cách thoải mái trong khi viết, cho phép người viết có thể tập trung vào những vấn đề khác như vấn đề tổ chức văn bản, chuyển tiếp. Tương tự, nếu học sinh đã học được những phép tính toán học cơ bản, chúng có thể tập trung năng lực trí tuệ vào việc giải các bài toán.

– Học sinh sử dụng được kĩ năng trong nhiều bối cảnh và tình huống khác nhau, khả năng này được gọi là mức độ ứng dụng. Mức độ này chỉ có được khi học sinh có khả năng áp dụng một kĩ năng đã học được vào một bối cảnh khác. Mục đích cuối cùng của việc dạy các kĩ năng là học sinh có thể ứng dụng kiến thức đã học vào các lĩnh vực khác và vào cuộc sống thực tế.

a.2. Lập kế hoạch để giảng dạy kĩ năng

i) Khái niệm phân tích nhiệm vụ

– Khi lập kế hoạch để giảng dạy kĩ năng, công việc chủ yếu của người giáo viên là phân chia kĩ năng thành những phần có thể dạy và học được. Quá trình này được gọi là phân tích nhiệm vụ.

– Phân tích nhiệm vụ là quá trình chia nhỏ một kĩ năng thành các bộ phận hoặc yếu tố tiền đề của nó. Việc chia nhỏ một kĩ năng phức tạp thành các các tiểu kĩ năng đơn giản hơn giúp giáo viên lập kế hoạch cho việc giảng dạy.

ii) Ý nghĩa của việc phân tích nhiệm vụ

– Thứ nhất, việc chia mục tiêu của mình thành những bước nhỏ và có thể lượng hoá bằng những kết quả cụ thể;

– Thứ hai, việc chia nhỏ các kĩ năng thành những tiểu kĩ năng khiến cho việc giảng dạy đơn giản và dễ dàng hơn;

– Thứ ba, định hướng cho giáo viên nên bắt đầu dạy các học sinh từ bước nào và nên dạy kĩ cho học sinh ở kĩ năng nào.

– Ngoài việc phân tích nhiệm vụ, việc lập kế hoạch giảng dạy kĩ năng đòi hỏi giáo viên phải tạo nhiều cơ hội để học sinh thực hành và phản hồi.

– Giống như những hoạt động giảng dạy có chất lượng khác, việc giảng dạy kĩ năng đòi hỏi phải được vạch kế hoạch một cách cẩn thận, kĩ lưỡng. Giáo viên phải xác định rõ kĩ năng định dạy và các kĩ năng tiên quyết trước khi đạt được kĩ năng đó. Ngoài ra, giáo viên phải biết được liệu học sinh có thể thực hiện được những kĩ năng tiên quyết này hay không. Cuối cùng bạn phải chuẩn bị một số mẫu bài tập hay một số ví dụ để sử dụng trong khi dạy và để học sinh thực hành.

iii) Những khó khăn mà học sinh khuyết tật thường gặp khi thực hiện nhiệm vụ

– Không rõ nhiệm vụ được giao: Nhiều khi học sinh nghe nhưng không hiểu rõ những hướng dẫn bằng lời của giáo viên, hoặc hướng dẫn viết trong sách.

– Khó thiết lập mối tương quan giữa các sự kiện, sự việc với nhau vì khả năng tư duy lôgíc của học sinh bị hạn chế.

– Khó vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải quyết nhiệm vụ, nhất là trong hoàn cảnh mới lạ.

– Khi thực hiện nhiệm vụ, học sinh thường có những thao tác thừa hoặc thiếu vì cử động vụng về. Học sinh khó hoàn thành nhiệm vụ được giao, thường thì bỏ mặc chạy lung tung hoặc ngồi im lặng không thực hiện, không động não suy nghĩ.

– Khó định hình trước được các bước cần phải thực hiện.

a.3. Kĩ thuật phân tích nhiệm vụ

– Phân tích nhiệm vụ bao gồm các bước sau:

+ ***Bước 1:*** Xác định nhiệm vụ: Chỉ rõ mục tiêu cuối cùng cần đạt

+ ***Bước 2:*** Động não: Xác định các kĩ năng tiên quyết cần thiết bằng cách liệt kê tất cả những suy nghĩ của mình hoặc kĩ năng để có thể đạt được mục tiêu cuối cùng đó.

+ ***Bước 3****:* Chọn lọc: Lược bỏ những kĩ năng và các bước không thực sự cần thiết.

+ ***Bước 4:*** Sắp xếp thứ tự các bước tiến hành dạy.

+ ***Bước 5:*** Xác định điều kiện ban đầu: Phân tích khả năng tiếp thu của học sinh; những điều kiện (địa điểm, thời gian hướng dẫn, đồ dùng, phương tiện dạy học).

+ ***Bước 6:*** Đánh giá:

- *Số lượng hoặc tỉ lệ học sinh thực hiện được kĩ năng.*
- *Mức độ thực hiện kĩ năng của học sinh không khuyết tật và của học sinh khuyết tật.*
- *Những khó khăn khi học sinh khuyết tật thực hiện kĩ năng.*
- *Các biện pháp giáo viên có thể sử dụng để giúp đỡ học sinh .*

– Quá trình phân tích nhiệm vụ bắt đầu bằng việc chỉ rõ mục tiêu cuối cùng cần đạt được. Mục tiêu này được diễn đạt bằng các động từ chỉ hành vi. Bước xác định các kĩ năng tiên quyết, giáo viên cần chỉ rõ được những tiểu kĩ năng dẫn đến hành vi mong muốn cuối cùng. Việc lập trình tự các kĩ năng sẽ giúp giáo viên theo dõi được các bước dạy học theo thứ tự và cung cấp cho học sinh cấu trúc bài học.

– Ví dụ: Giáo viên dạy Ngữ văn lớp 7, xác định học sinh khuyết tật A chỉ viết được những bài văn sử dụng dấu chấm câu không đúng. Các bài viết của

học sinh rất dài, đạt có thể viết được từ 1 đến 2 trang nhưng sử dụng các câu không đủ thành phần chính, câu lan man không có ngắt quãng, không dấu ngắt đoạn; các dấu phẩy và dấu chấm phẩy hiếm khi xuất hiện. Giáo viên đi đến quyết định bắt đầu dạy A cách chấm câu cho những câu đơn giản. Cô xác định hành vi cuối cùng cần đạt được như sau:

+ A có khả năng viết các câu văn đơn giản và biết đặt dấu chấm câu đúng.

+ Sử dụng mục tiêu cuối cùng này để định hướng, cô liệt kê những tiểu kĩ năng mà cô cho là cần thiết để đạt được hành vi mong muốn cuối cùng, cụ thể:

• *Phân biệt các câu hoàn chỉnh với các câu chưa hoàn chỉnh.*

• *Chỉ ra được sự khác nhau giữa các kiểu câu tường thuật, nghi vấn, và cầu khiến/mệnh lệnh.*

• *Sử dụng được từng loại dấu câu: dấu chấm hết câu, dấu chấm hỏi, hoặc dấu chấm than kết hợp như thế nào với từng loại câu.*

• *Sử dụng đúng các loại dấu câu này để viết các câu hoàn thiện.*

+ Khi lập ra trình tự các tiểu kĩ năng này, giáo viên sắp xếp các bước dạy đi từ đơn giản đến phức tạp.

• *Thứ nhất, A cần phải hiểu được thế nào gọi là một câu.*

• *A chỉ ra được sự khác nhau giữa các loại câu và cách chấm những câu đó như thế nào.*

• *A tự viết và chấm câu đúng cho các câu của mình.*

a.4. Quy trình dạy các kĩ năng

+ ***Bước 1.*** Giáo viên giải thích và làm mẫu kĩ năng đó.

+ ***Bước 2.*** Hướng dẫn học sinh thực hành kĩ năng.

+ ***Bước 3.*** Tạo cơ hội cho học sinh được thực hành độc lập.

– Việc chuyển giao từ sự kiểm soát của giáo viên tới sự tự quản của học sinh bao hàm cả sự giải phóng trách nhiệm. Khi khởi đầu, giáo viên có trách nhiệm nhận biết kĩ năng, giải thích và làm mẫu kĩ năng đó. Trong quá trình học, học sinh được thực hành để kiểm soát được đó. Sau khi học các kĩ năng, học sinh có thể thực hiện kĩ năng ở mọi lúc, mọi nơi.

a.5. Mô hình các kĩ năng

– Mô hình các kĩ năng được mô tả trong phần này bao gồm 5 giai đoạn, được sắp xếp theo sự giảm dần liên tục mức độ kiểm soát của giáo viên. Giai đoạn thứ nhất, giáo viên đảm trách hoàn toàn việc học bằng cách giới thiệu kĩ năng và giải thích mục đích của nó. Giai đoạn tiếp theo giáo viên giải thích và làm mẫu.

– Việc chuyển giao trách nhiệm cho học sinh diễn ra ở giai đoạn 3, khi việc thực hành theo nhóm cho phép học sinh thử nghiệm kĩ năng và nhận những phản hồi từ giáo viên. Sang giai đoạn 4, học sinh đã sẵn sàng tự mình thực hành kĩ năng, và việc thực hành độc lập, ở tại lớp và ở nhà, sẽ tạo cơ hội cho chức năng này. Cuối cùng, trong giai 5, sự duy trì phối hợp kĩ năng này với những kĩ năng khác diễn ra trong bản thân người học.

Bảng số 4.3. Các giai đoạn hình thành hình kĩ năng

Giai đoạn	***Trọng tâm cơ bản***	***Hành động của giáo viên***
Giai đoạn 1: Giới thiệu	Học sinh hiểu về kĩ năng, tại sao quan trọng, sử dụng khi nào và ứng dụng như thế nào.	Giáo viên giới thiệu kĩ năng bằng lời.
Giai đoạn 2: Giải thích	Giáo viên giải thích những phần nhỏ, có tính quy ước của kĩ năng	Giáo viên làm mẫu kĩ năng và giải thích cách thực hiện, học sinh quan sát.
Giai đoạn 3: Thực hành với sự hướng dẫn của giáo viên	Học sinh thử thực hành kĩ năng dưới sự giám sát của giáo viên.	Giáo viên hướng dẫn thực hành để giải thích sâu hơn về kĩ năng và đảm bảo tỉ lệ thành công cao.
Giai đoạn 4: Thực hành độc lập	Học sinh tự mình thực hiện kĩ năng.	Giáo viên giám sát việc thực hành và phát hiện những sai sót của học sinh khi thực hiện kĩ năng.
Giai đoạn 5: Thực hành mở rộng	Học sinh sử dụng thành thạo kĩ năng ghi nhớ và ứng dụng về lâu dài	Giáo viên giao bài tập về nhà và cho học sinh ôn tập dài hạn.

b. Phương pháp hình thành khái niệm

b.1. Mục đích hình thành khái niệm

– Cũng như mọi học sinh khác, học sinh khuyết tật tham gia học tập nhằm lĩnh hội những khái niệm khoa học. Vậy khái niệm khoa học là gì? Khái niệm khoa học là kết quả của sự khái quát hoá những thuộc tính bản chất của đối tượng, là phương tiện của tư duy giúp học sinh có thể cư xử một cách khoa học với hiện thực.

– Như vậy, khái niệm là một trong những nội dung học tập quan trọng nhất và dạy khái niệm là một phần quan trọng trong chương trình giảng dạy của nhà trường ở mọi cấp học trong đó có cấp trung học cơ sở. Trong nhà trường, chính giáo viên là người có ý thức và chủ động tạo những điều kiện thuận lợi cho quá trình lĩnh hội đó.

– Việc dạy học sinh lĩnh hội khái niệm chỉ thực sự hiệu quả khi chúng ta đạt được hai mục đích sau:

+ Học sinh hiểu được khái niệm đó là gì. Điều này được thực hiện qua việc sử dụng các ví dụ minh hoạ hoặc có chứa những đặc điểm thiết yếu để nhận biết khái niệm.

+ Học sinh hiểu được khái niệm đó có quan hệ như thế nào với những khái niệm khác. Điều này giúp học sinh học và ghi nhớ các khái niệm không theo từng loại đơn lẻ riêng biệt. Học sinh học các khái niệm mới và liên hệ với những kiến thức học sinh đã biết, phân biệt với những khái niệm có liên quan chặt chẽ.

– Bất cứ khái niệm nào cũng chứa đựng những đặc trưng chung, đặc trưng tiêu biểu của các khái niệm đó. Quá trình học khái niệm là quá trình nhận thức những đặc trưng của khái niệm đó và phân biệt nó với những khái niệm khác.

– Để giúp học sinh lĩnh hội được khái niệm, giáo viên phải lựa chọn cẩn thận hệ thống các ví dụ. Hệ thống này bao gồm các ví dụ minh hoạ cho những đặc điểm tiêu biểu của khái niệm; ví dụ mở rộng khái niệm; ví dụ chứa dễ gây nhầm lẫn và những phi ví dụ mô tả những đặc điểm không phải thuộc khái niệm đó.

+ Ví dụ: Khái niệm con chó nhà.

+ Ví dụ minh hoạ và ví dụ mở rộng: Chó ta, chó Nhật, chó becgiê …

+ Phản ví dụ: Con mèo hoặc con gấu.

+ Ví dụ dễ gây nhầm lẫn: Chó sói và chó ta.

– Chúng ta biết rằng các ví dụ là chìa khoá để dạy học khái niệm một cách hiệu quả, nhưng việc tìm ra được những ví dụ có hiệu quả là rất khó. Khi giáo viên gặp khó khăn trong việc tìm ra hoặc tạo ra những ví dụ tốt, thường chỉ trình bày định nghĩa của khái niệm để bắt học sinh phải nhớ. Những định nghĩa này học sinh có thể nhớ được nhưng nó sẽ tồn tại một cách độc lập, không liên kết với những nội dung khác mà học sinh đã học hoặc với thực tế của cuộc sống. Với những học sinh khó học cách dạy học này thường khiến học sinh gặp rất nhiều khó khăn.

b.2. Nguyên tắc hình thành khái niệm

– Việc hình thành các khái niệm nên vận dụng quy luật nhận thức sau đây:

Vật thật → ***Mô Hình*** → ***Hình ảnh*** → ***Ngôn ngữ*** → ***Khái niệm***
(Môi trường) (Mô phỏng) (Tranh ảnh) (Tiếp nhận và biểu đạt) (Từ, câu)

– Một khái niệm thường bao hàm trong nó rất nhiều đặc điểm. Mức độ dễ hay khó học một khái niệm có liên quan trực tiếp tới số lượng, tính hữu hình và cụ thể của những đặc điểm đó (Tennyson và Cocchiarella, 1986). Ví dụ, *hình vuông* là khái niệm dễ học vì nó có ít đặc điểm và các đặc điểm đó cụ thể. Trong khi đó, khái niệm như *kiên trung, chính trực*...lại rất khó học. Bởi vì, chúng có nhiều đặc điểm và những đặc điểm này lại rất trừu tượng. Vì thế, những khái niệm cụ thể như: *hình dạng, độ lớn*... được dạy ngay ở bậc mầm non; ngược lại những khái niệm trừu tượng hơn sẽ xuất hiện ở những lớp trung học hoặc đại học.

– Để học sinh lĩnh hội được khái niệm, ngoài việc cung cấp cho học sinh các đặc điểm của khái niệm, giáo viên còn cần chỉ ra được nó có quan hệ như thế nào với những khái niệm khác. Để dạy khái niệm một cách hiệu quả, chúng ta cần phải làm nhiều việc trước khi thực hiện bài dạy.

b.3. Lập kế hoạch hình thành khái niệm

– Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các khái niệm được tiếp thu một cách hiệu quả nhất khi người học được cung cấp đầy đủ các ví dụ và một định nghĩa hiệu quả. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu. Chúng ta biết rằng khi chúng ta dạy một khái niệm cho học sinh, chúng ta phải cung cấp cho học sinh những ví dụ đồng thời cung cấp định nghĩa hoặc là giúp học sinh hình thành định nghĩa. Vấn đề ở đây là có nhiều khái niệm rất khó để tìm được những ví dụ minh hoạ do vậy rất khó dạy.

– Trong khi lập kế hoạch, người giáo viên phải phân tích khái niệm để xác định những đặc điểm thiết yếu và tìm ra cách phù hợp nhất để liên hệ khái niệm với những kiến thức mà học sinh đã biết. Việc phân tích khái niệm bao gồm những bước sau:

+ ***Bước 1:*** Xác định khái niệm và các thành tố cơ bản của khái niệm.

+ ***Bước 2:*** Động não.

Giáo viên cần đưa ra:

• *Những ví dụ minh hoạ khái niệm đó; Những ví dụ ngược nghĩa với khái niệm đó;*

• *Các đặc điểm không phù hợp; Các đặc điểm liên hệ trong thực tiễn;*

• *Các khái niệm ngang tầm; Các khái niệm thấp tầm;*

• *Các khái niệm hơn tầm; Định nghĩa khái niệm;*

• *Các dạng ví dụ minh hoạ khái niệm (vật thật, mô hình, tranh ảnh, lời nói, ngôn ngữ...).*

+ ***Bước 3:*** Chọn lọc: Lược bỏ những thông tin không cần thiết.

+ ***Bước 4:*** Trình tự các bước tiến hành hướng dẫn: *(i)Các ví dụ minh hoạ; (ii)Các đặc điểm không phù hợp; (iii)Các ví dụ ngược nghĩa (phi ví dụ); (iv)Liên hệ thực tiễn.*

+ ***Bước 5:*** Xác định điều kiện tiên quyết.

+ ***Bước 6:*** Đánh giá.

– Dựa trên sự phân tích này, giáo viên chuẩn bị vật liệu để giúp học sinh có được sự liên hệ giữa thế giới trừu tượng và thế giới thực của chúng. Sự liên hệ này là rất quan trọng đối với hoạt động học tập vì các nghiên cứu chỉ ra rằng việc học khái niệm phải trải qua các giai đoạn với bước đầu tiên là hình thành một hình ảnh lí tưởng hoá về khái niệm.

b.4. Phương pháp hình thành khái niệm

**** Phương pháp diễn dịch***

– Giáo viên trình bày định nghĩa cho học sinh và sử dụng các ví dụ để minh hoạ định nghĩa đó. Các bước dạy khái niệm theo phương pháp diễn dịch.

Sơ đồ 4.1. Các bước dạy khái niệm theo phương pháp diễn dịch

**** Phương pháp quy nạp***

– Giáo viên trình bày cho học sinh hằng loạt những ví dụ và những phản ví dụ và giúp học sinh rút ra định nghĩa dựa trên những khuôn mẫu mà học sinh nhìn thấy trong đặc điểm của các ví dụ. Các bước dạy khái niệm theo phương pháp quy nạp được thể hiện như sau:

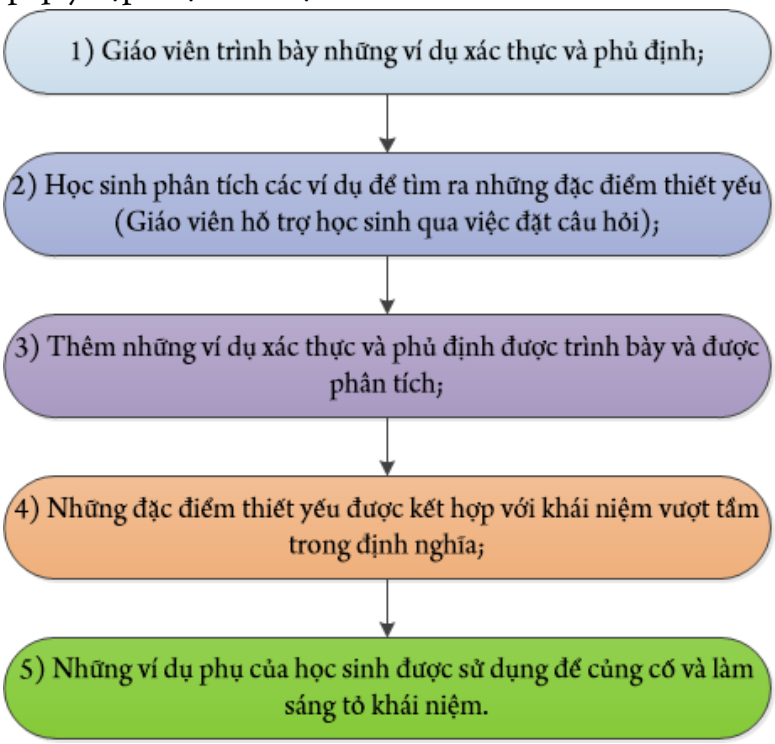

Sơ đồ 4.2. Các bước dạy khái niệm theo phương pháp quy nạp

– Mỗi phương pháp đều có những ưu và nhược điểm riêng, điều cơ bản của mỗi phương pháp là giáo viên tích cực lôi cuốn học sinh vào việc phân tích các ví dụ để tìm ra những đặc điểm đặc trưng.

c. Điều chỉnh hoạt động dạy học

c.1. Ý nghĩa của điều chỉnh trong dạy học hoà nhập

– Học sinh khuyết tật là đối tượng gặp nhiều khó khăn trong học hoà nhập. Mức độ nhận thức của học sinh khuyết tật thường thấp hơn so với nhận thức của bạn bè cùng độ tuổi, chỉ ở cấp độ trực quan, cụ thể, khó lĩnh hội kiến thức đòi hỏi tư duy lôgíc, trừu tượng; hoặc các học sinh này lĩnh hội theo một cách thức khác. Vì vậy, hoạt động dạy học cần được thiết kế không chỉ đảm bảo phù hợp với nhận thức của các học sinh không khuyết tật mà phải tạo điều

kiện cho học sinh khuyết tật học tập tốt. Điều này đòi hỏi giáo viên phải tiến hành điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học cho phù hợp với một lớp đa đối tượng nhằm:

+ Tạo cho học sinh hứng thú và học tập có hiệu quả trên cơ sở sử dụng tối đa kiến thức và các kĩ năng hiện có để lĩnh hội những kiến thức và kĩ năng mới.

+ Tránh được sự bất cập giữa kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm sống hiện có của học sinh và yêu cầu lĩnh hội của nội dung dạy học phổ thông.

+ Nâng cao tính phù hợp giữa cách học của học sinh và phương pháp giảng dạy của giáo viên.

+ Phát triển những điểm mạnh của học sinh như chủ động khám phá, tinh thần học tập hăng say, đồng thời giáo dục hành vi tốt cho học sinh.

c.2. Nội dung điều chỉnh

– Để nâng cao chất lượng hoạt động dạy học, giáo viên cần tiến hành điều chỉnh những vấn đề sau:

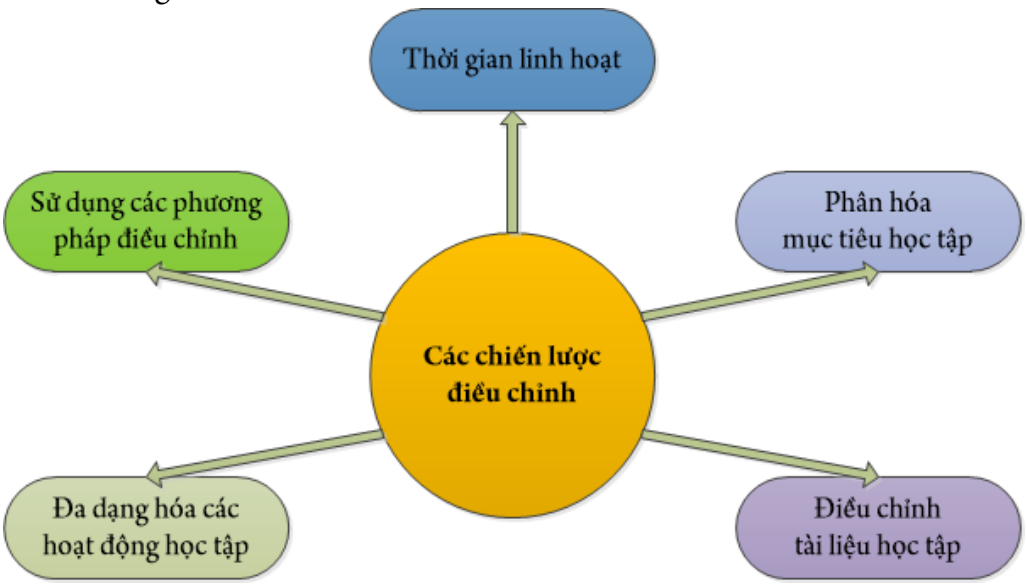

Sơ đồ 4.3. Các chiến lược điều chỉnh giáo viên cần thực hiện

**** Thay đổi về thời gian***

– Các học sinh khác nhau cần những lượng thời gian rất khác nhau để nắm vững cùng một nội dung kiến thức. Nhiều học sinh khuyết tật cần khoảng thời gian nhiều gấp 2 đến 4 lần so với các học sinh khác. Các giáo viên xử lí sự khác biệt này bằng cách dạy theo nhóm, đưa ra những bài tập chung cho tất cả học sinh và cho phép học sinh khuyết tật được thêm thời gian để hoàn

thành. Để công việc này có hiệu quả, giáo viên phải đưa ra được nhiều sự lựa chọn, nhiều hoạt động phong phú cho những học sinh khá đã hoàn thành nhiệm vụ sớm hơn các bạn còn lại. Các hoạt động này có thể bao gồm:

+ Đọc tài liệu tự do.

+ Các trò chơi trí tuệ.

+ Các đề tài nghiên cứu cá nhân.

**** Phân hoá mục tiêu học tập***

Trên cơ sở khả năng, nhu cầu của từng học sinh và mục tiêu giáo dục chung của bậc học, năm học, học kỳ, tiết học mà giáo viên điều chỉnh mục tiêu dạy học. Ngoài ra, giáo viên còn phải điều chỉnh các tiêu chí đánh giá mức độ thành công của học sinh trong lớp, bao gồm cả các học sinh khuyết tật (nên sử dụng giáo ánh mực tiêu hành vi, vận dụng lý thuyết về các cấp độ nhận thức của Bloom). Nhờ sự phân hóa này mà dạy học hòa nhập vừa mang tính tập thể nhưng vẫn mang tính cá thể hoá, tạo điều kiện cho học sinh khuyết tật với trình độ thấp hơn vẫn có cơ hội để theo đuổi mục tiêu học tập riêng của mình (đã được trình bày kĩ hơn trong phần *Xác định mục tiêu*).

**** Điều chỉnh tài liệu, phương tiện giảng dạy***

Giáo viên cũng có thể thích ứng những khác biệt cá nhân của học sinh bằng cách thay đổi phương tiện, tài liệu giảng dạy, chẳng hạn sử dụng các bài khoá được thiết kế cho những trình độ khác nhau. Nếu những bài khoá này không có sẵn, giáo viên có thể cung cấp thêm cho học sinh khuyết tật những gợi ý, xác định những điểm chính, trọng tâm, hoặc giáo viên có thể tổ chức những buổi thảo luận tập trung vào những khái niệm chính của bài trước khi học sinh bắt đầu bài đọc. Một số giáo viên thậm chí không sử dụng các bài đọc sẵn mà lấy tư liệu từ những bài báo, tạp chí định kì cho học sinh đọc. Đối với các môn học khác, các phương pháp như trò chơi toán học hay những tấm thẻ ghi nhớ có thể được sử dụng để học sinh khuyết tật có thêm nhiều sự lựa chọn.

**** Đa dạng hoá các hoạt động học tập***

- Phong cách học tập của mỗi học sinh rất khác nhau. Một số em rất chịu khó lắng nghe và tiếp thu được nhiều kiến thức từ bài giảng của giáo viên. Số học sinh khá lại thích đọc to hoặc trao đổi ý kiến với bạn bè. Nhưng với học sinh khuyết tật thường gặp rất nhiều khó khăn khi phải nghe giảng lâu và ghi chép lại những thông tin chính của bài giảng vì thế để thích ứng với những

khó khăn này của học sinh, giáo viên cần áp dụng nhiều phương pháp dạy khác nhau. Một trong số đó là đưa ra nhiều lựa chọn về các hoạt động học tập.

– Ví dụ: Trong một giờ sinh vật lớp 8, thầy T đi vòng quanh lớp học khi các học sinh của thầy đang thảo luận về đề tài thực vật. Mỗi nhóm học sinh chịu trách nhiệm xây dựng một đề tài khoa học và phải báo cáo về đề tài đó trước cả lớp. Một vài nhóm đang viết báo cáo, nhóm khác đang tìm cách gieo hạt dưới những loại ánh sáng khác nhau, và nhóm còn lại thì đang tiến hành một thí nghiệm với những cục pin và bóng đèn. Với học sinh Đ (học sinh khuyết tật) thầy xếp vào nhóm tiến hành gieo hạt bởi em rất thích công việc này.

– Cách tổ chức lớp học đa dạng của thầy T khiến tất cả học sinh trong lớp đều thích thú với công việc và nhiệm vụ mà học sinh đang tiến hành. Chắc chắn giờ Sinh học sẽ trở nên sinh động và hiệu quả đối với mỗi học sinh.

**** Điều chỉnh môi trường học tập***

+ Sắp xếp điều chỉnh lại phòng học.

+ Có chỗ ngồi ưu tiên.

+ Làm giảm tối thiểu các tác động bên ngoài gây mất tập trung về: Nhìn – Nghe; Không gian – Cử động của học sinh.

+ Hướng dẫn trẻ thực hiện các nội quy về môi trường học tập.

+ Sàn nhà và các đồ đặc dưới phòng sạch sẽ, gọn gàng, đúng vị trí, không trơn ướt.

Hình ảnh minh hoạ: điều chỉnh chỗ ngồi riêng và có đệm hỗ trợ cho học sinh tăng động giảm tập trung

+ Ánh sáng, thông gió, nhiệt độ thích hợp trong phòng.

+ Thiết bị, dụng cụ và đồ đạc an toàn.

**** Các vấn đề về tổ chức thực hiện chủ đề***

+ Chuẩn bị những tình huống phù hợp với nhu cầu của trẻ khuyết tật và đảm bảo các yêu cầu chung của lớp học để gây chú ý, hứng thú và nhu cầu muốn được khám phá của trẻ.

+ Cung cấp những kinh nghiệm sống cho trẻ để trẻ mở rộng hiểu biết và ứng dụng vào hoạt động hàng ngày của bản thân: Tự ý thức, tự nhận biết được

các vấn đề, tự lý giải và tìm ra các nguyên nhân, độc lập kiểm soát được hành vi và thái độ trước các sự việc diễn ra xung quanh

+ Trẻ có nhu cầu đặc biệt được lựa chọn, tham gia vào hoạt động góc phù hợp với nhu cầu cá nhân và có cơ hội được khám phá và tham gia vào những hoạt động ở những góc khác nhau để có trải nghiệm và giải quyết các vấn đề đa dạng, phong phú hơn.

+ Chuẩn bị các điều kiện để trẻ khuyết tật được giới thiệu, chia sẻ kết quả, sản phẩm hoạt động của mình và hoạt động của các bạn. Tập cho trẻ có kỹ năng cần thiết để giới thiệu, trình bày và thể hiện thái độ trước mọi người.

**** Các biện pháp tự quản***

+ Sử dụng các biểu tượng đối với các hoạt động theo thời khóa biểu hàng ngày.

+ Phối hợp cùng cha mẹ trẻ duy trì cho trẻ nhớ và thực hiện nề nếp sinh hoạt và học tập hàng ngày.

+ Yêu cầu trẻ nhắc lại hướng dẫn vào các thời điểm nhất định gắn với mỗi hoạt động trong ngày.

+ Thực hành thường xuyên, mọi nơi mọi lúc trong các tình huống thực.

**** Tài liệu và học liệu***

+ Sử dụng tài liệu phục vụ cho hoạt động học tập, vui chơi về kích cỡ, màu sắc, chất liệu phù hợp với khả năng và sở thích của trẻ.

+ Sử dụng một số các thiết bị đặc biệt: Máy chữ, máy tính, máy vi tính, video, thiết bị điện tử, điện thoại...

+ Phương tiện, tài liệu và học liệu được sử dụng với cả lớp hoặc trong nhóm trẻ hoặc cá nhân trẻ có nhu cầu đặc biệt.

**** Giao nhiệm vụ***

+ Chỉ dẫn từng bước nhỏ rõ ràng

+ Hỗ trợ dưới dạng sử dụng đồ vật, mô hình, tranh ảnh, làm mẫu... cho các chỉ dẫn bằng lời nói.

+ Chỉ dừng lại sau khi tất cả đã hiểu, đã ghi nhớ.

**** Những kích thích và sự động viên***

+ Bằng ngôn ngữ, cử chỉ, ánh mắt,...;

+ Phần thưởng cho những nỗ lực, thành công dù nhỏ;

+ Kích thích điểm mạnh và sở thích;

+ Giao tiếp thân mật và tôn trọng trẻ;

+ Sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đặc biệt của trẻ;

+ Nói với trẻ thân mật, lịch sự, giọng nói dễ nghe;

+ Khuyến khích tính tự lực vừa sức của trẻ;

+ Giúp trẻ vượt qua tức giận, buồn và thất vọng;

+ Khuyến khích các hành vi xã hội của trẻ như hợp tác, chia sẻ, nhường nhịn, lắng nghe, giúp đỡ...

c.3. Phương pháp điều chỉnh

– Như trong phần trên đã trình bày, tiết dạy được thiết kế và tổ chức thành một chuỗi các hoạt động. Những hoạt động này có mối liên hệ gắn kết với nhau, hoạt động này tiếp nối hoạt động kia đặt trong một tổng thể thống nhất nhằm đạt đến mục tiêu tiết học. Đồng thời mỗi hoạt động cũng có tính độc lập tương đối, có nghĩa là bản thân nó cũng có mục tiêu nhỏ. Một tiết dạy hoà nhập chỉ thực sự có hiệu quả khi học sinh khuyết tật được tham gia tích cực vào tất cả các hoạt động. Để làm được điều này người giáo viên dạy hoà nhập trong lớp có học sinh khuyết tật nhất thiết phải sử dụng một trong bốn phương pháp điều chỉnh sau với từng hoạt động:

+ *Điều chỉnh đồng loạt:* Giáo viên thay đổi hình thức hoạt động học tập của lớp và/hoặc với sự hỗ học sinh nhất định từ giáo viên và bạn bè, học sinh khuyết tật có nhu cầu đặc biệt có thể tham gia hoạt động đó như tất cả các bạn.

+ *Đa trình độ:* Học sinh khuyết tật sẽ tham gia cùng một hoạt động, với mục tiêu chung, nhưng mức độ yêu cầu khác với những bạn khác.

+ *Trùng lặp giáo án:* Học sinh khuyết tật tham gia trong cùng hoạt động bài học, nhưng theo đuổi mục tiêu học tập khác với mục tiêu chung của cả lớp. Cùng một ngữ liệu, vật liệu trong nội dung bài học, nhưng học sinh này có thể học để đạt được mục tiêu của một bài trước đó, thậm chí của lớp trước.

+ *Thay thế:* Học sinh khuyết tật thực hiện một hoạt động khác với các bạn trong lớp, theo mục tiêu giáo dục cá nhân.

– Tuỳ theo khả năng, nhu cầu và kiểu học tập của học sinh khuyết tật, giáo viên có thể lựa chọn áp dụng một vài hoặc cả 4 mức độ điều chỉnh ở mỗi bài học, sao cho có thể huy động được sự tham gia học tập của mọi học sinh trong lớp.

d. Phương pháp học hợp tác

d.1. Ý nghĩa của học hợp tác

– Ở lứa tuổi trung học cơ sở phần lớn các học sinh vẫn tham gia nhiều hoạt động học tập với tinh thần cạnh tranh để có được sự công nhận của giáo viên, bạn bè và được xếp loại thành tích cao. Vì thế, những học sinh khuyết tật dễ dàng nhận thấy mình thiếu khả năng, thất bại nên học sinh chọn cách từ chối tham gia các hoạt động này một cách miễn cưỡng.

– Hợp tác nhóm có ý nghĩa sau:

+ Có nhiều cơ hội cho học sinh với năng lực khác nhau cùng hỗ trợ học sinh khuyết tật và ràng buộc với sự thành công của mình với bạn khác.

+ Mọi cá nhân đều có trách nhiệm và đóng góp vào thành tích chung của cả nhóm.

+ Học sinh khuyết tật chỉ cạnh tranh với năng lực thể hiện của chính mình trong quá khứ, chứ không cạnh tranh với học sinh khác.

+ Học sinh khuyết tật có nhiều cơ hội được khen thưởng vì sự cố gắng.

+ Có nhiều điều kiện để học sinh khuyết tật phát triển giao tiếp và xây dựng tình cảm, mối quan hệ thân mật với các bạn cùng lớp.

– Vì thế, khi tham gia học hợp tác, học sinh khuyết tật có cơ hội thành công trong khi năng lực có thể không bằng các bạn. Lòng tự trọng của học sinh cũng được tăng lên và cảm thấy mình kiểm soát được nhiều hơn sự thành công trong hoạt động học tập của bản thân. Học sinh bắt đầu nhận ra mối liên hệ giữa sự thành công với những nỗ lực của mình. Điều này làm cơ sở tạo nên động cơ học tập của học sinh. Nếu trước kia những học sinh này thường coi thành công của mình là may mắn còn thất bại là đương nhiên thì học tập hợp tác sẽ giúp thay đổi lối suy nghĩ tiêu cực đó.

– Tuy nhiên khi tổ chức học hợp tác trong lớp có học sinh khuyết tật giáo viên thường phải đối mặt với những vấn đề sau:

+ Học sinh khuyết tật không được các bạn tự nguyên lựa chọn vào nhóm.

+ Học sinh khuyết tật không hiểu thấu đáo nhiệm vụ của nhóm và cá nhân.

+ Học sinh khuyết tật thiếu những kĩ năng và phương pháp để tham gia học hợp tác hiệu quả.

+ Học sinh khuyết tật không tự tin với những đóng góp của mình trong nhóm nên chọn cách ngồi im lặng, cách biệt với những bọc sinh khác.

– Để có thể khắc phục được hiện tượng trên giáo viên cần thực hiện các bước hợp tác nhóm có hiệu quả.

d.2. Các bước thực hiện hợp tác nhóm

**** Sắp xếp học sinh vào các nhóm***

– Khi tổ chức học hợp tác, giáo viên cố gắng chia học sinh cả lớp thành các nhóm từ 2 đến 5 học sinh. Trong đó học sinh khuyết tật được xếp vào nhóm có những học sinh có thành tích cao, trung bình và được cân bằng về giới tính. Giáo viên nên chủ động chia nhóm một cách ngẫu nhiên, không nên để học sinh tự chọn thành viên cho nhóm mình.

**** Lựa chọn nội dung hợp tác***

– Các nhiệm vụ học tập phải được cấu trúc để đòi hỏi học sinh phải có sự hợp tác và giao tiếp, đảm bảo học sinh khuyết tật có thể tham gia đóng góp khi giải quyết.

– Ví dụ: Học sinh khuyết tật, khi tham gia vào hoạt động hợp tác nhóm được giáo viên và nhóm phân cho nhiệm vụ hợp với khả năng. Ví dụ, học sinh N ngồi trên xe lăn và nói rất khó khăn được giao nhiệm vụ chuyển dụng cụ cho bạn thực hành mổ ếch.

**** Giao nhiệm vụ***

– Thay vì chỉ mô tả đơn giản những nhiệm vụ của học sinh bằng lời, giáo viên nên kết hợp với làm mẫu trực tiếp. Khi làm mẫu giáo viên cần chọn vị trí để học sinh khuyết tật dễ dàng quan sát và bắt chước.

– Trước khi chia học sinh thành những nhóm nhỏ, giáo viên cần chắc chắn rằng học sinh khuyết tật nắm rõ nhiệm vụ của mình.

– Đảm bảo nguyên tắc mọi học sinh trong lớp phải cư xử với nhau một cách nhã nhặn và tôn trọng sự phát biểu luân phiên luôn được thực hiện.

**** Giám sát hoạt động thảo luận***

– Sau khi học sinh đã được chia nhóm, học sinh cần giám sát các nhóm, giáo viên có thể đi vòng quanh phòng và giúp từng nhóm. Những lời khen ngợi công khai là một công cụ rất hiệu lực để giúp những học sinh khác hiểu được những hành vi nhóm hiệu quả và thích hợp.

– Hãy dành thêm thời gian và hỗ trợ một cách kín đáo cho nhóm có học sinh khuyết tật nếu thấy cần thiết.

**** Có kế hoạch hình thành cho học sinh những kĩ năng học hợp tác***

– Kĩ năng nghe. Lắng nghe ý kiến của nhau và giúp những bạn khác trình bày ý kiến của mình.

– Kiểm tra sự nhận biết. Yêu cầu học sinh làm rõ khi những câu trả lời không hoàn chỉnh hoặc không rõ ràng.

– Cung cấp những phản hồi tích cực cho những câu trả lời đúng.

– Kiên trì làm việc. Duy trì sự tập trung vào những nhiệm vụ học tập cụ thể khi thực hiện.

4.4. GIẢI PHÁP TIẾN HÀNH DẠY HỌC HỖ TRỢ

– Dạy học hỗ trợ là một loại hình dạy học diễn ra trong môi trường giáo dục hòa nhập. Giáo viên/nhân viên có kỹ năng đặc thù tổ chức hoạt động dạy học giúp đỡ thêm cho nhóm học sinh khuyết tật nhằm phát huy điểm mạnh, phát triển năng lực phẩm chất và đáp ứng tối đa nhu cầu đặc biệt của các em góp phần đạt mục tiêu đã được thống nhất trong kế hoạch giáo dục cá nhân.

– Dạy học hỗ trợ thường được tổ chức tại phòng hỗ trợ cho một hoặc một nhóm học sinh khuyết tật. Tùy theo khả năng, nhu cầu và điều kiện thực hiễn của từng trường trung học cơ sở và đặc điểm của học sinh khuyết tật mà mỗi em sẽ được sắp xếp các tiết dạy học hỗ trợ theo nhóm, cá nhân hoặc kết hợp cả hai hình thức.

4.4.1. Tiết học cá nhân

– Tiết học cá nhân là tiết học được tiến hành một giáo viên với một học sinh khuyết tật (1:1). Thời gian của một tiết cá nhân kéo dài 45 phút (bằng một tiết học ở trường trung học cơ sở). Thuận lợi của tiết học này là giáo viên hoàn toàn tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu của một học sinh do đó nội dung dạy học là các bài tập được thiết kế đặc biệt dành riêng cho học sinh đó. Ví dụ nếu học sinh đó có khó khăn với việc tri giác văn bản đọc, giáo viên sẽ lựa chọn các bài tập kích thích sự phát triển độ nhạy cảm của thị giác.

– Số lượng, nội dung, thời điểm tiến hành tiết cá nhân phụ thuộc mức độ khó khăn của các học sinh, số lượng học sinh khuyết tật trong trường và điều kiện biên chế giáo viên của trường trung học cơ sở. Nếu thuận lợi, một học sinh khuyết tật có thể được học 5 tiết/tuần. Vào giờ tự học hoặc tiết học mà học sinh không thể theo kịp chương trình, em đó sẽ đi đến phòng hỗ trợ để học cùng giáo viên hỗ trợ theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Giáo viên hỗ trợ dựa trên bản kế hoạch giáo dục cá nhân, xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học hỗ trợ. Sau đây là các bước cơ bản để giáo viên tiến hành giờ dạy hỗ trợ cá nhân dành cho học sinh khuyết tật:

Bảng số 4.4. Các bước tiến hành một giờ dạy học hỗ trợ cá nhân.

Thời gian	Nội dung	Hoạt động	Ghi chú
Từ phút thứ 1 đến phút thứ 5	– Chào hỏi – Nêu mục tiêu	– Trò chuyện vui vẻ – Kiểm trả nội dung bài cũ – Giới thiệu bài mới	– Đảm bảo: + Học sinh được tham gia + Học sinh hứng thú + Giáo viên nêu được mục tiêu của giờ hỗ trợ
Từ phút thứ 6 đến phút thứ 20	– Tập trung kiến thức mới với trẻ, củng cố kiến thức, kỹ năng trên lớp hòa nhập và phát triển kỹ năng đặc thù cho trẻ	– Trao đổi – Thí nghiệm – Trò chơi – Đố vui – Hát – Múa – Vẽ	– Phiếu bài tập – Đồ dùng đặc thù ;
Từ phút thứ 21 đến phút thứ 22	– Giải lao	– Thư giãn với các câu chuyển và trò chơi vui vẻ	– Các trò chơi trong tuyển tập 50 trò "Chơi để học"
Từ phút thứ 23 đến phút thứ 40	– Luyện tập củng cố	– Thực hiện nhiệm vụ thông qua nhiều hình thức: làm bài tập, trò chơi, sắm vai….	– Giáo viên theo dõi ghi chép kết quả thực hiện và những biểu hiện về hành vi, cảm xúc của học sinh trong giờ hỗ trợ
Từ phút thứ 41 đến phút thứ 45	– Kết thúc tiết học	– Học sinh nêu được những gì mình đã học được. – Giáo viên dặn dò – Học sinh về lớp	– Học sinh hứng thú – Nhận thức được ý nghĩa những nội dung vừa học tập – Sẵn sàng tham gia buổi học tiếp theo

– Giáo viên tiến hành tiết dạy cá nhân cần được trang bị hiểu biết về đặc điểm học sinh, kỹ năng dạy học hòa nhập và đặc biệt có kỹ năng đặc thù dạy học sinh có khiếm khuyết vận động. Trong quá trình tiến hành dạy học hỗ trợ, giáo viên hỗ trợ luôn nhận được sự ủng hộ về mặt tinh thần, vật chất của Ban giám hiệu và chuyên môn từ giáo viên phụ trách công tác giáo dục hòa nhập sao cho bản kế hoạch giáo dục cá nhân phù hợp với sự tiến bộ của từng học sinh.

– Trong quá trình hỗ trợ ngoài việc sử dụng các phương pháp dạy học hỗ trợ, giáo viên cần thiết kế thêm những đồ dùng dạy học bổ trợ mới giúp học sinh đạt được mục tiêu trong bản kế hoạch giáo dục cá nhân.

4.4.2. Tiết học nhóm

– Ngoài tiết học cá nhân học sinh khuyết tật còn được tham gia những buổi học nhóm. Giáo viên sẽ sắp xếp các học sinh tương đối cùng trình độ nhận thức vào cùng một nhóm. Hoạt động dạy học cho nhóm học sinh có nhu cầu giáo dục đặc biệt được tiến hành từ 1 – 3 buổi/tuần tùy thuộc vào khả năng và nhu cầu. Học sinh tham gia các nhóm này trong từng buổi có thể khác nhau vì phụ thuộc vào giờ tự học, giờ chơi tự do của từng lớp. Vì thế giáo viên hỗ trợ cần linh hoạt trong việc sắp xếp lịch học nhóm để học sinh có cơ hội tối đa tham gia các tiết dạy học nhóm.

– Khi tiến hành dạy học hỗ trợ theo nhóm, giáo viên hỗ trợ cần đảm bảo các yêu cầu:

+ Mọi học sinh trong nhóm hứng thú và thoải mái khi tham gia học tập.

+ Học sinh được nâng cao kiến thức và kỹ năng học tập.

+ Giáo viên đánh giá được sự tiến bộ của học sinh sau mỗi buổi học.

+ Một giáo viên có kiến thức và kỹ năng dạy học cho học sinh khuyết tật đảm nhiệm.

+ Mọi học sinh khuyết tật trong nhóm đều nhận được hỗ trợ phù hợp với nhu cầu riêng.

– Mỗi buổi dạy học hỗ trợ kéo dài 45 phút được tiến hành theo các bước sau:

Bảng số 4.5. Các bước tiến hành một buổi dạy học hỗ trợ nhóm

Thời gian	Nội dung	Hoạt động	Ghi chú
5 phút đầu	Chào hỏi Nêu mục tiêu	– Trò chuyện vui vẻ – Kiểm trả nội dung bài cũ – Giới thiệu bài mới	– Đảm bảo: + Mọi học sinh được tham gia + Mọi học sinh hứng thú + Giáo viên nêu được mục tiêu của giờ hỗ trợ
Phút 6 đến phút 20	Tập trung kiến thức mới với trẻ, củng cố kiến thức, kỹ năng trên lớp hòa nhập và phát triển kỹ năng đặc thù cho trẻ	– Thí nghiệm – Trò chơi – Đố vui – Hát – Múa – Vẽ – Ưu tiên các hoạt động cần sự trao đổi thảo luận, hợp tác giữa các học sinh	– Phiếu bài tập – Đồ dùng đặc thù;
Phút 21 đến phút 22	Giải lao	– Trò chơi chuyển hoạt động	– Các trò chơi trong tuyển tập 50 trò "Chơi để học"
Phút 23 đến phút 40	Luyện tập củng cố	– Thực hiện nhiệm vụ thông qua nhiều hình thức: làm bài tập, trò chơi, sắm vai…. – Ưu tiên các hoạt động cần sự trao đổi thảo luận, hợp tác giữa các học sinh.	– Giáo viên theo dõi ghi chép kết quả thực hiện và những biểu hiện về hành vi, cảm xúc của học sinh trong giờ hỗ trợ
Phút 41 đến phút 45	Kết thúc tiết học	– Học sinh nêu được những gì mình đã học được. – Giáo viên dặn dò – Học sinh về lớp	– Học sinh hứng thú – Nhận thức được ý nghĩa những nội dung vừa học tập – Sẵn sàng tham gia buổi học tiếp theo

4.5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

4.5.1. Đổi mới mục tiêu và phương pháp đánh giá

– Mục đích đánh giá kết quả học tập của học sinh là nhằm mục đích thu nhận các thông tin để xác định mức độ đạt được của học sinh về kiến thức, kĩ năng và thái độ so với mục tiêu dạy học đã đề ra, công khai hoá các nhận định về năng lực và kết quả học tập của mỗi học sinh, của tập thể lớp, giúp học sinh nhận ra sự tiến bộ cũng như những tồn tại của cá nhân học sinh, khuyến khích, thúc đẩy việc học tập của các em thông qua việc so sánh với mục tiêu của chương trình tại những thời điểm, giai đoạn cụ thể (thể hiện qua chuẩn).

– Mặt khác, các kết quả kiểm tra, đánh giá còn có tác dụng giúp cho cán bộ quản lí giáo dục ở các cấp biết mức độ đạt được so với mục tiêu môn học để họ có thể điều chỉnh hoạt động chuyên môn cũng như có các hỗ học sinh khác nhằm đạt đến mục tiêu xác định. Các kết quả này cũng giúp cho việc phát triển những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình và sách giáo khoa, khi cần thiết có thể kiến nghị các tác giả điều chỉnh lại.

– Như vậy, việc kiểm tra đánh giá đồng thời hướng đến hai mục đích vừa cung cấp thông tin phản hồi về quá trình dạy học, vừa là cơ chế điều khiển hữu hiệu chính quá trình này.

– Các kết quả kiểm tra, đánh giá có thể cung cấp những thông tin chính xác, tổng quát về kết quả học tập bộ môn cho các đối tượng khác như các nhà thiết kế chương trình khi cần xác định chuẩn (chương trình chi tiết); các cán bộ chỉ đạo khi hướng dẫn thực hiện chương trình ở các vùng miền khác nhau; hoặc giúp phụ huynh học sinh khi họ lựa chọn cách giáo dục, chọn hướng nghề nghiệp cho con em họ.

– Việc xác định mục đích đánh giá trong từng môn học sẽ quyết định nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh.

– Việc đánh giá nội dung thực hành cần phải tiến hành đồng bộ với phần lí thuyết. Khi đánh giá không nên chỉ dừng ở những câu hỏi lí thuyết có nội dung thực nghiệm mà còn cần kiểm tra việc tự làm thực hành, thí nghiệm của học sinh.

4.5.2. Các quan điểm đánh giá

Đánh giá học sinh khuyết tật đối với học sinh trung học cơ sở được pháp luật quy định tại Điều 14, Điều 15, Thông tư số 26/2020/TT–BGDĐT[22] về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

– Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học. Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn.

– Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.".

– Xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập các môn học, hoạt động giáo dục của học sinh khuyết tật để xét lên lớp đối với học sinh khuyết tật học theo chương trình giáo dục chung hoặc căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật không đáp ứng được chương trình giáo dục chung để xét lên lớp.".

---

[22] Điều 14 Thông tư 58/2011/TT–BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông

4.5.3. Quy trình đánh giá

Quy trình đánh giá cần theo trình tự sau đây:

Bước 1: Xác định nhiệm vụ và mục tiêu cần đánh giá, tức là đánh giá cái gì? Đánh giá để làm gì?

Bước 2: Xác định đối tượng, phạm vi và lĩnh vực đánh giá (cần mô tả kĩ đối tượng; phạm vi và lĩnh vực cần đánh giá để tránh nhầm lẫn).

Bước 3: Xác định hình thức và phương pháp đánh giá.

Bước 4: Phân tích và xử lí những thông tin thu được.

Bước 5: Nhận xét và kết luận:

+ Theo mục tiêu đã xác định.

+ Bước phát triển tiếp theo của học sinh.

4.5.4. Nội dung đánh giá

– Đánh giá năng lực: Xem xét học sinh đã vận dụng các kĩ năng: Giao tiếp; thích ứng và kĩ năng sống đã học vào thực tế. Việc đánh giá dựa vào mục tiêu, kế hoạch giáo dục cá nhân theo các tiêu chí: Tiến bộ rõ rệt – có tiến bộ – ít tiến bộ.

– Đánh giá phẩm chất: Những hành vi, cách cư xử đối với chính bản thân, với mọi người, với công việc trong đời sống hằng ngày.

4.5.5. Phương pháp đánh giá

– Khi đánh giá kết quả giáo dục, giáo viên có thể sử dụng những phương pháp sau:

**** Phương pháp quan sát***

– Quan sát giúp chúng ta biết được các kĩ năng mà học sinh đạt được, khả năng phát triển, và thái độ của học sinh. Quan sát cần tiến hành:

+ Trong các hoạt động khác nhau.

+ Trong các thời điểm khác nhau.

+ Trong các môi trường khác nhau.

– Khi tiến hành quan sát phải xác định mục tiêu quan sát, nội dung quan sát, nơi quan sát, cách thu thập, và xử lí những thông tin thu được.

**** Phương pháp phỏng vấn***

– Các bước tiến hành phỏng vấn bào gồm:

+ Chuẩn bị: Xác định mục tiêu, nội dung phỏng vấn, đối tượng, và địa điểm để phỏng vấn, chuẩn bị thiết bị.

+ Giới thiệu làm quen (chú ý tạo tâm thế thoải mái cho người được phỏng vấn).

+ Các đối tượng phỏng vấn trả lời các câu hỏi (đây là bước quan trọng).

+ Chuẩn bị các câu hỏi phỏng vấn: Các câu hỏi phỏng vấn cần ngắn gọn, dễ hiểu và bao gồm các loại:

- *Câu hỏi đóng.*
- *Câu hỏi dẫn dắt.*
- *Câu hỏi mở.*

– Khi phỏng vấn người phỏng vấn cần chú ý quan sát hành vi thái độ của người được phỏng vấn và không được áp đặt.

– Xử lí kết quả thu được qua phỏng vấn.

**** Đánh giá sản phẩm của học sinh***

– Sản phẩm của học sinh phản ánh trình độ nhận thức và khả năng của chúng. Qua sản phẩm có thể biết được năng lực và những khó khăn học sinh gặp phải. Sản phẩm của học sinh gồm các sản phẩm cụ thể (sản phẩm vật chất) và kết quả thực hiện những bài tập, nhiệm vụ được giao...

**** Phương pháp tự đánh giá và tập thể đánh giá***

– Cho học sinh hoặc tập thể tự nhận xét đánh giá một hành vi thái độ, kết quả hoạt động nào đó. Sau đó giáo viên tổng hợp ý kiến đã được mọi người trao đổi thống nhất.

4.5.6. Quy trình thiết kế công cụ đánh giá

Quy trình	Nội dung thực hiện
Bước 1: Phân tích mục đích đánh giá, mục tiêu học tập sẽ đánh giá	Các mục tiêu về phẩm chất; năng lực chung; năng lực đặc thù.
Bước 2: Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá	– Xác định thông tin, bằng chứng về phẩm chất, năng lực. – Phương pháp, công cụ để thu thập thông tin, bằng chứng về phẩm chất, năng lực… – Xác định cách xử lí thông tin, bằng chứng thu thập.
Bước 3: Lựa chọn, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá	Câu hỏi, bài tập, bảng kiểm, rubric, phiếu hỏi, hồ sơ học tập…
Bước 4: Thực hiện kiểm tra, đánh giá	Thực hiện theo các yêu cầu, kỹ thuật đối với các phương pháp, công cụ đã lựa chọn, thiết kế nhằm đạt mục tiêu kiểm tra, đánh giá, phù hợp với từng loại hình đánh giá: Giáo viên đánh giá, học sinh tự đánh giá, các lực lượng khác tham gia đánh giá.
Bước 5: Xử lý, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá	– Phương pháp định tính/ định lượng. – Sử dụng các phần mềm xử lý thống kê…
Bước 6: Giải thích và phản hồi kết quả đánh giá	– Giải thích kết quả, đưa ra những nhận định về sự phát triển của người học về phẩm chất, năng lực so với mục tiêu và yêu cầu cần đạt. – Lựa chọn cách phản hồi kết quả đánh giá: sử dụng điểm số, nhận định/nhận xét, mô tả phẩm chất, năng lực đạt được
Bước 7: Sử dụng kết quả đánh giá trong phát triển phẩm chất, năng lực học sinh thức xử lí, phân tích dữ liệu thu thập, đảm bảo chất lượng đánh giá.	Trên cơ sở kết quả thu được, sử dụng để điều chỉnh hoạt động dạy học, giáo dục nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; thúc đẩy học sinh tiến bộ.

MINH HỌA

A. HUY ĐỘNG VÀ GIẢI PHÁP GIÚP HỌC SINH KHUYẾT TẬT TIẾP CẬN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018 CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A.1. Phát hiện và tư vấn gia đình cho học sinh xác nhận khuyết tật và mức độ khuyết tật

Em Lý Thị M, Nữ, 12 tuổi học Lớp 6A1, Trường trung học cơ sở Cửu Long. M có khó khăn về học tập và kỹ năng sống. Sau 2 tháng khai giảng, dù thầy N, giáo viên chủ nhiệm, cùng các thầy cô giáo bộ môn đã cố gắng nhưng M không thể theo kịp chương trình và các hoạt động trên lớp cùng các bạn. Thầy N đang rất lo và bối rối vì không biết cách giúp học sinh cải thiện kết quả học tập. Thầy N mô tả đặc điểm của em M như sau:

+ Đặc điểm thể chất: phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng, sức khỏe tốt.

+ Đặc điểm nhận thức: M có khả năng đọc và viết tương đương với trình độ lớp 2. M có thể nghe viết chính tả nhưng viết chậm và sai nhiều lỗi. M tính toán cộng trừ trong phạm vị 100, gặp khó khăn với 2 số có nhớ. M thuộc cửu chương từ 2 – 5 nhưng khi vận dụng thực hiện phép tính nhân trong phạm vi 50 mức độ chính xác là 50%. Cô giáo đã dành sự quan tâm tại lớp và 20 buổi hỗ trợ thêm (mỗi buổi 30) sau giờ học về môn toán nhưng kết quả không được cải thiện.

+ Đặc điểm về kỹ năng sống: Nói và hiểu các mẩu hội thoại giao tiếp thường ngay. Học sinh nói những câu chuyện rất trẻ em so với lứa tuổi. Thích chơi với các bạn gái trong lớp. Thường đi theo các bạn trong giờ ra chơi nhưng gặp khó khăn khi tham gia các trò chơi đòi hỏi sự cạnh tranh và nhanh nhẹn.

+ Đặc điểm về hành vi: Học sinh ngồi ngoan trong giờ học nhưng lơ đảng và thỉnh thoảng ngủ gật trong lớp.

*** Gợi ý giải pháp giúp thầy N giải quyết tình trạng nêu trên**

+ ***Bước 1.*** Báo cáo với Ban giám hiệu nhà trường về trường hợp học sinh M.

+ ***Bước 2.*** Xin phép Ban giám hiệu nhà trường được phép sử dụng công cụ sàng học sinh khuyết tật để sàng lọc học sinh:

• *Với đặc điểm em như trên, M đồng thời có cả hai biểu hiện:*

• *Học kém hơn hẳn các bạn cùng lớp. Không theo kịp chương trình ngay cả khi giáo viên đã tìm mọi cách để điều chỉnh và hỗ trợ;*

• *Hạn chế hơn hẳn các bạn về kỹ năng sống: giao tiếp; xã hội (thiết lập và duy trì các mối quan hệ); tự phục vụ, vui chơi….*

• *Em M có dấu hiệu khuyết tật trí tuệ. Thầy N cần báo cáo kết quả sàng lọc với Ban Giám hiệu nhà trường.*

+ *Bước 3.* Trao đổi về kế hoạch vận động gia đình cho học sinh M xác nhận khuyết tật và mức độ khuyết tật

+ *Bước 4.* Tổ chức cuộc họp giữa nhà trường và gia đình

• *Thành phần: Ban giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm và đại diện gia đình học sinh M.*

• *Địa điểm: Tại Trường trung học cơ sở Cửu Long.*

• *Thời gian: Khoảng 60 phút.*

• *Tiến trình:*

- Thầy N giới thiệu thành phần;
- Đại điện Ban giám hiệu nêu mục đích cuộc họp;
- Thầy N nêu vắn tắt yêu cầu chương trình giáo dục cho học sinh lớp 6 và đặc điểm và một số khó khăn của học sinh M khi tham gia học tập;
- Lắng nghe phản hồi của người đại điện ;
- Trao đổi với người đại điện về quyền lợi của học sinh khi được xác định khuyết tật;
- Lắng nghe và giải đáp các thắc mắc cho người đại điện;
- Hướng dẫn cho người đại điện về quy trình, thủ tục xác định khuyết tật;
- BGH kết luận cuộc họp.

+ *Kết quả:*

- *Trường hợp 1:* Gia đình đồng ý tiến hành các thủ tục xác nhận khuyết tật cho học sinh M. Nhà trường đưa em M vào dánh sách nghi ngờ có khuyết tật và báo cáo với Phòng Giáo dục và Đào tạo.
- *Trường hợp 2:* Gia đình không hợp tác không muốn tiến hành các thủ tục xác nhận. Ban giám hiệu nhà trường và giáo viên chủ nhiệm

cần tiến hành lập kế hoạch thuyết phục và vận động gia đình. Cần tập trung chỉ cho họ rõ lợi ích của việc xác nhận khuyết tật đối với quá trình học tập của M trong hiện tại và tương lai. Để vận động thành công không chỉ giáo viên và Ban giám hiệu vào cuộc mà cần phối hợp với chính quyền địa phương, các hội đoàn thể và đặc biệt là phụ huynh học sinh có hoàn cảnh tương tự nhưng đã hoàn tất thủ tục xác nhận khuyết tật cho con.

A.2. Vận động gia đình cho học sinh khuyết tật tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp trung học cơ sở

Em Nguyễn Văn T, là học sinh rối loạn phổ tự kỷ, học đến lớp 5, bố mẹ không muốn em đi học hòa nhập nữa vì lý do sức khỏe yếu, nhiều hành vi và các bạn không chơi cùng. Gia đình muốn em Nguyễn Văn T ở nhà.

* **Gợi ý giải pháp giúp em T tiếp cận với chương trình giáo dục cấp trung học cơ sở**

+ *Bước 1.* Ban giám hiệu báo cáo trường hợp học sinh T và đề xuất sự hỗ trợ của chính quyền địa phương.

+ *Bước 2.* Đại diện nhà trường cùng cán bộ xã gặp gỡ gia đình để tìm hiểu sơ bộ đặc điểm của học sinh và hoàn cảnh gia đình:

- *Tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của gia đình;*
- *Trao đổi với gia đình về quyền được tham gia giáo dục hòa nhập của học sinh và trách nhiệm của gia đình trong giáo dục hòa nhập;*
- *Giải đáp các thắc mắc của gia đình học sinh;*
- *Giải thích cho gia đình về các thuận lợi cũng như khó khăn khi học sinh tham gia giáo dục hòa nhập.*

+ *Bước 3.* Phối hợp với trạm y tế xã phường để đánh giá sơ bộ tình trạng sức khỏe của học sinh và khả năng tham gia giáo dục hòa nhập.

- *Trường hợp 1. Nếu học sinh T không đủ điều kiện về sức khỏe để tham gia giáo dục hòa nhập, Ban giám hiệu nhà trường tư vấn cho cha mẹ hình thức giáo dục tiếp cận chương trình giáo dục hòa nhập tại gia đình.*

➢ Sử dụng hình thức học tập từ xa trong đó có sử dụng nguồn học liệu giáo dục thường xuyên dành cho học sinh khuyết tật của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các trang cung cấp nội dung dạy học cấp trung học cơ sở;

- Sử dụng hình thức học tập trực tuyến với sự hướng dẫn của giáo viên trường trung học cơ sở gần nhà học sinh;
- Lập kế hoạch khuyến khích thành lập vòng bạn bè hỗ trợ bạn khuyết tật tại gia đình.

• *Trường hợp 2. Nếu học sinh đủ điều kiện sức khỏe để đi học hòa nhập. Ban giám hiệu nhà trường cung cấp cho gia đình học sinh các thông tin cần thiết và lập kế hoạch hỗ trợ học sinh tại trường trung học cơ sở.*

+ ***Bước 4.*** Ban giám hiệu chủ động tổ chức buổi họp tư vấn giáo dục hòa nhập cho gia đình học sinh khuyết tật.

• *Trao đổi về hình thức giáo dục hòa nhập phù hợp với con họ*

• *Giải đáp thắc mắc của phụ huynh*

• *Thống nhất biện pháp khắc phục khó khăn khi học sinh tham gia tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở.*

• *Trong suốt quá trình tương tác với gia đình học sinh khuyết tật, Ban giám hiệu cần lưu ý cung cấp đầy đủ thông tin nhưng luôn tôn trọng quyết định và suy nghĩ của gia đình.*

A.3. Huy động lực lượng cộng đồng hỗ trợ học sinh khuyết tật được đến trường trung học cơ sở

Em Nguyễn Thị H, 13 tuổi, di chuyển bằng xe lăn. Bố mẹ H làm xa, H ở với ông bà già và hai em trai. Em thứ 2 năm tuổi; em út tròn 2 tuổi. Trường tiểu học gay sát nhà nên hàng ngày ông, bà đẩy xe đưa em sang lớp. Từ ngày lên lớp 6, em phải nghỉ học vì trường trung học cơ sở cách nhà 1,2km. Ông bà không thể đưa H đến trường. H ở nhà buồn lắm. Em rất mong tiếp tục được đến trường cùng các bạn.

**** Gợi ý giải pháp giúp em H được đến trường***

+ Trong quá trình điều tra phổ cập Ban giám hiệu trường trung học cơ sở biết nguyên nhân và hoàn cảnh học sinh H. Ban giám hiệu báo cáo với chính quyền xã và lên phương án hỗ trợ. Hội phụ nữ và đoàn thanh niên được huy động vào cuộc cùng tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn không có người đưa đi học.

+ Sau một tuần tích cực tìm hiểu Ban giám hiệu được biết có 2 gia đình cùng xóm có điều kiện hàng ngày đều đưa đón con đi học bằng xe máy. Phụ huynh của một trong hai gia đình đó là đoàn viên tham gia rất tích cực các hoạt động của chi đoàn. Ban giám hiệu làm việc với Ban chấp hành chi đoàn xã cùng lập phương án hỗ trợ đưa em H tới trường. Đồng chí bí thư đã trao đổi vận động đồng chí đoàn viên hỗ trợ đưa đón em H đi học.

+ Sau khi nhận được sự ủng hộ của đồng chí đoàn viên. Ban giám hiệu và Ban chấp hành chi đoàn đến nhà gia đình em H. Trao đổi với ông bà kế hoạch hỗ trợ. Trong đó, nói rõ sự hỗ trợ giúp đỡ của đ/c phụ huynh hàng xóm đồng thời đề nghị gia đình mua thêm 01 chiếc xe lăn để tại trường phục cụ hoạt động di chuyển của em H. Khi biết tin hàng xóm sẽ hỗ trợ việc đưa đón ông bà em H rất vui và đồng ý sẽ mua thêm 01 chiếc xe lăn để em H được đến trường.

A.4. Giải pháp tổ chức dạy học nhóm cho học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở

Trường trung học cơ sở NTN có 5 học sinh khuyết tật học hòa nhập. Trong đó, có 2 em lớp 6 và 2 em lớp 7 và 1 em lớp 8. Các em đều gặp khó khăn về môn toán. Trình độ của các em chỉ tương đương như học sinh lớp 2 hoặc lớp 3. Giáo viên dạy học hòa nhập của trường đã được nhận được phụ cấp theo nghị định 28/2012/NĐ–CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật.

+ Ban giám hiệu nhà trường phân công cho Thầy Đ, là giáo viên toán trực tiếp dạy nhóm cho 5 em học sinh khuyết tật 2 buổi chiều/tuần.

+ Thầy Đ dựa trên khả năng và nhu cầu của từng học sinh, điều chỉnh mục tiêu, giữ lại những nội dung cơ bản nhất trong môn toán lớp 6, 7 thiết kế thành các tiết hỗ trợ nhóm. Đặc biệt các nhiệm vụ toán học được thay đổi lồng vào các tính huống mà học sinh hay gặp trong thực tiễn.

+ Thầy Đ còn phối hợp cùng các thầy cô giáo dạy toán các lớp để thiết kế các phiếu bài tập cho học sinh sử dụng trong các tiết dạy hòa nhập. Nhờ đó mà tiết học nhóm của thầy Đ các bạn học sinh luôn vui vẻ, hợp tác; tiết toán hòa nhập cũng bớt căng thẳng hơn khi các học sinh có nhiệm vụ học tập phù hợp.

A.5. Xây dựng vòng bạn bè cho học sinh khuyết tật tại trường trung học cơ sở

Em PMH là học sinh lớp 8, trường trung học cơ sở TQ. Mắt em rất kém dù đã đeo kính trợ thị nhưng nhiều thông tin trên bảng em không nhìn thấy rõ. Bên cạnh đó em thường mất tập trung và không cẩn thận khi thực hiện các nhiệm vụ học tập nên kết quả học tập không cao. Nếu không có những giải pháp cụ thể và hiệu quả em PMH sẽ không đạt chuẩn yêu cầu chương trình lớp 8.

+ ***Bước 1.*** Đề xuất giải pháp cần làm để hỗ trợ học sinh PMH

• Ngay sau 2 tuần tiếp nhận học sinh PMH, cô M, giáo viên chủ nhiệm, đề xuất cuộc họp với ban cán sự lớp đề xuất xây dựng vòng bạn bè hỗ trợ bạn PMH. Sau đó giáo viên tổ chức cuộc họp với học sinh toàn lớp. Trong buổi trao đổi đó:

• Giáo viên trao đổi với học sinh cả lớp điểm mạnh, điểm yếu những khó khăn thách thức mà bạn PMH phải đối mặt khi tham gia giáo dục hòa nhập.

• Khuyến khích các thành viên trong lớp chia sẻ suy nghĩ của mình về bạn và về cách thức hỗ trợ bạn học sinh khuyết tật.

• Giáo viên lựa chọn và lập danh sách các học sinh tình nguyện tham gia vòng bạn bè.

+ ***Bước 2.*** Xây dựng vòng bạn bè

• Có 4 thành viên tình nguyện tham gia nhóm vòng bạn bè hỗ trợ học sinh PMH. Các thành viên trong nhóm được phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

i) Bạn T, lớp phó học tập, học giỏi, tốc độ làm bài nhanh được xếp ngồi cạnh PMH ngồi cạnh Bạn T có nhiệm vụ:

- Nhắc nhở PMH chú ý vào hoạt động học tập khi xao nhãng;
- Hỗ trợ bạn PMH bằng cách: Đọc thông tin trên bảng, vẽ hộ hình vào vở và giải thích thêm khi bạn PMH không nhìn rõ hoặc không hiểu bài.

ii) Bạn P ở cạnh nhà PMH được phân công:

- Rủ bạn đi học và cùng bạn đi về sau buổi học;
- Mỗi tuần 3 buổi P mang sách vở sang nhà PMH để học nhóm. Cùng nhau đọc lại các nội dung học trên lớp, trao đổi với nhau những nôi dung chưa hiểu kỹ. Hai bạn độc lập làm bài tập về nhà, sau đó so sánh kiểm tra kết quả bài làm. Sắp xếp sách vở, đồ dùng học tập chuẩn bị cho buổi học ngày hôm sau.
- Chia sẻ suy nghĩ tâm tư tình cảm cùng bạn PMH.

iii) Bạn Th và O hai bạn được xếp ngồi ngày bàn dưới có nhiệm vụ:

- Nhắc nhở khi PMH mất tập trung, quay xuống bàn dưới nói chuyện hoặc làm việc riêng;
- Cùng PMH di chuyển đến nhà vệ sinh, ra sân chơi hoặc các vị trí khác nhau theo yêu cầu của giáo viên;
- Giải thích, giúp đỡ PMH làm thí nghiệm hoặc tham gia các tiết thể dục, mĩ thuật…
- Chia sẻ tâm tư tình cảm cùng PMH.

+ ***Bước 3.*** Tổ chức gặp mặt hàng tuần

• *Các thành viên của nhóm và giáo viên điều phối sẽ gặp nhau hàng tuần theo kế hoạch để nhìn nhận lại sự tiến bộ, xác định những khó khăn và đề xuất các giải pháp để vòng bạn về của bạn PMH được mở rộng.*

B. ĐIỀU CHỈNH PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN

B.1. Điều chỉnh phương pháp dạy học môn Ngữ văn

B.1.1. Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng

– Môn Ngữ văn là môn học thuộc nhóm khoa học xã hội. Cùng với đặc trưng của môn học, môn Ngữ văn có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, bồi dưỡng tư tưởng và tình cảm cho người học. Nó tác động đến người học ở cả hai mặt: nhận thức và cảm xúc. Mặt khác, môn Ngữ văn thuộc nhóm các môn học công cụ. Vị trí đó nói lên vai trò và tác động tích cực của môn Ngữ văn đối với việc học tập các môn học khác của người học và ngược lại.

– Môn Ngữ văn cũng giữ vai trò quan trọng trong việc giúp người học kiến giải những vấn đề của cuộc sống, nhất là đời sống tình cảm con người. Do đó yêu cầu gắn với đời sống của môn học cũng có những nét riêng so với các môn khác.

– Học sinh khuyết tật, do những hạn chế về mặt nhận thức thường gặp phải rất nhiều khó khăn, trở ngại khi học tập môn Ngữ văn. Vì thế mức độ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng so với những học sinh bình thường khác có phần giảm nhẹ hơn. Cụ thể: Khi học xong chương trình Ngữ văn cấp trung học cơ sở, học sinh không khuyết tật phải đạt được những yêu cầu sau:

**** Về năng lực***

+ Nhớ được sơ lược những đặc điểm hình thức và ngữ nghĩa của các loại đơn vị tiêu biểu của từng bộ phận cấu thành tiếng Việt (như đơn vị cấu tạo từ, đơn vị từ vựng, các từ loại chính, các kiểu câu thường dùng trong đời sống); biết được các quy tắc chi phối việc sử dụng tiếng Việt để giao tiếp trong các hoàn cảnh khác nhau.

+ Phân biệt được sáu kiểu văn bản thường dùng, đó là: Tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh và văn bản điều hành.

+ Nhớ được sơ lược một số khái niệm và các yêu cầu cơ bản của phương pháp phân tích văn học; một số tri thức sơ giản về thi pháp, về lịch sử Văn học Việt Nam.

+ Nghe – hiểu, đọc – hiểu được nội dung các văn bản (bao gồm các tác phẩm văn học và văn bản nhật dụng). Từ đó học sinh có thái độ, hành vi ứng xử thích hợp với các vấn đề được nêu trong văn bản.

+ Biết nói và viết tiếng Việt đúng chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.... Viết được các văn bản theo các kiểu đã học và vận dụng trong học tập cũng như trong đời sống.

Về phẩm chất

+ Có hứng thú nghe, nói, viết tiếng Việt. Có ý thức tìm hiểu nghệ thuật ngôn ngữ trong các văn bản.

+ Có ý thức và biết ứng xử trong giao tiếp một cách lễ phép, có văn hoá.

+ Biết quý trọng những giá trị chân, thiện, mĩ; khinh ghét những thói giả dối, độc ác, xấu xa được phản ánh trong văn học hay tồn tại trong đời sống.

+ Đối với học sinh khuyết tật, để đạt được những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng, thái độ như trên là rất khó khăn. Tuy nhiên không nên và không thể giảm mức độ yêu cầu xuống thấp hơn nữa vì như vậy sẽ có khoảng cách khá lớn giữa những học sinh khuyết tật với những học sinh bình thường khác.

B.1.2. Phương pháp dạy học môn Ngữ văn cho học sinh khuyết tật

– Môn Ngữ văn là một môn học sử dụng tư duy trừu tượng. Đây lại là một điểm yếu của học sinh khuyết tật, vì thế người giáo viên phải dành rất nhiều công sức để giờ học văn có hiệu quả.

– Đối với những học sinh khuyết tật, phương pháp dạy học văn nói chung không có sự khác biệt với những học sinh bình thường khác. Tuy nhiên, người giáo viên cần phải chú trọng nhiều hơn đến từng đối tượng học sinh trong lớp mình, tuỳ theo năng lực cụ thể của từng học sinh mà sử dụng phương pháp dạy học sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

– Giờ học Ngữ văn không chỉ chú trọng tới hoạt động dạy của giáo viên mà còn chú trọng tới hoạt động học của học sinh, tạo điều kiện cho tất cả các đối tượng học sinh đều được suy nghĩ, tìm tòi, khám phá... để có thể hiểu, cảm, vận dụng tốt các kiến thức, kĩ năng văn học, ngôn ngữ học... dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên, nhằm đạt được những mục tiêu cụ thể của giờ học. Đối với học sinh khuyết tật, trong giờ học môn Ngữ văn giáo viên phải chú ý quan tâm nhiều hơn. Để đạt được hiệu quả trong giờ học Ngữ văn, mỗi giáo viên cần đổi mới phương pháp dạy học, cụ thể:

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực học tập của các đối tượng học sinh (có thể hiểu là tạo điều kiện tối ưu nhất để học sinh được suy nghĩ, tìm tòi nhiều hơn, thực hành nghe, nói, đọc, viết nhiều hơn trên vốn kiến thức, kĩ năng văn học, tiếng Việt, làm văn đã có;...).

+ Hiểu rõ nội dung bài học và năng lực học tập bộ môn của từng học sinh để từ đó xây dựng được một hệ thống câu hỏi, bài tập nhằm tổ chức, hướng dẫn các đối tượng học sinh trong lớp tích cực, chủ động học tập, chú trọng bồi dưỡng và phát triển năng lực và bản sắc cá nhân của mỗi học sinh.

+ Giúp học sinh sử dụng sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn một cách có ý thức và hiệu quả, linh hoạt hơn, đồng thời uốn nắn, hướng dẫn cách tự đọc, tự học (phù hợp với năng lực cụ thể của từng học sinh).

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức tổ chức học tập (dạy học đồng loạt, dạy học theo nhóm, dạy học tự chọn...) tạo điều kiện và không khí học tập thích hợp để học sinh có thể thể hiện hết năng lực của bản thân. Tuy nhiên sự vận dụng các hình thức dạy học không nên gò ép mà phải linh hoạt tuỳ theo điều kiện thực tiễn của giờ học, tuỳ theo từng đối tượng học sinh của lớp mình.

+ Tăng cường kiểm tra đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau, coi kiểm tra đánh giá như là một biện pháp kích thích hứng thú học tập, giúp học sinh tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục những sai sót, hạn chế (nếu có) trong quá trình tìm hiểu, lĩnh hội và vận dụng kiến thức, kĩ năng bộ môn.

+ Tăng cường sử dụng các thiết bị, đồ dùng và phương tiện dạy học theo phương châm phục vụ thiết thực nhất, hiệu quả nhất cho mỗi giờ học với tư cách là phương tiện nhận thức chứ không đơn thuần chỉ là sự minh hoạ. Hướng tới việc sử dụng các thiết bị dạy học hiện đại nhằm tăng cường tác động tích cực của kênh hình, kênh tiếng tới các kĩ năng nghe, đọc, nói, viết và quan sát của học sinh .

+ Không gò bó giờ học trong một quy trình cứng nhắc với những bước đi bắt buộc, giáo viên có quyền chủ động sáng tạo thiết kế giờ học căn cứ vào mục tiêu cụ thể của bài học. Điều cơ bản là mỗi giờ học phải thực sự kích thích được hứng thú và sự tích cực học tập của học sinh, có sự "cộng hưởng" giữa học sinh với học sinh, giữa giáo viên và học sinh trong quá trình chiếm lĩnh, cảm thụ và vận dụng kiến thức. Đối với môn Ngữ văn, cần quan niệm rèn

luyện tư duy quan trọng hơn là thuộc lòng kiến thức, nắm vững phương pháp học tập quan trọng hơn thuộc lí thuyết. Phải dạy cho học sinh thành thạo các thao tác tư duy: Phân tích, tổng hợp, liên tưởng, tưởng tượng, trừu tượng hoá, đặc biệt hoá, khái quát hoá… trong đó phân tích, tổng hợp, liên tưởng và suy luận là nền tảng. Phải cung cấp cho học sinh những tri thức về phương pháp để học sinh có thể tự mình tìm tòi, tự mình phát hiện và tìm được hướng giải quyết một vấn đề, giúp học sinh hiểu sâu sắc bản chất các khái niệm tiếng Việt, ý nghĩa và nội dung của các đoạn văn bản, các cách tạo lập văn bản... từ đó mà nhớ lâu các kiến thức đã học và nếu quên có thể tự mình tìm lại được.

– Tuy nhiên, đối với học sinh khuyết tật một số nội dung phức tạp, trừu tượng rất khó tổ chức, hướng dẫn cho học sinh chủ động tiếp nhận, cảm thụ, tìm tòi, đánh giá, vận dụng kiến thức và kĩ năng văn học, ngôn ngữ vào cuộc sống. Như vậy, người giáo viên phải vất vả hơn trong thiết kế và điều hành giờ học để tạo lập cho học sinh năng lực giao tiếp tốt, khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt. Hiện nay, chúng ta vẫn quen với lối dạy học đồng loạt, ít chú ý tới năng lực học tập của từng đối tượng học sinh, chính vì thế mỗi nhiệm vụ học tập thường được giao chung cho tất cả các học sinh. Đối với học sinh khuyết tật, giáo viên phải chú ý đến năng lực của từng học sinh để giao nhiệm vụ học tập hoặc đặt câu hỏi cho phù hợp; có như thế mới tăng cường được sự tích cực học tập của tất cả các học sinh. Với những học sinh khó khăn về đọc, giáo viên cần chú ý đến rèn luyện kĩ năng đọc, nhưng bên cạnh đó cũng cần chú ý phát huy những khả năng khác không liên quan lời nói của học sinh. Với những học sinh khó khăn về kĩ năng viết, giáo viên nên chú ý rèn luyện kĩ năng viết cho các học sinh; chú ý tạo lập những câu văn ít phức tạp, đưa ra những câu, đoạn văn mẫu cho học sinh học tập.

– Để giúp cho học sinh khuyết tật có thể tiếp thu bài học một cách hiệu quả, giáo viên cần:

+ *Mở đầu bài giảng một cách hấp dẫn:* Nhằm gây hứng thú học tập, giáo viên có thể tiến hành hoạt động này bằng nhiều cách khác nhau như kể một câu chuyện, trình bày sinh động một trích đoạn của bài học mới, đưa một thông tin hấp dẫn, một số tranh ảnh, giáo cụ trực quan, đặt một số câu hỏi có tình huống cần giải quyết dựa trên năng lực của học sinh có liên quan đến một phần nội dung nào đó của bài học.

+ *Đặt ra các câu hỏi tìm hiểu bài:* Trong khi tiến hành giờ dạy, căn cứ trên trình độ cụ thể của học sinh lớp mình, giáo viên cần phải cân đối để lựa chọn khi nào, lúc nào thì dùng câu hỏi bài tập trong sách giáo khoa, khi nào lúc nào phải thiết kế những câu hỏi khác cho phù hợp, hiệu quả. Để dạy tốt môn Ngữ văn, người giáo viên không thể không đầu tư vào việc xây dựng, thiết kế một hệ thống câu hỏi, bài tập cho phù hợp với khả năng của học sinh, những câu hỏi bám sát theo hệ thống câu hỏi đã có trong sách giáo khoa, những câu hỏi ngắn gọn, dễ hiểu cũng như ý tưởng dạy học của mình từ gợi ý của những tài liệu "cứng" trong nhà trường như sách giáo khoa... và những tư liệu tham khảo khác.

– Trong giờ học Ngữ văn, giáo viên không những phải nắm vững nội dung bài học mà còn phải hiểu học sinh để lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp. Giáo viên phải lường trước các tình huống, các cách giải quyết nhiệm vụ học tập của học sinh. Hay nói khác đi phải hiểu trình độ, năng lực học tập (thực lực) của học sinh, được xuất phát từ:

– Kiến thức, kĩ năng mà học sinh đã có một cách chắc chắn, vững bền cần thiết cho bài học mới.

– Kiến thức, kĩ năng chưa có hoặc có thể quên của học sinh nhưng cần thiết cho bài mới hoặc để tăng cường tốc độ học tập.

– Những khó khăn có thể nảy sinh trong khi tiếp nhận, vận dụng khái niệm mới và cách điều chỉnh những khó khăn đó.

– Khả năng tư duy, năng lực học tập của từng học sinh trong lớp.

– Bên cạnh đó, người giáo viên cần có thái độ động viên kịp thời, đúng lúc để những học sinh khuyết tật không cảm thấy chán nản khi kết quả học tập kém hơn các bạn trong lớp.

B.2. Điều chỉnh phương pháp dạy học môn Toán

B.2.1. Yêu cầu về kiến thức, kĩ năng

– Mục đích của môn Toán ở cấp trung học cơ sở là nhằm trang bị cho học sinh những phẩm chất và năng lực toán học phổ thông, cụ thể là:

+ Biết những kiến thức mở đầu về số (từ số tự nhiên đến số thực) ; về các biểu thức đại số, về phương trình bậc nhất, về tương quan hàm số, về một vài dạng hàm số đơn giản và đồ thị của chúng.

+ Có một số hiểu biết ban đầu về thống kê.

+ Biết những kiến thức mở đầu về hình học phẳng, quan hệ bằng nhau và quan hệ đồng dạng giữa hai hình phẳng, một số yếu tố của lượng giác, một số vật thể trong không gian ;

+ Có những hiểu biết ban đầu về một số phương pháp toán học ; dự đoán và chứng minh, quy nạp và suy diễn, phân tích và tổng hợp...

+ Biết tính toán và sử dụng bảng số, máy tính bỏ túi

+ Biết thực hiện các phép biến đổi các biểu thức đơn giản, giải phương trình và bất phương trình bậc nhất một ẩn, giải phương trình bậc hai một ẩn, giải phương trình bậc nhất hai ẩn ;

+ Biết vẽ hình, đo đạc, ước lượng, biết vận dụng kiến thức toán học vào đời sống và vào các môn học khác trong những trường hợp đơn giản.

**** Về phẩm chất***

Về phương pháp

– Học sinh cần được rèn luyện khả năng suy luận hợp lí và hợp lôgic; khả năng quan sát; dự đoán; khả năng sử dụng ngôn ngữ chính xác; khả năng diễn đạt đúng ý của mình và hiểu được ý diễn đạt của người khác. Từ đó, dần hình thành cho học sinh có thói quen tự học.

– Lưu ý:

+ Nội dung các kiến thức toán học được trình bày trong sách giáo khoa có độ liên kết tương đối chặt chẽ, thường nội dung của các bài học trước có liên quan chặt chẽ đến nội dung của bài học sau và việc nắm vững nội dung trước là tiền đề quan trọng cho việc tiếp thu nội dung sau. Vì thế, ngay cả với đối tượng học sinh khuyết tật, giáo viên cũng không nên cắt xén nội dung.

+ Các yêu cầu trên đây là tối thiểu đối với mọi đối tượng học sinh, không nên giảm nhẹ ngay cả đối với đối tượng học sinh khuyết tật. Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rõ một số đặc điểm sau đây của chương trình và sách giáo khoa Toán trung học cơ sở hiện hành để tổ chức dạy học có hiệu quả cho đối tượng học sinh khuyết tật. Cụ thể, chương trình và sách giáo khoa hiện nay tăng tính thực tiễn và tính sư phạm, tạo điều kiện để học sinh được tăng cường luyện tập và thực hành rèn luyện kĩ năng tính toán và vận dụng các kiến thưc toán học vào đời sống và vào cả các môn học khác.

+ Từ những vấn đề trên đây, trong quá trình dạy học cho đối tượng học sinh khuyết tật, giáo viên cần:

• Tránh đề ra những yêu cầu cao so với yêu cầu cần đạt (điều này thường xảy ra với nhiều giáo viên).

• Tăng cường khai thác các yếu tố "thực tiễn" trong sách giáo khoa, tạo điều kiện cho học sinh liên hệ với thực tiễn và tìm kiếm các ví dụ minh hoạ trong thực tiễn cuộc sống của các học sinh. Vì nếu dạy học toán gắn liền với thực tế cuộc sống thì kiến thức toán học không còn khô khan và xa lạ đối với học sinh , có thể huy động được vốn sống của học sinh để hình thành kiến thức mới, khi đó học sinh hứng thú học tập và tích cực tham gia xây dựng bài.

• Cần tạo ra mối quan hệ hợp lí giữa dạy kiến thức và dạy kĩ năng với dạy phương pháp suy nghĩ và hành động. Đối với môn Toán, cần có quan điểm là tư duy quan trọng hơn kiến thức, nắm vững phương pháp quan trọng hơn thuộc lòng lí thuyết. Dạy toán là dạy học sinh suy nghĩ, thực hiện thành thạo các thao tác tư duy: phân tích, tổng hợp, trừu tượng hoá, khái quát hoá, đặc trưng hoá, so sánh, suy xuôi, suy ngược, phân tích đi lên... cố gắng cung cấp cho học sinh những tri thức, phương pháp để học sinh có thể biết cách dự đoán, biết các tìm hướng giải. Đối với học sinh khuyết tật lại càng cần tăng cường hơn nữa việc truyền thụ tri thức cho các học sinh, bởi vì các phương pháp suy nghĩ trong học toán không chỉ là mục tiêu, mà còn là phương tiện quan trọng để học được môn toán.

+ Tất cả những điều trên đây đều đòi hỏi giáo viên phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của học sinh.

B.2.2. Phương pháp dạy học môn Toán trung học cơ sở đối với học sinh khuyết tật

– Đối với học sinh khuyết tật phương pháp dạy học Toán nói chung không có sự khác biệt với học sinh bình thường, vẫn phải đảm bảo dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động học tập của học sinh. Tuy nhiên, giáo viên phải tốn nhiều công sức hơn để có thể quan tâm đến từng học sinh, biết được điểm mạnh, điểm yếu của mỗi học sinh mà có cách điều chỉnh phù hợp. Trong mỗi tiết lên lớp của mình, giáo viên cố gắng sao cho có thể huy động tối đa sự tham gia mọi giác quan của mỗi học sinh để nếu học sinh có hạn chế giác quan này có thể phát huy được các giác quan khác. Theo kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trên thế giới thì tỉ lệ phần trăm các giác quan của học sinh bình thường sử dụng trong học tập như sau: Thị giác chiếm 75%, thính giác

chiếm 12%, xúc giác chiếm 6%, khứu giác chiếm 4% và vị giác chiếm 3%. Điều quan trọng là giáo viên phải tạo điều kiện cho mỗi học sinh được tham gia tích cực vào quá trình chiếm lĩnh tri thức, như Khổng Tử đã nói: Ta nghe – Ta sẽ quên, Ta nhìn – Ta sẽ nhớ, Ta làm – Ta sẽ hiểu.

– Việc phát triển áp dụng phương pháp dạy học tích cực không có nghĩa là gạt bỏ các phương pháp dạy học truyền thống, ngược lại cần kế thừa, phát triển những mặt tích cực trong hệ thống các phương pháp dạy học đã quen thuộc. Đối với đối tượng học sinh khuyết tật, giáo viên nên vận dụng và phát triển các phương pháp gợi mở vấn đáp và dạy học hợp tác nhóm nhỏ, khi cần có thể vận dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề.

Phương pháp dạy học gợi mở vấn đáp

– Phương pháp dạy học này không trực tiếp đưa ra những kiến thức hoàn chỉnh mà hướng dẫn học sinh tư duy từng bước để các học sinh tự tìm ra kiến thức mới phải học. Căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức của học sinh, người ta phân biệt vấn đáp tái hiện, vấn đáp giải thích minh hoạ và vấn đáp tìm tòi.

+ *Vấn đáp tái hiện:* Là khi những câu hỏi do giáo viên đặt ra chỉ yêu cầu học sinh nói lại kiến thức đã biết. Loại vấn đáp này chỉ nên sử dụng hạn chế khi cần đặt mối liên hệ giữa kiến thức đã học với kiến thức sắp học hoặc khi củng cố kiến thức vừa mới học.

+ *Vấn đáp giải thích minh hoạ:* Là khi những câu hỏi của giáo viên đưa ra có kèm theo các ví dụ minh hoạ (bằng lời hoặc bằng hình ảnh trực quan) nhằm giúp học sinh dễ hiểu, dễ ghi nhớ. Việc áp dụng phương pháp này có giá trị sự phạm cao hơn nhưng khó hơn và đòi hỏi nhiều công sức của giáo viên hơn khi chuẩn bị hệ thống các câu hỏi thích hợp.

+ *Vấn đáp tìm tòi (hay vấn đáp phát hiện):* Là khi giáo viên sử dụng hệ thống câu hỏi của mình để kích thích sự tranh luận, trao đổi ý kiến giữa giáo viên với học sinh, giữa học sinh với học sinh. Thông qua đó học sinh dần dần tiếp cận kiến thức mới.

– Trong vấn đáp tìm tòi, trật tự lôgic các câu hỏi phải nhằm dẫn dắt học sinh từng bước phát hiện ra bản chất sự vật, quy luật của hiện tượng, kích thích tính tích cực tìm tòi và lòng ham muốn hiểu biết của học sinh .

– Sự thành công của phương pháp gợi mở vấn đáp phụ thuộc nhiều vào việc xây dựng được hệ thống câu hỏi gợi mở thích hợp (tất nhiên là còn phụ thuộc vào nghệ thuật giao tiếp, ứng xử và dẫn dắt của giáo viên). Khi soạn các câu hỏi, giáo viên cần lưu ý các yêu cầu sau đây:

+ Câu hỏi phải có nội dung chính xác, không thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, phải sát với yêu cầu và nội dung của bài học.

+ Câu hỏi phải sát với từng loại đối tượng học sinh, nghĩa là phải có nhiều câu hỏi ở các mức độ khó khác nhau. Tuy nhiên, giáo viên có kinh nghiệm thường tỏ ra cho học sinh thấy rằng các câu hỏi đó đều có tầm quan trọng và độ khó như nhau để học sinh khuyết tật có thể trả lời được những câu hỏi vừa sức mà không có cảm giác tự ti, mặc cảm và không có cảm giác mình chỉ có thể trả lời được những câu hỏi dễ và không quan trọng.

+ Bên cạnh những câu hỏi chính, giáo viên cần chuẩn bị những câu hỏi phụ (trên cơ sở dự kiến các câu trả lời của học sinh) để tuỳ tình hình thực tế mà gợi ý, dẫn dắt tiếp.

– Phương pháp gợi mở vấn đáp tương đối thích hợp trong dạy toán cho các đối tượng học sinh khuyết tật. Nó làm cho không khí lớp học sôi nổi, sinh động, kích thích hứng thú học tập và lòng tự tin của học sinh, rèn luyện cho học sinh năng lực diễn đạt sự hiểu biết của mình và hiểu ý diễn đạt của người khác.

Dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ

– Dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ là mô hình dạy học trong đó lớp học được chia thành các nhóm nhỏ (mỗi nhóm từ 2 học sinh trở lên) để hợp tác cùng thực hiện một hay một số nhiệm vụ học tập được giao.

– Tuy các học sinh trong nhóm có cá tính và sức học khác nhau, có những nét tâm lí riêng, nhưng do cùng nhau thực hiện một nhiệm vụ học tập nên mỗi học sinh phải rèn luyện khả năng hoà nhập qua giao tiếp. Sự tác động qua lại giữa các thành viên trong nhóm làm cho mỗi học sinh tích cực hơn, kích thích tính thi đua giữa các nhóm và làm cho mỗi thành viên trong nhóm có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Học sinh có thể tự đánh giá việc đọc, đếm, vẽ hình, đo đạc, so sánh, làm tính, giải toán... theo nhóm của mình với sự hướng dẫn của giáo viên. Tổ chức dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ là hình thức và phương pháp dạy học sinh động, tạo ra "cầu nối" giữa giáo viên đến nhóm học sinh và từng học sinh. Giáo viên có thể theo dõi

giúp đỡ từng học sinh ở các nhóm nhỏ, đặc biệt là các học sinh khó khăn (hoặc xuất sắc) trong học tập. Tuy nhiên, muốn tổ chức hoạt động nhóm có hiệu quả, giáo viên phải đầu tư nhiều công sức để:

+ Cùng một lúc lập được kế hoạch cho nhiều trình độ khác nhau.

+ Chuẩn bị các đồ dùng dạy học, phiếu học tập, phiếu giao việc cần thiết.

+ Đưa các nhiệm vụ học tập thích hợp để học sinh có thể làm việc theo tốc độ của mình.

+ Theo dõi sự tiến bộ của từng học sinh.

+ Kích thích học sinh tham gia vào hoạt động của nhóm.

+ Bao quát hoạt động của các nhóm, có kế hoạch và linh hoạt lắng nghe ý kiến của học sinh ở các nhóm khác nhau.

B.2.3. Tăng cường sử dụng đồ dùng dạy học

– Sử dụng đồ dùng dạy học là một trong những biện pháp quan trọng để tích cực hoá hoạt động của học sinh bình thường, càng đặc biệt quan trọng đối với học sinh khuyết tật. Trước kia, đồ dùng dạy học thường chỉ dành cho giáo viên dùng để minh hoạ bổ sung những kết luận được nêu ra, học sinh chỉ quan sát để củng cố niềm tin vào những điều giáo viên giảng. Trong dạy học tích cực hiện nay, vai trò của đồ dùng dạy học đã thay đổi, đồ dùng dạy học chẳng những để giáo viên minh hoạ mà còn chủ yếu dành cho học sinh thực hành và "khám phá" kiến thức mới. Vì vậy, để vận dụng hai Phương pháp dạy học đã nêu trên (và những phương pháp dạy học tích cực khác) giáo viên cần tăng cường sử dụng đồ dùng dạy học. Ngoài bộ đồ dùng dạy học tối thiểu, đối với đối tượng học sinh khuyết tật giáo viên cần tăng cường sử dụng phiếu học tập để tổ chức các hoạt động học tập của học sinh .

– Phiếu học tập là tên gọi chung của các loại phiếu sử dụng trong học tập. Đó là những tờ giấy rời, in sẵn những công việc độc lập của cá nhân hoặc nhóm được phát cho học sinh để hoàn thành trong thời gian ngắn của tiết học. Mỗi phiếu học tập có thể giao cho học sinh một vài câu hỏi, bài tập cụ thể nhằm dẫn dắt tới một kiến thức, tập thực hành một kĩ năng, rèn luyện một thao tác tư duy hoặc thăm dò thái độ trước một vấn đề.

– Phiếu học tập là một công cụ cho phép cá thể hoá hoạt động học tập của học sinh, tiết kiệm thời gian tổ chức các hoạt động học tập, đồng thời là công cụ hữu hiệu để thu thập và xử lí thông tin ngược. Người ta thường phân biệt ba loại phiếu học tập sau đây:

+ Phiếu học tập là loại phiếu chứa đựng thông tin và giải thích sự cần thiết để học sinh có thể tự đọc, tự tìm hiểu và tự vận dụng các thông tin đó. Phiếu học được dùng trong các tiết dạy học bài mới.

+ Phiếu thực hành (luyện tập) gồm các câu hỏi, bài tập củng cố những kiến thức và kĩ năng đã học. Các câu hỏi và bài tập này thường được xếp theo thứ tự từ dễ tới khó. Phiếu thực hành cũng có thể chứa đựng các trò chơi học tập. Phiếu này thường được sử dụng trong các tiết thực hành, luyện tập hoặc ở khâu vận dụng, thực hành trong tiết học bài mới.

+ Phiếu kiểm tra là phiếu có những câu hỏi và bài tập để kiểm tra xem học sinh đã nắm vững bài học ở mức độ nào.

B.2.4. Những điều cần lưu ý khi soạn bài dạy cho học sinh khuyết tật

– Do đặc điểm của học sinh khuyết tật, việc dạy môn Toán giáo viên cần áp dụng các phương pháp dạy học tích cực. Dạy học tích cực, giáo viên không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức mà là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động chiếm lĩnh kiến thức của học sinh. Trên lớp, học sinh hoạt động là chính nhưng trước đó khi thiết kế bài học, giáo viên phải đầu tư nhiều công sức và thời gian chuẩn bị mới có thể thực hiện bài trên lớp có hiệu quả. Khi soạn bài, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau đây:

Về xác định mục tiêu

+ Cần thay đổi từ cách viết mục đích yêu cầu cho việc giảng dạy (tập trung vào những điều giáo viên cần phải truyền thụ) sang cách viết mục tiêu học tập (giáo viên phải hình dung được là học một bài hay một cụm bài, học sinh của mình sẽ có được những kiến thức, kĩ năng (và tri thức về phương pháp) gì, hình thành nên những thái độ nào.

+ Điều quan trọng là giáo viên phải hình dung ra được các mức độ và yêu cầu khác nhau đối với những nhóm học sinh có trình độ và năng lực khác nhau để mỗi học sinh đều được làm việc với sự nỗ lực vừa sức ít nhất, giáo viên cần tính toán độ khó khăn của nhiệm vụ sao cho thích hợp với nhóm học sinh khá và nhóm học sinh yếu. Những dự tính này sẽ được thể hiện trên các phiếu học tập.

Về tri thức phương pháp

+ Đối với môn Toán, việc học sinh nắm vững phương pháp quan trọng hơn việc học thuộc lòng lí thuyết. Vì vậy, giáo viên phải dự kiến những tri thức

về phương pháp để học sinh có thể tự mình tìm tòi, phát hiện và phát triển vấn đề, dự đoán kết quả, tìm ra hướng giải quyết...

Thiết kế các hoạt động

+ Nét nổi bật trong dạy học tích cực là hoạt động của học sinh chiếm tỉ trọng thời lượng cao (60% tổng thời lượng). Vì vậy, khi soạn bài dự định của giáo viên phải tập trung chủ yếu vào các hoạt động của học sinh như: Vẽ hình, đo đạc, dự đoán, giải bài tập, trả lời câu hỏi, thảo luận các vấn đề đặt ra,...) trên cơ sở đó mới hình dung sẽ phải tổ chức các hoạt động của học sinh như thế nào cho có hiệu quả, lường trước những khó khăn học sinh sẽ gặp phải để chuẩn bị những hỗ học sinh cần thiết, dự kiến thời gian cho từng hoạt động.

+ Đối với những học sinh có hạn chế về một vài giác quan hoặc loại hình tư duy nào đó, giáo viên cần dự kiến các kênh thông tin hoặc định ra cách hỗ trợ học sinh phù hợp.

C. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔT SỐ MÔN HỌC

C.1. Đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn

– Đối với học sinh cấp trung học cơ sở, việc đánh giá kết quả học tập có nhiều khác biệt so với tiểu học. Đối với những học sinh khuyết tật việc đánh giá kết quả học tập cũng có những điểm khác biệt so với những học sinh bình thường khác. Giáo viên cần căn cứ vào năng lực học tập từng học sinh cụ thể để có những đánh giá cụ thể. Tuy nhiên cần chú trọng hình thành cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết; đặc biệt là qua 4 kĩ năng này hình thành năng lực cảm thụ, năng lực bộc lộ biểu đạt tư tưởng, tình cảm bằng ngôn ngữ nói và viết tiếng Việt qua mỗi giờ học. Khả năng học sinh vận dụng những cái đã học, hoặc những kiến thức kĩ năng có ý nghĩa thiết thực với cuộc sống, tạo điều kiện để học sinh tự khẳng định mình qua giao tiếp ứng xử.

– Kiểm tra bằng nhiều hình thức khác nhau, coi kiểm tra như là một biện pháp kích thích hứng thú học tập, giúp học sinh tìm ra nguyên nhân và cách khắc phục những sai sót, hạn chế (nếu có) trong quá trình tìm hiểu, lĩnh hội và vận dụng kiến thức, kĩ năng bộ môn.

– Khi tiến hành đánh giá, cần chú ý đến những vấn đề sau:

+ Không vượt quá những yêu cầu kiến thức, kĩ năng học sinh đã được học (đảm bảo học sinh có sức học trung bình phải đạt yêu cầu và phân hoá được các đối tượng học sinh).

+ Cần đánh giá cả về khả năng ghi nhớ và nhận biết khái niệm lẫn khả năng thông hiểu, vận dụng vốn ngôn ngữ vào thực tiễn đời sống.

+ Coi trọng sự đánh giá toàn diện về các mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ kết quả thực hành vận dụng 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh. Đánh giá dựa trên thực hành nghe, nói, đọc, viết không có nghĩa là đề cao kĩ năng, coi nhẹ việc đánh giá thái độ và trình độ nhận thức có tính khoa học về các kiến thức đã được học trong chương trình. Ngay cả việc đánh giá năng lực cảm thụ của học sinh cũng không thể chỉ căn cứ vào các bài kiểm tra viết (tập làm văn) theo định kì mà phải dựa trên kết quả kiểm tra thường xuyên cả 4 kĩ năng này.

+ Dựa trên mức độ tích cực chủ động nghe, nói, đọc, viết của học sinh khi tham gia vào quá trình học tập, khuyến khích học sinh biết cách tự đánh giá kết quả học tập của mình.

+ Tăng cường độ chính xác, khách quan trong đánh giá bằng cách cụ thể hoá các chỉ số đánh giá của mỗi câu hỏi, mỗi đề kiểm tra, cố gắng có đáp án tường minh, cụ thể và công khai hoá đáp án để học sinh tự đánh giá.

+ Khi kiểm tra vấn đáp (kiểm tra miệng), giáo viên cần chú ý:

• Đối với học sinh khuyết tật mức độ yêu cầu của câu hỏi kiểm tra chỉ nên dừng lại ở mức độ thấp (tái hiện, nhắc lại những khái niệm ngữ hoặc văn đã học).

• Khi kiểm tra vấn đáp cần xác định rõ: nội dung, yêu cầu, mục đích hỏi, xác định rõ từng đối tượng nhằm đến của mỗi câu hỏi, không thể dùng một câu hỏi cho tất cả các đối tượng học sinh bình thường và học sinh khuyết tật trong lớp.

• Chú trọng tạo điều kiện cho học sinh được bộc lộ những suy nghĩ cá nhân, đồng thời với việc rèn năng lực nói và trình bày lưu loát, những suy nghĩ, tình cảm của các học sinh .

• Khi đánh giá, bên cạnh việc cho điểm, giáo viên cần lưu ý sửa cho học sinh những lỗi sai cần tránh trong quá trình nói tiếng Việt như: Lỗi chính âm, lỗi chính tả, diễn cảm, giúp học sinh học cách nói ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu đối với người nghe.

• Vừa tận dụng tối đa những câu hỏi bài tập trong sách giáo khoa, vừa xây dựng thêm những câu hỏi bài tập khác dựa trên mục tiêu cần đạt và khả năng học tập của các đối tượng học sinh trong lớp.

+ Kiểm tra viết là hình thức kiểm tra phổ biến với môn Ngữ văn, được dùng để kiểm tra nhiều học sinh trong một thời điểm. Nội dung kiểm tra viết có thể bao quát từ những mạch kiến thức kĩ năng lớn đến những mạch kiến thức kĩ năng nhỏ và học sinh phải diễn đạt câu trả lời bằng ngôn ngữ viết. Kiểm tra viết thường được thông báo trước để học sinh chuẩn bị. Số lượng câu hỏi, mức độ khó trong yêu cầu của mỗi câu hỏi thuộc bài kiểm tra viết phải được căn cứ vào thời gian làm bài và trình độ chung của tất cả học sinh, phù hợp với những yêu cầu cần đạt về kiến thức, kĩ năng.

– Đối với học sinh khuyết tật để viết được một bài văn rất khó khăn. Vì thế khi soạn một đề kiểm tra viết cần làm rõ các yêu cầu về thể loại bài học sinh sẽ phải viết, nội dung, kiến thức, kĩ năng (giới hạn số lượng câu hỏi, phạm vi, mức độ kiến thức, kĩ năng trong mỗi câu hỏi), độ khó của câu hỏi, thậm chí cần giới hạn cả số lượng từ ngữ, câu, đoạn (độ dài văn bản) nếu muốn tăng cường sự chính xác.

Ví dụ:

– Hãy liệt kê các chi tiết cần thiết để xây dựng cốt truyện "*Thánh Gióng*".

+ Mục đích kiểm tra

• Kiểm tra năng lực ghi nhớ và viết lại chính xác những chi tiết cơ bản nhất (cốt truyện) của một văn bản vừa được học.

+ Yêu cầu về kĩ năng

• Biết cách tóm lược các ý chính của truyện Thánh Gióng.

• Diễn đạt ý chính xác, mạch lạc.

+ Hình thức và thời gian kiểm tra

• Viết bài tại lớp, thời gian 10 phút (tuỳ theo năng lực của đối tượng học sinh mà thời gian có thể lâu hơn).

+ Lập biểu điểm, hướng dẫn thực hiện và cho điểm

• Tóm lược được các ý chính của truyện Thánh Gióng (8 điểm).

• Diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi dùng từ đặt câu, ý chính xác, mạch lạc, có trình tự như trong truyện (2 điểm).

– Hiện nay hình thức kiểm tra trắc nghiệm khách quan được sử dụng phổ biến trong giờ văn. Đối với đối tượng học sinh khuyết tật trắc nghiệm có thể đi từ dễ đến khó. Mới đầu có thể cho học sinh làm quen với loại câu hỏi trắc nghiệm đúng – sai: Loại câu hỏi này chỉ có hai lựa chọn là đúng hoặc sai do

đó học sinh có thể trả lời dựa vào việc học thuộc hoặc nhớ mà không cần hiểu thấu đáo những nội dung câu hỏi nêu ra. Khi trình độ năng lực của học sinh khá hơn thì mới sử dụng loại câu hỏi trắc nghiệm có nhiều lựa chọn, câu hỏi trắc nghiệm so sánh cặp đôi, câu hỏi điền khuyết, câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn. Tuy nhiên, dù sử dụng dạng câu hỏi trắc nghiệm nào, giáo viên cũng vừa dựa trên năng lực, trình độ cụ thể của học sinh trong lớp để giúp học sinh làm quen dần với những hình thức kiểm tra khác nhau, sao cho không có sự cách biệt quá lớn giữa học sinh khuyết tật với những học sinh bình thường khác.

C.2. Đánh giá kết quả học tập môn Toán

– Cải tiến để nâng cao chất lượng các cách thức kiểm tra truyền thống (kiểm tra miệng, viết, câu hỏi, bài tập tự luận) đồng thời tìm hiểu và áp dụng các hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi đúng – sai, câu hỏi nhiều lựa chọn, câu điền khuyết, câu ghép đôi...).

– Tạo điều kiện cho học sinh được tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. Chẳng hạn, cho học sinh thảo luận hoặc nhận xét về bài tập của bạn, của nhóm bạn; sử dụng hình thức kiểm tra "trò – trò". Đối với học sinh khuyết tật giáo viên cần tăng cường cho các học sinh hỏi để học sinh khá trả lời (với cách này, các học sinh không còn là người thụ động trả lời câu hỏi mà là người chủ động đặt câu hỏi. Điều đó kích thích hứng thú và tăng lòng tự tin trong học tập của các học sinh. Mặt khác, để có được các câu hỏi hay và thích hợp các học sinh phải nắm vững bài. Điều đó kích thích sự nỗ lực vươn lên của các học sinh).

– Tăng cường đưa ra các nhận xét thích hợp cho câu trả lời hoặc bài làm của học sinh.

– Khi biên soạn hoặc chuẩn bị các câu hỏi bài tập cho đối tượng học sinh khuyết tật, giáo viên cần lưu ý những điểm sau:

+ Câu hỏi và bài tập cần được diễn đạt rõ ràng, chính xác và chỉ có một cách hiểu duy nhất.

+ Câu hỏi và bài tập phải phù hợp với yêu cầu cần đạt theo quy định.

– Trong bộ chuẩn kiến thức, kĩ năng có đề cập đến ba mức độ nhận thức từ thấp đến cao là biết; hiểu; vận dụng. Giáo viên có thể tham khảo các mức độ trên như sau:

+ *Biết:* chủ yếu là "nhận ra", "nhớ được", "xác định được" các sự kiện, thông tin, khái niệm, tính chất, định lí,... các động từ thể hiện trình độ "biết"

có thể là: biết (được), nhận biết (được), xác định (được),... có thể sử dụng các trạng từ kèm theo như "bước đầu", "ban đầu" (tuỳ theo ngữ cảnh).

+ *Hiểu:* Bao gồm biết nhưng ở mức độ cao hơn trí nhớ, nó liên quan đến ý nghĩa và các mối liên hệ của những gì học sinh đã học. Chủ yếu là "giải thích được", "phân tích được" (điều nào là phù hợp hay không phù hợp), "chứng minh được" các động từ thể hiện trình độ "hiểu" có thể là: "giải thích" (được), 'chứng minh" (được), "sắp đặt lại" (được), "minh hoạ" (được) ;...

+ *Vận dụng:* Chủ yếu thể hiện ở những kiến thức liên quan đến "giải quyết vấn đề", học sinh phải lựa chọn và quyết định chọn những kiến thức nào và sử dụng như thế nào để "giải quyết vấn đề". Trình độ vận dụng thường gắn với những khả năng và thường diễn đạt như: Có khả năng giải những bài toán quen thuộc, có khả năng thực hiện những sự so sánh, có khả năng phân tích các dữ liệu...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Việt Nam

1. Bộ GDĐT, 183 băng hình dạy học hòa nhập cấp trung học cơ sở (2012), chương trình phát triển trung học cơ sở.
2. Bộ GDĐT, Báo cáo tổng kết dự án (2018), Dự án Giáo dục trẻ Điếc trước tuổi đến trường (viết tắt là IDEO).
3. Bộ y tế, 2014, Hướng dẫn phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ khuyết tật
4. Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ–TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ
5. Nguyễn Đức Hữu (2014) *Thực trạng và định hướng giáo dục trẻ khuyết tật ở Việt Nam giai đoạn 2015–2020*, Tạp chí giáo dục số đặc biệt tháng 8/2014, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Đức Minh (2008), *Giáo dục trẻ khiếm thị,* Nhà xuất bản giáo dục;
7. Phạm Minh Mục (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ khiếm thị,* Bộ Giáo dục và Đào tạo;
8. Phạm Minh Mục, Vương Hồng Tâm, Nguyễn Thị Kim Hoa, 2012, *Cẩm nang xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân cho trẻ có nhu cầu giáo dục đặc biệt,* NXB Giáo dục.
9. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), 2013, *Giáo trình giáo dục học*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.
10. Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2010), *Luật người khuyết tật*, thông qua ngày 17/06/2010.
11. Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam, (2016). *Luật trẻ em,* thông qua ngày 5/4/2016.
12. Quốc hội nước cộng hòa XHCN Việt Nam, (2019), *Luật giáo dục*, thông qua ngày 14/6/2019.
13. Quyết định số 338/QĐ–BGDĐT, ngày 30 tháng 01 năm 2018, ban hành Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018 – 2020 của ngành giáo dục.
14. Quyết định số 51/2002/QĐ–BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
15. Lê Văn Tạc (chủ biên), 2010, Quản lý giáo dục hòa nhập, NXB Phụ nữ.

16. Thông tư 03/2018/TT – BGD ĐT, ngày 28 tháng 1 năm 2018 về giáo dục hòa nhập người khuyết tật
17. Thông tư 58/2011/TT–BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.
18. Thông tư liên tịch số: 42/2013/TTLT–BGDĐT–BLĐTBXH–BTC, ngày 31 tháng 12 năm 2013 về Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.
19. Thông tư số 01/2019/TT–BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội: Quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.
20. Tổ chức lao động thế giới (2010), Hướng dẫn truyền thông về người khuyết tật, ISBN: 978 – 92–2–824073 – 3 (print); 978 – 92–2–824074 – 0 (web pdf).
21. Nguyễn Quảng Uẩn (chủ biên), 2012, *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.
22. www.eenet.org.uk, *Tổ chức Nhịp cầu hy vọng Armenia và step by step và Key stone Moldva thực hiện dưới sự hỗ trợ của chương trình giáo dục đầu đời*, Tổ chức xã hội mở
23. Nguyễn Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thảo, Phạm Thị Bền, 2011, *Nhập môn Giáo dục đặc biệt*, NXB Giáo dục.

Tài liệu nước ngoài

1. Abedin, G. (2010). *Exploring the potential of art–based education for adolescents with learning disabilities: A case study of engagement in learning through the arts* (Doctoral dissertation).
2. American Psychiatric Association (2013), *Desk Reference to the Diagnostic Criteria from DSM – 5*, American Psychiatric Publishing, Wasington DC.
3. American Psychiatric Association (APA) (2013). *Diagnostic and statistical manual of mental disorders (DSM–5)*. American Psychiatric Pub.
4. David A. Kolb, (2015), *Experiential Learning: experience as the source of learning and development*, Englewood Cliffs, NJ: Prentice Hall;

5. Friend, M. (2008). Co–teach! A handbook for creating and sustaining effective partnerships in inclusive schools. Grensboro, NC: Marilyn Friend, Inc.
6. Gately, S.E. and Frank, F.J. (2001). Understanding co–teaching component. Teaching Exceptional Children, 33(4).
7. Graham, L., Bellert, A., & Pegg, J. (2007). Supporting students in the middle school years with learning difficulties in mathematics: Research into classroom practice. *Australasian Journal of Special Education*, *31*(2), 171–182.
8. McLeod, S., & McKinnon, D. H. (2010). Support required for primary and secondary students with communication disorders and/or other learning needs. *Child Language Teaching and Therapy*, *26*(2), 123–143.
9. Milne, I., & Rowe, G. (2002). Difficulties in learning and teaching programming—views of students and tutors. *Education and Information technologies*, *7*(1), 55–66.
10. Nick Bozic (1994), How should computers be used in the visual training of young visually impaired children; IOS Press, 334 – 337;
11. Taylor, G. (1997). Community building in schools: Developing a 'circle of friends.' Educational and Child Psychology, 14, 45–50.
12. Vianne Timmons, PhD Marlene Breitenbach, MSEd, BCBA Melissa MacIsaac, MEd(c), Educating Children about Autism in an Inclusive Classroom.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU
HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ KHUYẾT TẬT VẬN ĐỘNG

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên trẻ: … … … … … … … ……☐Nam ☐Nữ Ngày sinh: … … … … …
Thời điểm phát hiện khuyết tật: … … … … … … … … … … … …… … … … …
Nguyên nhân khuyết tật: …
Giấy xác nhận khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Hưởng chế độ người khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Kết luận của Hồ sơ y tế (nếu có): … … … … … … … … … … … … … … … … …
Địa chỉ gia đình: … … … … …… … … … … … … … … … … … … … … … … …

Người chăm sóc chính: ☐ Trẻ sống với cha mẹ ☐ Trẻ sống với cha hoặc mẹ ☐ Trẻ sống với họ hàng ☐ Trẻ sống với người bảo trợ ☐ Trẻ sống ở trại trẻ hoặc cơ sở từ thiện ☐ Trẻ ở hoàn cảnh khác Môi trường phát triển của trẻ: – Điều kiện gia đình: ☐ Nghèo (có sổ) ☐ Cận nghèo ☐ Bình thường – Mức độ quan tâm đến trẻ: ☐ Rất quan tâm ☐ Quan tâm ☐ Ít quan tâm	Tình trạng can thiệp và giáo dục: ☐ Được can thiệp ☐ Đang đi học *Hiện đang theo học* ☐ Mầm non Lớp: … … ☐ Tiểu học Lớp: … … ☐ Trung học cơ sở Lớp: … … ☐ Trung học phổ thông Lớp: … … Tên trường, điểm trường: … … …. … … … … … … … … … … … … ☐ Chưa được can thiệp sớm ☐ Chưa đi học ☐ Bỏ học

Nếu đang không đi học, lí do:
☐Chưa có chương trình can thiệp sớm ☐Được can thiệp nhưng không tiến bộ
☐ Trường không nhận ☐ Cha mẹ không cho đi học ☐ Kinh tế khó khăn
Lý do khác: .....
.....

B. NỘI DUNG

1. Cơ thể

Đầu và cổ: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường* .....

Thân mình: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường* .....

Chân: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường* .....

Cánh tay: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường* .....

Bàn tay và các ngón tay: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường* .....

Trẻ có bị liệt không?

☐ Không ☐ Có (*nếu có thì thuộc dạng liệt nào dưới đây*?)

☐ Liệt cứng ☐ Liệt mềm

☐ Liệt tay trái ☐ Liệt tay phải ☐ Liệt 2 tay

☐ Liệt chân trái ☐ Liệt chân phải ☐ Liệt 2 chân

☐ Liệt 1/ 2 thân ☐ Liệt toàn thân

2. Vận động thô

STT	*Khả năng của trẻ*	*Bình thường*	*Không được*	*Khó khăn*	*Mô tả khó khăn*
2.1	Cử động cổ				
2.2	Cử động thân mình				
2.3	Cử động tay				
2.4	Cử động chân				
2.5	Bò				
2.6	Ngồi				
2.7	Đứng				
2.8	Đi				

3. Vận động tinh

STT	*Khả năng của trẻ*	*Bình thường*	*Không được*	*Khó khăn*	*Mô tả khó khăn*
3.1	Nắm tay				
3.2	Cầm cốc uống nước bằng 1 tay				
3.3	Cầm bút chì hoặc sáp màu bằng 3 ngón tay để tô/vẽ				
3.4	Cầm kéo cắt được các đường cơ bản (đường thẳng, gấp khúc, cong) theo mẫu				
3.5	Tô lại chữ và số theo nét mờ				

4. Các lĩnh vực phát triển khác

4.1. *Nhận thức*: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn .....

.....

4.2. *Ngôn ngữ – giao tiếp*: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn .....

.....

4.3. *Hành vi – tính cách*: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường .....

.....

5. Tiếp cận can thiệp sớm, phục hồi chức năng:

☐ Chưa được can thiệp sớm, phục hồi chức năng

☐ Đã được can thiệp sớm, phục hồi chức năng tại .....

.....

☐ Đang được can thiệp sớm, phục hồi chức năng tại .....

.....

6. Dụng cụ trợ giúp PHCN, sinh hoạt và học tập cần thiết hiện có:.....

.....

C. KẾT LUẬN

Khả năng của trẻ: .....

Khó khăn của trẻ: .....

Mức độ khó khăn về vận động:

☐ Vận động khó khăn hơn trẻ cùng lứa tuổi nhưng không cần dụng cụ trợ giúp

☐ Chỉ thực hiện được vận động khi có dụng cụ trợ giúp

☐ Vận động phải có dụng cụ trợ giúp và luôn cần người giúp đỡ

☐ Không có khả năng vận động

Mô tả rõ hơn: .....

.....

Nhu cầu của trẻ

☐ Can thiệp sớm ☐ Hỗ trợ kỹ năng đặc thù

☐ Giáo dục hòa nhập ☐ Phục hồi chức năng

☐ Phương tiện trợ giúp đặc thù:

☐ Dụng cụ tập ☐ Dụng cụ trợ giúp di chuyển (ghi rõ)

☐ Dụng cụ trợ giúp sinh hoạt (ghi rõ) ☐ Dụng cụ trợ giúp học tập

....., ngày … … tháng … … năm 20…

Phụ lục 2.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU
HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ KHUYẾT TẬT NHÌN

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên trẻ: … … … … … … ☐Nam ☐Nữ Ngày sinh: … ….....… … … … ….
Thời điểm phát hiện khuyết tật: … … … … … … … … … … … …..… … … … …
Nguyên nhân khuyết tật: …
Giấy xác nhận khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Hưởng chế độ người khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Kết luận của Hồ sơ y tế (nếu có): … … … … … … … … … … … … … … … … …
Địa chỉ gia đình: … … … … ….… … … … … … … … … … … … … … … … … …

Người chăm sóc chính: ☐ Trẻ sống với cha mẹ ☐ Trẻ sống với cha hoặc mẹ ☐ Trẻ sống với họ hàng ☐ Trẻ sống với người bảo trợ ☐ Trẻ sống ở trại trẻ hoặc cơ sở từ thiện ☐ Trẻ ở hoàn cảnh khác Môi trường phát triển của trẻ: – Điều kiện gia đình: ☐ Nghèo (có sổ) ☐ Cận nghèo ☐ Bình thường – Mức độ quan tâm đến trẻ: ☐ Rất quan tâm ☐ Quan tâm ☐ Ít quan tâm	Tình trạng can thiệp và giáo dục: ☐ Được can thiệp ☐ Đang đi học *Hiện đang theo học* ☐ Mầm non Lớp: … … ☐ Tiểu học Lớp: … … ☐ Trung học cơ sở Lớp: … … ☐ Trung học phổ thông Lớp: … … Tên trường, điểm trường: … … … … … … … … … … … … … … … … … ☐ Chưa được can thiệp sớm ☐ Chưa đi học ☐ Bỏ học

Nếu đang không đi học, lí do:
☐Chưa có chương trình can thiệp sớm ☐Được can thiệp nhưng không tiến bộ
☐ Trường không nhận ☐ Cha mẹ không cho đi học ☐ Kinh tế khó khăn
Lý do khác: .....
.....
.....
.....

Thông tin y tế:

□ Chưa khám mắt □ Đã khám mắt Cụ thể: .....

□ Chưa chữa trị □ Đã chữa trị Cụ thể: .....

□ Chưa phẫu thuật □ Đã phẫu thuật Cụ thể: .....

B. NỘI DUNG

1. Về thể chất

Thể chất: □ *Bình thường* □ *Không bình thường* … … … … … … …

Khả năng vận động: □ *Bình thường* □ *Không bình thường* … … … … … … …

2. Về thị giác, thị lực, thị trường

2.1. Thị giác

Hình dạng của mắt: □ *Bình thường* □ *Không bình thường*

Nếu không bình thường thì biểu hiện của mắt:

□ Không có mắt	□ Mù một mắt hoặc hai mắt	□ Thiếu một hoặc hai mắt
□ Quá nhiều tròng trắng	□ Sụp mi	□ Cầu mắt lồi
□ Mắt to, mắt bé	□ Hẹp khe mi	□ Cầu mắt lõm
□ Rung giật nhãn cầu	□ Lác	□ Đục thủy tinh thể
□ Quặm	□ Bị dị tật hoặc biến dạng ở vùng mắt	□ Khác: … … … … …. … … … … … … … …….

2.2. Thị lực:

□ Không cần kính □ Đã có kính trợ thị □ Chưa có kính trợ thị Lý do:.....

Thị lực không kính: Mắt phải … … Mắt trái … … 2 mắt ……..

Thị lực có kính: Mắt phải … … Mắt trái … … 2 mắt ……..

2.3. Thị trường:

Thị trường bị thu hẹp: □ Không □ Có

Nếu có: □ Trái □ Phải □ Trên □ Dưới □ Trung tâm □ Ngoại biên

2.4. Phản xạ với ánh sáng và màu sắc:

Sợ ánh sáng chói	□ Có	□ Không	Nhận biết sáng tối	□ Có	□ Không
Thích ánh sáng	□ Trong nhà	□ Ngoài trời	Nhận biết màu sắc	□ Có	□ Không

3. Về khả năng định hướng – di chuyển

3.1. Khả năng định hướng:

Phải, trái	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK	Trước, sau	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK
Trên, dưới	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK	Trong, ngoài	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK

3.2. Khả năng tự di chuyển trong các môi trường khác nhau:

Trong nhà	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK	Trong lớp	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK
Trong khu xóm	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK	Trong trường	□ BT	□ Khó khăn	□ RKK

4. Về xúc giác (dành cho trẻ mù)

Tay đổ mồ hôi	□ Không	□ Có	Nếu có, ghi cụ thể:
Khuyết ngón tay	□ Không	□ Có	Nếu có, là ngón nào?
Thừa ngón tay	□ Không	□ Có	Nếu có, là ngón nào?
Đầu ngón tay bị ráp	□ Không	□ Có	Nếu có, là ngón nào?
Cử động tay	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:
Cảm giác lồi, lõm	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:
Cảm giác trơn nhẵn, sần sùi	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:
Ngón trỏ phải sờ nhận biết tổ hợp chấm nổi	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:
Ngón trỏ trái sờ nhận biết tổ hợp chấm nổi	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:
Sờ nhận biết các hình cơ bản	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:
Sờ nhận biết các vật quen thuộc	□ Có	□ Không	Nếu không, ghi cụ thể:

5. Chuyển động của mắt (dành cho trẻ nhìn kém)

	Bình thường	***Khó khăn***	***Không làm được***	***Ghi chú***
Nhìn chăm chú				
Đưa mắt				
Chuyển tầm nhìn				
Đổi chỗ nhìn cố định				

6. Nhận biết chi tiết (dành cho trẻ nhìn kém)

	Bình thường	***Khó khăn***	***Không làm được***	***Ghi chú***
Nhận biết hành động				
Nhận biết nét mặt				
Sắp xếp theo kích cỡ				
Nhận biết nội dung tranh/ ảnh				
Nhận biết chi tiết trong tranh/ ảnh				
Ghép số				
Ghép hình				

7. Phối hợp tay mắt (dành cho trẻ nhìn kém)

	Bình thường	***Khó khăn***	***Không làm được***	***Ghi chú***
Di tay/ bút theo đường viền				
Tô theo nét đứt				
Tô màu				
Xâu hạt				
Xếp hình				

8. Những vấn đề phát triển khác

8.1. Về thính giác: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường (ghi cụ thể)

.....

.....

8.2. Về ngôn ngữ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường (ghi cụ thể)

.....

.....

8.3. Về nhận thức: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường (ghi cụ thể)

.....

.....

8.4. Về khả năng tự phục vụ: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường (ghi cụ thể)

.....

.....

C. KẾT LUẬN

1. Khả năng của trẻ:.....

2. Có khiếm thị hay không? □ Có □ Không

Mức độ khiếm khuyết thị giác:

□ Có khuyết tật cơ quan thị giác nhưng không ảnh hưởng đến chức năng nhìn

□ Nhìn kém

□ Nhìn quá kém

□ Mù

Mô tả chi tiết: .....

3. Nhu cầu hỗ trợ

□ Can thiệp sớm

□ Hỗ trợ kỹ năng đặc thù

□ Định hướng di chuyển □ Kĩ năng Braille □ Khác (ghi rõ) … … … … ……

□ Giáo dục hòa nhập

□ Phục hồi chức năng

□ Phương tiện trợ giúp đặc thù:

□ Kính □ Chữ nổi □ Sách phóng to □ Công nghệ thông tin (Phần mềm...)

□ Khác *(ghi rõ)*.....

.....

.....

.....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20…

Phụ lục 3.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU
HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ KHUYẾT TẬT NGHE

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên trẻ: … … … … … … … ☐Nam ☐Nữ Ngày sinh: … … … … … ……..
Thời điểm phát hiện khuyết tật: … … … … … … … … … … … … … … … … ……..
Nguyên nhân khuyết tật: ….
Giấy xác nhận khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Hưởng chế độ người khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Kết luận của Hồ sơ y tế (nếu có): … … … … … … … … … … … … … … … … …
Địa chỉ gia đình: … … … … …..… … … … … … … … … … … … … … … … … …

Người chăm sóc chính: ☐ Trẻ sống với cha mẹ ☐ Trẻ sống với cha hoặc mẹ ☐ Trẻ sống với họ hàng ☐ Trẻ sống với người bảo trợ ☐ Trẻ sống ở trại trẻ hoặc cơ sở từ thiện ☐ Trẻ ở hoàn cảnh khác Môi trường phát triển của trẻ: – Điều kiện gia đình: ☐ Nghèo (có sổ) ☐ Cận nghèo ☐ Bình thường – Mức độ quan tâm đến trẻ: ☐ Rất quan tâm ☐ Quan tâm ☐ Ít quan tâm	Tình trạng can thiệp và giáo dục: ☐ Được can thiệp ☐ Đang đi học *Hiện đang theo học* ☐ Mầm non Lớp: … … ☐ Tiểu học Lớp: … … ☐ Trung học cơ sở Lớp: … … ☐ Trung học phổ thông Lớp: … … Tên trường, điểm trường: … … … … … … … … … … … … … … … … … ☐ Chưa được can thiệp sớm ☐ Chưa đi học ☐ Bỏ học

Nếu đang không đi học, lí do:

☐ Chưa có chương trình can thiệp sớm ☐ Được can thiệp nhưng không tiến bộ
☐ Trường không nhận ☐ Cha mẹ không cho đi học ☐ Kinh tế khó khăn
Lý do khác: .....
.....
.....

B. NỘI DUNG

1. Về thể chất: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường ... ...

2. Về cấu trúc tai và khả năng nghe

Khiếm khuyết, dị dạng vành tai hoặc ống tai ngoài: ☐ Có ☐ Không

Nghe được Tiếng nói	Tai phải		Tai trái	
	Có	*Không*	*Có*	*Không*
Nói bình thường cách tai 1m				
Nói bình thường sát tai				
Nói to cách tai 1m				
Nói to sát tai				
Nói thầm sát tai				

3. Khả năng ngôn ngữ – giao tiếp

3.1. Cơ quan cấu âm

	Bình thường	*Không bình thường*	*Ghi chú*
Lưỡi			
Môi			
Khác			

3.2. Giọng: ☐ Bình thường ☐ Khàn ☐ Thé ☐ Mũi ☐ Không có giọng

Ghi chú:.....

3.3. Khả năng bắt chước lời nói:

Nội dung	Khả năng bắt chước lời nói			
	Không thực hiện được	*Kém*	*Bình thường*	*Tốt*
Nguyên âm				
Phụ âm				
Từ 1 tiếng				
Từ 2 tiếng				
Câu ngắn				
Câu dài				

Ghi chú:.....

.....

.....

3.4 Khả năng đọc hiểu hình miệng:

Nội dung	**Khả năng đọc hiểu hình miệng**			
	Không thực hiện được	***Kém***	***Bình thường***	***Tốt***
Nguyên âm				
Phụ âm				
Từ 1 tiếng				
Từ 2 tiếng				
Câu ngắn				
Câu dài				

Ghi chú:.....

3.5. Khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói:

Nội dung	**Khả năng hiểu lời nói của trẻ**				**Khả năng biểu đạt lời nói của trẻ**			
	Không hiểu	***Hiểu kém***	***Bình thường***	***Hiểu tốt***	***Không thực hiện được***	***Kém***	***Bình thường***	***Tốt***
Từ 1 tiếng								
Từ 2 tiếng								
Câu ngắn								
Câu dài								

Ghi chú:.....

3.6. Khả năng giao tiếp bằng kí hiệu:

Nội dung	**Khả năng hiểu kí hiệu của trẻ**		**Khả năng sử dụng kí hiệu của trẻ**	
Không thực hiện được				
Rất kém				
Kém				
Bình thường				
Tốt				

Ghi chú:.....

.....

4. Khả năng nhận thức: □Kém □Tốt □ Bình thường

Ghi chú:.....

.....

.....

C. KẾT LUẬN

1) Trẻ có biểu hiện khiếm thính: ☐ Có ☐ Không

2) Mức độ: ☐ Nhẹ ☐ Vừa ☐ Nặng

3) Khó khăn của trẻ: ……

……

4) Khả năng của trẻ: ……

……

5) Nhu cầu hỗ trợ

☐ Can thiệp sớm

☐ Hỗ trợ kỹ năng đặc thù

☐ Giáo dục hòa nhập

☐ Máy trợ thính

☐ Ngôn ngữ kí hiệu

☐ Khác: ……

……

……

……, ngày …… tháng…… năm 20…

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHUYẾT TẬT NGHE (12 – 16 tuổi)

1. Mục đích

Phiếu đánh giá khả năng và nhu cầu trẻ khiếm thính được sử dụng nhằm đánh giá sơ bộ khả năng nghe – ngôn ngữ – giao tiếp của trẻ khiếm thính (12 – 16 tuổi) và nhu cầu luyện nghe, phát triển ngôn ngữ – giao tiếp của các trẻ này.

2. Đối tượng sử dụng phiếu đánh giá

Đối *tượng* sử dụng phiếu này chủ yếu là giáo viên chủ nhiệm, giáo viên giáo dục đặc biệt hoặc người có chuyên môn về giáo dục trẻ khiếm thính.

3. Cách thu thập thông tin

Cách thu thập *thông* tin được tiến hành thông qua quan sát, trò chuyện, nghiên cứu các hành vi và hoạt động ngôn ngữ, giao tiếp với trẻ.

Phần *Ghi chú được* sử dụng để mô tả cụ thể, chi tiết các thông tin về khả năng và nhu cầu của trẻ.

4. Căn cứ để đưa ra kết luận trẻ có biểu hiện khiếm thính

Đưa ra kết luận trẻ có biểu hiện khiếm thính khi xem xét tổng hợp các vấn đề sau:

– Khiếm khuyết, dị dạng *vành* tai hoặc ống tai ngoài làm cho trẻ nghe kém hoặc không nghe được;

– Trẻ không có phản xạ hoặc không giật mình khi nghe âm thanh lớn;

– Trẻ không có phản ứng khi *người* lớn hỏi, gọi hoặc chỉ đáp ứng trước các âm thanh có cường độ lớn;

– Trẻ nghe kém, chỉ nghe được sau khi người đối diện nhắc lại nhiều lần;

– Không phát ra được âm thanh, lời nói, hoặc phát ra âm thanh, lời nói nhưng người nghe không thể hiểu được.

Phụ lục 4.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU
HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ KHUYẾT TẬT NÓI

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên trẻ: … … … … … … … … …. ☐Nam ☐Nữ Ngày sinh: … … … … … ….
Thời điểm phát hiện khuyết tật: … … … … … … … … … … … … … … … … … …
Nguyên nhân khuyết tật: …
Giấy xác nhận khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Hưởng chế độ người khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Kết luận của Hồ sơ y tế (nếu có): … … … … … … … … … … … … … … … … …
Địa chỉ gia đình: …

Người chăm sóc chính: ☐ Trẻ sống với cha mẹ ☐ Trẻ sống với cha hoặc mẹ ☐ Trẻ sống với họ hàng ☐ Trẻ sống với người bảo trợ ☐ Trẻ sống ở trại trẻ hoặc cơ sở từ thiện ☐ Trẻ ở hoàn cảnh khác Môi trường phát triển của trẻ: – Điều kiện gia đình: ☐ Nghèo (có sổ) ☐ Cận nghèo ☐ Bình thường – Mức độ quan tâm đến trẻ: ☐ Rất quan tâm ☐ Quan tâm ☐ Ít quan tâm	Tình trạng can thiệp và giáo dục: ☐ Được can thiệp ☐ Đang đi học *Hiện đang theo học* ☐ Mầm non Lớp: … … ☐ Tiểu học Lớp: … … ☐ Trung học cơ sở Lớp: … … ☐ Trung học phổ thông Lớp: … … Tên trường, điểm trường: … … … … … … … … … … … … … … … … ☐ Chưa được can thiệp sớm ☐ Chưa đi học ☐ Bỏ học

Nếu đang không đi học, lí do:
☐ Chưa có chương trình can thiệp sớm ☐ Được can thiệp nhưng không tiến bộ
☐ Trường không nhận ☐ Cha mẹ không cho đi học ☐ Kinh tế khó khăn
Lý do khác: .....
.....
.....
.....

B. NỘI DUNG

1. Tình trạng sức khỏe và khuyết tật

– Thể lực: ☐ *Bình thường* ☐ *Yếu*

– Cơ quan thính giác (tai): ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường*

– Cấu trúc cơ thể: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường*

– Trí tuệ: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường*

– Đặc điểm của cơ quan phát âm (cấu tạo và vận động):

+ Cơ quan phát âm (môi, răng, lưỡi, lợi, hàm...): ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường*

+ Vận động của cơ quan phát âm: ☐ *Bình thường* ☐ *Không bình thường*

+ Hô hấp: ☐ *Bình thường* ☐ *Thở khó*

2. Phát triển ngôn ngữ – giao tiếp

2.1. Khả năng nghe hiểu

– Lắng nghe, chú ý người khác nói: ☐ Có ☐ Không

– Hiểu hầu hết lời người khác nói: ☐ Có ☐ Không

– Hiểu thái độ, cử chỉ, điệu bộ người khác: ☐ Có ☐ Không

2.2. Khả năng giao tiếp

– Nhu cầu giao tiếp: ☐ *Bình thường* ☐ *Ít* ☐ *Rất ít*

– Vốn từ (phù hợp độ tuổi): ☐ *Bình thường* ☐ *Ít* ☐ *Rất ít*

– Nói câu: ☐ *Đúng* ☐ *Sai ít* ☐ *Sai nhiều*

– Độ dễ hiểu của lời nói: ☐ *Dễ hiểu* ☐ *Khó hiểu* ☐ *Không thể hiểu*

– Giao tiếp thay thế (bằng kí hiệu, tranh ảnh, chữ viết): ☐ *Có* ☐ *Ít* ☐ *Không*

2.3. Đặc điểm lời nói

– Phát âm:	☐ Bình thường	☐ Sai ít	☐ Sai nhiều		
– Giọng nói:	☐ Bình thường	☐ Khàn	☐ Thé	☐ Mũi	☐ Không có giọng
– Độ lưu loát của lời nói:	☐ Bình thường	☐ Nhát gừng	☐ Nói lắp	☐ Nói khó	☐ Không nói được

C. KẾT LUẬN

1. Khuyết tật ngôn ngữ – giao tiếp: ☐ Có ☐ Không

2. Dạng khuyết tật ngôn ngữ – giao tiếp:

☐ Nói gọng ☐ Nói lắp ☐ Nói khó ☐ Mất ngôn ngữ

☐ Câm (không điếc) ☐ Chậm nói ☐ Sai giọng (rối loạn giọng kéo dài)

3. Mức độ khuyết tật ngôn ngữ – giao tiếp

☐ Bình thường *(Khả năng ngôn ngữ, giao tiếp bình thường)*

☐ Nhẹ *(Khả năng ngôn ngữ, giao tiếp kém)*

☐ Nặng *(Khả năng ngôn ngữ, giao tiếp rất khó khăn)*

☐ Đặc biệt nặng *(Không thể thực hiện ngôn ngữ, giao tiếp)*

Mô tả chi tiết: .....

.....

4. Khả năng của trẻ: .....

.....

5. Nhu cầu hỗ trợ

☐ Can thiệp sớm ☐ Giáo dục hòa nhập

☐ Hỗ trợ kỹ năng đặc thù ☐ Phục hồi chức năng

☐ Khác *(ghi rõ):* .....

.....

… …., ngày ..... tháng ..... năm 20…

Người điền phiếu

(ký, họ tên)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRẺ KHUYẾT TẬT NÓI (12– 16 tuổi)

1. Mục đích

Phiếu đánh giá khả năng và nhu cầu trẻ khuyết tật ngôn ngữ–giao tiếp được sử dụng nhằm đánh giá sơ bộ khả năng ngôn ngữ – giao tiếp của trẻ (12 – 16 tuổi) và nhu cầu giáo dục ngôn ngữ – giao tiếp của các trẻ này.

2. Các nội dung đánh giá

Các nội dung đánh giá gồm:

– Ngôn ngữ

– Lời nói

– Giao tiếp

Từ đó làm cơ sở cho việc đưa ra các kết luận về khả năng và nhu cầu giáo dục của trẻ khuyết tật ngôn ngữ – giao tiếp.

3. Đối tượng sử dụng phiếu đánh giá

Đối tượng sử dụng phiếu này chủ yếu là giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn Tiếng Việt, giáo viên giáo dục đặc biệt hoặc nhân viên hỗ trợ giáo dục hòa nhập (là người hiểu trẻ nhất và thường xuyên tiếp xúc với trẻ).

4. Cách thu thập thông tin

Cách thu thập thông tin được tiến hành thông qua quan sát, trò chuyện hoặc nghiên cứu các hành vi và hoạt động giao tiếp hằng ngày với trẻ.

5. Căn cứ để đưa ra kết luận trẻ khuyết tật ngôn ngữ – giao tiếp

Đưa ra kết luận trẻ khuyết tật ngôn ngữ – giao tiếp khi:

– Tình trạng sức khỏe của trẻ ảnh hưởng lớn đến khả năng ngôn ngữ – giao tiếp của trẻ;

– Hoặc trẻ không có khả năng nghe – hiểu ngôn ngữ – giao tiếp; không thực hiện được hoặc thực hiện được rất ít kĩ năng giao tiếp.

– Hoặc trẻ không thực hiện được hoặc thực hiện được rất ít kĩ năng nói./.

Phụ lục 5.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU
HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên trẻ: … … … … … … … … ☐Nam ☐Nữ Ngày sinh: … ….....… … … ….
Thời điểm phát hiện khuyết tật: … … … … … … … … … … … … … … … … … … …
Nguyên nhân khuyết tật: …
Giấy xác nhận khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Hưởng chế độ người khuyết tật: ☐ Có ☐ Không
Kết luận của Hồ sơ y tế (nếu có): … … … … … … … … … … … … … … … … … ….
Địa chỉ gia đình: …

Người chăm sóc chính: ☐ Trẻ sống với cha mẹ ☐ Trẻ sống với cha hoặc mẹ ☐ Trẻ sống với họ hàng ☐ Trẻ sống với người bảo trợ ☐ Trẻ sống ở trại trẻ hoặc cơ sở từ thiện ☐ Trẻ ở hoàn cảnh khác Môi trường phát triển của trẻ: – Điều kiện gia đình: ☐ Nghèo (có sổ) ☐ Cận nghèo ☐ Bình thường – Mức độ quan tâm đến trẻ: ☐ Rất quan tâm ☐ Quan tâm ☐ Ít quan tâm	Tình trạng can thiệp và giáo dục: ☐ Được can thiệp ☐ Đang đi học *Hiện đang theo học* ☐ Mầm non Lớp: … … ☐ Tiểu học Lớp: … … ☐ Trung học cơ sở Lớp: … … ☐ Trung học phổ thông Lớp: … … Tên trường, điểm trường: … … … … … … … … … … … … … … … … … ☐ Chưa được can thiệp sớm ☐ Chưa đi học ☐ Bỏ học

Nếu đang không đi học, lí do:
☐ Chưa có chương trình can thiệp sớm ☐ Được can thiệp nhưng không tiến bộ
☐ Trường không nhận ☐ Cha mẹ không cho đi học ☐ Kinh tế khó khăn
Lý do khác: .....
.....
.....
.....

Thông tin y tế:

☐ Chưa khám ☐ Đã khám Cụ thể:.....

☐ Chưa chữa trị ☐ Đã chữa trị Cụ thể:.....

☐ Chưa phẫu thuật ☐ Đã phẫu thuật Cụ thể:.....

B. NỘI DUNG

1. Về thể chất: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

– Vận động: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn

– Sức khoẻ: ☐ Tốt ☐ Trung bình ☐ Yếu

Những đặc điểm khác: (dị dạng, nhỏ bé, suy dinh dưỡng...) .....

.....

2. Ngôn ngữ/giao tiếp

– Vốn từ: ☐ Nhiều ☐ Trung bình ☐ Ít ☐ Không có

– Ngôn ngữ diễn đạt:

Không nói được ☐ Nhại lời ☐ Nói nhảm

Nói được: ☐ Từ ☐ Câu đơn ☐ Câu phức

Hình thức giao tiếp chủ yếu: ☐ Nói ☐ Viết ☐ Cử chỉ ☐ Tranh ảnh

Thái độ giao tiếp: ☐Chủ động ☐Hợp tác ☐Vụng về ☐Thụ động ☐Thờ ơ ☐Lảng tránh

3. Tri giác

– Nghe:

☐ Đang đeo máy trợ thính

☐ Nghe rõ không khó khăn gì

☐ Nghe hơi khó khăn

☐ Nghe rất khó khăn

☐ Không nghe thấy gì

– Nhìn:

☐ Đang đeo kính

☐ Nhìn rõ không khó khăn gì

☐ Nhìn hơi khó khăn

☐ Nhìn rất khó khăn

☐ Không nhìn thấy gì

4. Nhận thức / học tập:

– Nhận biết các khái niệm cơ bản

Phân biệt thời gian: ☐ Ngày/☐ Đêm ☐ Sáng/☐ Trưa ☐ Chiều/☐ Tối

Xem được giờ: ☐ Giờ chẵn ☐ Giờ lẻ 15, 30 phút ☐ Giờ lẻ đến 5 phút

Phân biệt kích thước: ☐ Dài/ ☐ Ngắn ☐ Cao/ ☐ Thấp

Phân biệt độ lớn: ☐ To/ ☐ Nhỏ ☐ Dầy/ ☐ Mỏng

Phân biệt không gian: ☐Trên/☐Dưới; ☐Trước/☐Sau;
☐Trong/☐Ngoài; ☐Phải/☐Trái
Phân biệt trọng lượng: ☐ Nặng/ ☐ Nhẹ
Phân biệt số lượng: ☐ Nhiều/ ☐ Ít
Nhận biết các hình: ☐Hình tròn ☐Tam giác ☐Hình vuông ☐Hình khối
Nhận biết màu sắc: ☐ Vàng ☐ Xanh ☐ Đỏ ☐ Tím ☐ Đen ☐ Trắng

– *Tính toán*

☐ Không hiểu biết gì về các con số và tính toán

☐ Đếm trơn được đến

☐ Đếm số lượng nhóm đồ vật đến

☐ Nhận biết các chữ số và đặt vào nhóm đồ vật có số lượng tương ứng

☐ Thêm bớt vào nhóm đồ vật

☐ Thực hiện phép tính cộng, trừ đơn giản không nhớ

☐ Thực hiện phép tính cộng trừ có nhớ

☐ Thực hiện các phép tính nhân chia không nhó (số tự nhiên)

☐ Thực hiện các phép tính nhân chia có nhớ (số tự nhiên)

☐ Thực hiện các phép tính cơ bản với phân số và số thập phân

– *Đọc hiểu*

☐ Không biết đọc

☐ Đọc được các chữ cái

☐ Đọc được từ đơn

☐ Đọc được các bảng tín hiệu

☐ Đọc hiểu câu ngắn

☐ Đọc hiểu đoạn văn hoặc bài thơ ngắn

– *Viết*

☐ Không viết được chữ gì cả

☐ Viết được các chữ cái

☐ Viết được từ đơn

☐ Viết được câu ngắn nhìn chép

☐ Viết được khi nghe đọc

☐ Viết được một bức thư hoặc một câu chuyện ngắn (viết theo suy nghĩ của mình)

5. Các đặc điểm đặc trưng khác

– Trí nhớ:

Nhắc lại 5 từ: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn ☐ Không

Nhắc lại 10 từ: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn ☐ Không

Kể lại việc đã làm: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn ☐ Không

Kể lại chuyện đã nghe: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn ☐ Không

Nhớ vị trí của đồ vật: ☐ Bình thường ☐ Khó khăn ☐ Không

– Chú ý: ☐Bền vững/☐Không bền vững; ☐Tập trung/☐Không tập trung

– Hành vi/ tính cách: ☐ Bình thường ☐ Không bình thường

☐ Ngưỡng cảm giác khác thường

☐ Không thích người khác ôm, chạm vào mình

☐ Tự kích thích

☐ Làm đau người khác

☐ Hành vi rập khuôn khác thường

☐ Quan tâm quá mức tới một đồ vật, chủ đề, hoạt động

☐ Tương tác một cách không phù hợp với một đồ vật

☐ Hành vi chống đối

☐ Tăng động

☐ Không nhận biết và đề phòng nguy hiểm

☐ Buồn vui thất thất

☐ Né tránh các tình huống đòi bỏi sự tương tác xã hội

6. Khả năng tự phục vụ

Ăn, uống: ☐ Tự ăn, uống ☐ Cần trợ giúp

Vệ sinh cá nhân: ☐ Tự làm ☐ Cần trợ giúp

Mặc quần áo: ☐ Tự mặc ☐ Cần trợ giúp

C. KẾT LUẬN

1. Khả năng của trẻ:.....

.....

2. Có nghi ngờ khuyết tật trí tuệ: ☐ Có ☐ Không

Mô tả chi tiết: **:**.....

.....

.....

3. Nhu cầu hỗ trợ:

□ Can thiệp sớm

□ Hỗ trợ kỹ năng đặc thù

Kĩ năng tự phục vụ: .....

Kĩ năng xã hội: .....

Kĩ năng giao tiếp: .....

Kĩ năng quản lí hành vi: .....

Kĩ năng giới tính và bảo vệ bản thân: .....

Học liệu phù hợp khi tham gia học hoà nhập: .....

Dùng thuốc phù hợp:

□ Giáo dục hòa nhập

□ Phục hồi chức năng

□ Khác:.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm 20…

PHIẾU HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ KHUYẾT TẬT TRÍ TUỆ

A. Những thông tin cơ bản

Yêu cầu trao đổi với người chăm sóc (NCS) cho trẻ và điền đầy đủ những thông tin vào mục A theo trình tự: Tên, giới tính, ngày/tháng/năm sinh; thời gian phát hiện tật; nguyên nhân gây tật và địa chỉ liên lạc của trẻ.

B. Nội dung khảo sát

1. Về thể chất

Quan sát hình dáng bên ngoài khi trẻ nằm, ngồi, đi lại, chạy nhảy và trao đổi với NCS về chiều cao, cân nặng và tình trạng sức khoẻ để điền những thông tin còn bỏ trống.

2. Ngôn ngữ/ giao tiếp

Trao đổi với NCS hoặc giáo viên để điền những thông tin còn bỏ trống hoặc tích dấu x vào ô trống

– Nhại lời: Nhắc lại lời người khác vừa nói.

– Nói nhảm: Nói linh tinh không rõ từ hoặc nói những thứ không liên quan đến chủ đề giao tiếp

3. Tri giác

Quan sát hoặc trao đổi với NCS để điền những thông tin còn bỏ trống.

4. Nhận thức học tập

Trao đổi với NCS hoặc giáo viên để điền những thông tin còn bỏ trống hoặc tích dấu x vào ô trống

5. Các đặc điểm đặc trưng khác

Trao đổi với NCS hoặc giáo viên để điền những thông tin còn bỏ trống hoặc tích dấu x vào ô trống

Các khái niệm cần làm rõ:

– Hành vi/ tính cách:

+ Ngưỡng cảm giác khác thường: Chỉ cần chạm nhẹ cũng có thể khiến trẻ đau hoặc sợ hãi; hoặc có thể phải cấu thật mạnh trẻ mới thấy đau; hoặc có trường hợp không thấy trẻ kêu đau khi bị cấu mạnh; hoặc chân tay bị va đập chảy máu nhưng trẻ không thấy đau, không kêu đau…

+ Tự kích thích: Trẻ có thể có những biểu hiện như: ghì tay vào sát mắt để nhìn, búng ngón tay, xoay tròn người, đung đưa lắc lư người từ trước ra sau,…

+ Làm đau người khác: Trẻ thích đánh hoặc cấu hoặc giật tóc người khác làm người khác bị đau

– *Hành vi* rập *khuôn khác thường*

+ Quan tâm quá mức tới một đồ vật, chủ đề, hoạt động: trẻ chỉ thích một loại đồ chơi/đồ vật, chỉ thích nói về một chủ đề ví dụ như tàu hỏa, trẻ nói liên tục mà không quan tâm người khác đang làm gì.

+ Tương tác một cách không phù hợp với một đồ vật: cho đồ vật vào miệng, ném đồ vật hoặc chơi không đúng chức năng của đồ vật. Ví dụ: chỉ thích lật ngửa ô tô lên và xoay tròn bánh xe.

– *Hành vi chống đối:*

+ Không thực hiện các yêu cầu của người khác và có hành vi la hét nếu người khác yêu cầu thực hiện nhiều lần.

+ Tăng động: Không ngồi yên được một chỗ, trẻ luôn tay luôn chân như cơ thể được gắn động cơ, trẻ buột miệng nói khi người khác chưa nói xong…

+ Không nhận biết và đề phòng nguy hiểm: Trẻ thích nhảy vào những chỗ có nước (ao, hồ, song, suối), không sợ độ cao và hay bị ngã từ trên cao…

+ Buồn vui thất thường: trẻ cười khóc mà không có lí do.

+ Né tránh các tình huống đòi hỏi sự tương tác xã hội: Không hoặc rất hạn chế giao tiếp mắt, không muốn tham gia vào các hoạt động nhóm đ.ặc biệt trong hoạt động vui chơi cùng bạn.

6. Khả năng tự phục vụ

Trao đổi với NCS hoặc giáo viên để điền dấu x vào ô trống

C. Kết luận

– Mô tả chi tiết về khả năng của trẻ xem trẻ có thể làm gì, trẻ có những điểm mạnh nào.

– Để trống mục 1). Dạng khó khăn chính, 2) Mức độ khiếm khuyết vì phần này sẽ được sử lý sau khi kết hợp với một số thống tin khác về đặc điểm của trẻ.

– 3) Nhu cầu hỗ trợ: Trao đổi với người giám hộ và đánh dấu vào mục nhu cầu cần hỗ trợ bao gồm các nhóm dịch vụ sau: Can thiệp sớm; Hỗ trợ kỹ năng đặc thù; Giáo dục hòa nhập; Khác. Trong đó mô tả cụ thể dịch vụ khác nếu có.

– Cuối cùng điền đầy đủ thông tin về ngày tiến hành khảo sát và ký tên trước khi nộp phiếu.

Phụ lục 6.

MẪU KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN
HỌC SINH KHUYẾT TẬT TRUNG HỌC CƠ SỞ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:.....
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO:.....
TRƯỜNG:.....

Họ và tên học sinh ..... Nam ☐; Nữ ☐.
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....dân tộc: … ……..
Dạng khuyết tật: Nghe ☐; Nhìn ☐; Trí tuệ ☐; Ngôn ngữ ☐;
Vận động ☐; Tâm thần kinh ☐; Tự kỷ ☐; Đọc ☐; Viết ☐; Toán ☐
Khác Ghi rõ): … … … … … … … … … … … … … …
… …
… …

ảnh của học sinh
kích thước
6x9 cm

A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG CỦA HỌC SINH

Họ và tên học sinh: … … … … … … … … … … … … … … … Nam ☐ Nữ ☐
Ngày tháng năm sinh: … … / ……/ ….. Dân tộc..… … … … … … … … … … …
Học lớp:..... Trường: …
Học sinh có đi học mẫu giáo: Có ☐, trường: … … … … … … … … … … … … …
Không ☐, lý do: …
Hồ sơ y tế/tâm lý: Có ☐ gồm: … … … … … … … … … … … … … … … … … … …
Không ☐ lý do: …
Họ tên bố: … … … … … … … … … … … … .Nghề nghiệp: … … … … … … … …
Họ tên mẹ: … … … … … … … … … … … … …Nghề nghiệp: … … … … … … … …
Địa chỉ gia đình: …
Địa chỉ liên lạc: Điện thoại: … … … … … … … … …Email: … … … … … … … …
Người thường xuyên chăm sóc học sinh: Ông☐ Bà☐ Bố☐ Mẹ☐ Anh☐ Chị☐
Khác:.....
Người có thể tham gia chăm sóc giáo dục học sinh: Ông☐ Bà☐ Bố☐ Mẹ☐ Anh☐ Chị☐
Khác: .....

Đặc điểm kinh tế gia đình: Khá ☐ Trung bình ☐ Cận nghèo ☐ Nghèo ☐
Đặc điểm phát triển của học sinh: .....

B. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA HỌC SINH

Thông tin lấy từ: Ông ☐; Bà ☐; Bố ☐; Mẹ ☐; Anh ☐; Chị ☐;
Bạn bè ☐; Quan sát ☐

Công cụ đánh giá/trắc nghiệm ☐, tên công cụ đánh giá (có thể sử dụng các công cụ trong phụ lục 1, 2, 3) và các công cụ đặc thù khác: .....
.....

1. Điểm mạnh của học sinh:

Nhận thức:.....
Ngôn ngữ – giao tiếp:.....
Tình cảm và kỹ năng xã hội:.....
– Kỹ năng tự phục vụ:.....
Thể chất – Vận động:.....
– Nghệ thuật (Thủ công, kĩ thuật, hát nhạc, vẽ …):.....

2. Hạn chế của học sinh:

Nhận thức:.....
Ngôn ngữ – giao tiếp:.....
Tình cảm và kỹ năng xã hội:.....
– Kỹ năng tự phục vụ:.....
Thể chất – Vận động:.....
– Nghệ thuật (Thủ công, kĩ thuật, hát nhạc, vẽ …):.....

C. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 20….– 20….

1. Kiến thức, kỹ năng các môn học/ lĩnh vực giáo dục (chỉ ghi những môn học/ hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình phổ thông như các bạn cùng khối lớp)

– Ngữ văn: .....
– Toán: .....
– Ngoại ngữ 1:.....
– Giáo dục công dân:.....
– Khoa học tự nhiên
+ Lý: .....
+ Hóa: .....

+ Sinh: .....
– Lịch sử: .....
– Địa lí: .....
– Giáo dục thể chất: .....
– Tin học: .....
– Mỹ thuật: .....

2. Kỹ năng xã hội

– Kĩ năng giao tiếp: .....
– Kĩ năng tự phục vụ: .....
– Kỹ năng hòa nhập xã hội: .....

3. Kỹ năng đặc thù:.....

.....

.....

.....

D. MỤC TIÊU HỌC KỲ I NĂM HỌC 20..– 20..

1. Kiến thức, kỹ năng các môn học/ lĩnh vực giáo dục (chỉ ghi những môn học/ hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình phổ thông như các bạn cùng khối lớp)

– Ngữ văn: .....
– Toán: .....
– Ngoại ngữ 1:.....
– Giáo dục công dân:.....
– Khoa học tự nhiên
+ Lý: .....
+ Hóa: .....
+ Sinh: .....
– Lịch sử: .....
– Địa lí: .....
– Giáo dục thể chất: .....
– Tin học: .....
– Mỹ thuật: .....

2. Kỹ năng xã hội

– Kĩ năng giao tiếp: .....

– Kĩ năng tự phục vụ: .....
– Kỹ năng hòa nhập xã hội: .....
3. Kỹ năng đặc thù:**.....**
.....

*** KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

Từ ngày… …. / ……/ … … ….. đến ngày … … …./ … ……/ … … … ….

(Chỉ lập kế hoạch cho những môn học, hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình như các bạn cùng khối lớp)

Đánh giá kết quả: 1– đạt; 2 – đạt với sự hỗ trợ; 3 chưa đạt

Mục tiêu	***Biện pháp và phương tiện***	***Người thực hiện***	***Kết quả***			***Ghi chú***
			1	*2*	*3*	
Ngữ văn						
Toán						
Ngoại ngữ 1						
Giáo dục dục công dân						
Lịch sử						
Địa lí						
Khoa học tự nhiên						
Tin học						
Nghệ thuật						
Giáo dục thể chất						
Kỹ năng xã hội Giao tiếp						
Tự phục vụ						
Hòa nhập xã hội						
Kỹ năng đặc thù						

… … …., ngày..... tháng..... năm 20….

Hiệu trưởng **Giáo viên và Giáo viên môn học** **Cha mẹ/người đại diện**

(ký tên, đóng dấu)

*** NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐIỀU CHỈNH**

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học:.....

.....

Kỹ năng xã hội:.....

.....

Kỹ năng đặc thù:.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện:

Về nội dung:.....

.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

.....

Về hình thức tổ chức:.....

.....

*** NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH HỌC KÌ I**

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học và hoạt động giáo dục:.....

.....

Kỹ năng xã hội:.....

.....

Kỹ năng đặc thù:.....

.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện học kì II:

Về nội dung:.....

.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

.....

.....

Về hình thức tổ chức:.....

.....

E. MỤC TIÊU HỌC KỲ II NĂM HỌC 20..– 20..

1. Kiến thức, kỹ năng các môn học/ lĩnh vực giáo dục (chỉ ghi những môn học/ hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình phổ thông như các bạn cùng khối lớp)

– Ngữ văn: .....
– Toán: .....
– Ngoại ngữ 1:.....
– Giáo dục công dân:.....
– Khoa học tự nhiên
+ Lý: .....
+ Hóa: .....
+ Sinh: .....
– Lịch sử: .....
– Địa lí: .....
– Giáo dục thể chất: .....
– Tin học: .....
– Mỹ thuật: .....

2. Kỹ năng xã hội

– Kĩ năng giao tiếp: .....
.....
– Kĩ năng tự phục vụ: .....
.....
– Kỹ năng hòa nhập xã hội: .....
.....

3. Kỹ năng đặc thù:.....
.....
.....
.....
.....
.....

*** KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

Từ ngày… …. / ……/ … … ….. đến ngày … … …./ … ……/ … … … ….

(Chỉ lập kế hoạch cho những môn học, hoạt động giáo dục học sinh không theo được chương trình như các bạn cùng khối lớp)

Đánh giá kết quả: 1– đạt; 2 – đạt với sự hỗ trợ; 3 chưa đạt

Mục tiêu	***Biện pháp và phương tiện***	***Người thực hiện***	***Kết quả***			***Ghi chú***
			1	*2*	*3*	
Ngữ văn						
Toán						
Ngoại ngữ 1						
Giáo dục dục công dân						
Lịch sử						
Địa lí						
Khoa học tự nhiên						
Tin học						
Nghệ thuật						
Giáo dục thể chất						
Kỹ năng xã hội Giao tiếp						
Tự phục vụ						
Hòa nhập xã hội						
Kỹ năng đặc thù						

… … …., ngày..... tháng..... năm 20….

Hiệu trưởng **Giáo viên và Giáo viên môn học** **Cha mẹ/người đại diện**

(ký tên, đóng dấu)

*** NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐIỀU CHỈNH**

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học:.....

.....

Kỹ năng xã hội:.....

.....

Kỹ năng đặc thù:.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện:

Về nội dung:.....

.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

.....

Về hình thức tổ chức:.....

.....

NHẬN XÉT CHUNG VỀ SỰ TIẾN BỘ CỦA HỌC SINH NĂM HỌC 20…/20…

1. Những tiến bộ của học sinh:

Môn học và hoạt động giáo dục:.....

.....

Kỹ năng xã hội:.....

.....

Kỹ năng đặc thù:.....

.....

2. Những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và phương hướng thực hiện năm học tiếp theo:

Về nội dung:.....

.....

Về biện pháp, phương pháp và phương tiện thực hiện:.....

.....

Về hình thức tổ chức:.....

.....

Phụ lục 7

MỘT SỐ MẪU THIẾT BỊ, HỌC LIỆU DẠY HỌC
DÀNH CHO HỌC SINH KHUYẾT TẬT CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. Một số mẫu thiết bị dạy học được thiết kế và sử dụng dành cho học sinh rối loạn phát triển

STT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Hướng dẫn sử dụng
1	Thẻ hành vi	Để học sinh rối loạn phát triển có thể có hành vi phù hợp với tình huống, hoàn cảnh	Thẻ hành vi được in trên màu dạng ảnh, dành cho giáo viên kích thước 9cm*9cm, dành cho học sinh kích thước 4cm*4cm hoặc 6cm*6cm. Nội dung thẻ hành vi gồm: ngồi đẹp, giơ tay khi phát biểu, khoanh tay, giữ trật tự, lắng nghe, tập trung, đoàn kết, chia sẻ, làm bài, vứt rác đúng nơi qui định	Thẻ kích thước lớn dùng cho giáo viên, có thể gắn ở góc bảng hoặc giơ nhắc hỗ trợ học sinh rối loạn phát triển thực hiện hành vi phù hợp trong lớp học khi cần. Thẻ kích thước nhỏ dành cho học sinh rối loạn phát triển để các em tiếp nhận các hành vi phù hợp và chưa phù hợp, tăng cường các hành vi phù hợp trong lớp học.
2	Bảng dính	Để dán 1 quy trình thực hiện 1 hoạt động, kĩ năng để học sinh rối loạn phát triển có thể quan	Bảng dính có thể là dây vải có túi nhỏ có thể gắn các thẻ hoạt động, hành vi, các bước thực hiện riêng rẻ hoặc là bảng dính để học sinh có thể dễ dàng tháo và lắp các thẻ.	Bảng kích thước lớn được gắn cố định ở khu vực bảng lớp dành cho giáo viên để gắn thẻ hành vi, qui trình 1 hoạt động hoặc các bước thực hiện 1 kĩ năng để học sinh rối loạn phát triển có thể quan sát

		sát, thao tác, tiếp nhận từng bước/hoạt động riêng lẻ và cả quy trình tổng thể, có tâ thế sẵn sàng cho việc tham gia từng kĩ năng, hoạt động.	Bảng này có 2 kích thước (15cm*90cm và 6cm*30cm).	trực quan. Các thẻ này có thể được tháo rời và cất khi từng bước/hoạt động được hoàn thành. Bảng kích thước nhỏ dành cho học sinh rối loạn phát triển, được gắn cố định ở khu vực bàn của các em. Các thẻ minh họa từng bước/hoạt động sẽ được các em gắn vào bảng này và tháo ra cất đi khi mỗi bước/hoạt động/nhiệm vụ được hoàn thành.
3	Đồng hồ báo giờ	Giúp học sinh rối loạn phát triển quản lý thời gian và thực hiện nhiệm vụ được giao	Đồng hồ được thiết kế 60 phút, chia vạch từng phút và hiển thị số đơn vị 5 và tròn chục. Trên mặt đồng hồ có nút xoay để qui định thời gian cần thực hiện. Thời gian này được hiển thị bảng màu đỏ. Thời gian được đếm lùi – tương đương với bảng màu đỏ thu hẹp dần. Có chuông báo khi hết giờ.	Giáo viên có thể gắn đồng hồ cố định ở góc bảng, qui định thời gian thực hiện nhiệm vụ cho học sinh rối loạn phát triển bằng cách vặn núm quay số thời gian được giao. Bảng màu đỏ hết đồng nghĩa với thời gian hết, kim quay về vạch số 0, chuông sẽ reo.

B. Một số mẫu thiết bị dạy học được thiết kế và sử dụng dành cho học sinh khuyết tật nghe, nói

STT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Hướng dẫn sử dụng
1	Từ điển ngôn ngữ kí hiệu	Giúp người khiếm thính tra cứu các mẫu ký hiệu giao tiếp ở các vùng miền khác nhau của Việt Nam (dạng từ điển điện tử)		Vào phần tìm kiếm ký hiệu gõ từ cần tra, giao diện màn hình sẽ hiện lên kí hiệu của từ đó ở cả 3 miền Bắc, Trung Nam
2	Găng tay giúp biến ngôn ngữ kí hiệu thành giọng nói	Giúp việc giao tiếp của người khiếm thính trở nên đơn giản hơn, những ký hiệu ngôn ngữ sẽ được tự động chuyển thành văn bản và giọng nói trên điện thoại thông minh.	Hệ thống phân tích này hoạt động theo thời gian thực và có thể diễn giải 660 ký hiệu ngôn ngữ với độ chính xác 98,63%. Găng tay được tích hợp các cảm biến co giãn và một bảng mạch có kích thước bằng đồng xu ở mặt sau, sau đó truyền tín hiệu không dây đến điện thoại thông minh.	Bộ găng tay này được tích hợp rất nhiều các cảm biến, bao gồm thiết bị cảm ứng, con quay hồi chuyển (Gyroscope), cảm biến gia tốc (Accelerometer) và vài cục pin năng lượng Mặt trời để cung cấp năng lượng cho găng tay. Nhờ các cảm biến này, găng tay sẽ biết được người đeo chúng đang ra hiệu những gì, sau đó dùng cơ sở dữ liệu để chuyển chúng thành văn bản rồi sau cùng là lời nói hoàn chỉnh thông qua các phần mềm chuyển văn bản thành giọng nói. Toàn

			Ứng dụng trên điện thoại ngay lập tức sẽ chuyển đổi ngôn ngữ ký hiệu thành văn bản trong thời gian thực với tốc độ lên tới một từ mỗi giây (60 từ mỗi phút).	bộ hệ thống này khi hoạt động sẽ kết nối với một chiếc smartphone qua Bluetooth.
3	Bộ chữ cái, chữ số ngón tay	Giúp học sinh thực hành chữ cái, chữ số, ghép vần, ghép tiếng khóa, từ khóa thông qua việc thể hiện bằng tay	Bộ chữ cái, chữ số ngón tay bao gồm: + 29 chữ cái tiếng Việt và hình ảnh chữ cái ngón tay + 6 dấu thanh và hình ảnh dấu thanh bằng ngón tay. + Kí hiệu số từ 0–9. + Các kí hiệu về dấu so sánh, phép tính, các hình cơ bản, thời gian.	Bộ chữ cái, chữ số ngón tay được sử dụng cho các môn học tiếng Việt và Toán lớp 1. Hỗ trợ học sinh có khó khăn về nói hoặc học sinh không nói được (câm điếc) dễ dàng trong học tập, thực hiện bài học trên lớp.
4	Máy ghi âm	Giúp người nói lắp duy trì và cải thiện được sự tự tin trong	Các thiết bị được thiết kế chuyên có chức năng ghi âm (máy ghi âm các	Tự cải thiện bằng máy ghi âm: Sự tự tin là điều quan trọng trong điều trị tật nói lắp. Người bị nói lắp không

		quá trình giao tiếp. Người nói lắp ghi âm và nghe lại những gì đã nói, từ đó tự đánh giá cách nói và giọng để nhận thức điểm cần sửa chữa.	loại), hoặc các loại điện thoại, máy tính, thiết bị điện tử khác có sử dụng phần mềm ghi âm.	nên nghĩ bản thân mình kỳ lạ khi nói chuyện không trôi chảy. Người bị nói lắp cần tin vào chính bản thân và luyện tập hàng ngày để cải thiện khả năng giao tiếp của bản thân. Máy ghi âm là công cụ hỗ trợ điều trị tật nói lắp hữu hiệu. Khi người nói lắp ghi âm và nghe lại những gì đã nói, họ sẽ tự đánh giá cách nói và giọng để nhận thức điểm cần sửa chữa. Ngoài ra, những đoạn hội thoại trôi chảy của người khác sẽ giúp họ luyện tập và bắt chước lối giao tiếp để dần sửa tật lặp từ khi giao tiếp. Trong quá trình ghi âm, không chỉ nói những câu ngắn hay đơn giản mà cần thực hiện cả những câu nói dài. Khi đã rèn luyện và tự tin hơn với máy ghi âm, cần chuyển sang thực hiện cuộc trò chuyện trực tiếp với những người xung quanh.